

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KHÁNH HÒA
BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ NAM KHÁNH HÒA**

**ĐỀ ÁN
DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ
GIAI ĐOẠN 2025 – 2029
CỦA BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ NAM KHÁNH HÒA**



Cam Ranh, Năm 2025

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KHÁNH HÒA
BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ NAM KHÁNH HÒA

ĐỀ ÁN
DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ
GIAI ĐOẠN 2025 – 2029
CỦA BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ NAM KHÁNH HÒA

CHỦ RỪNG
BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ
NAM KHÁNH HÒA



PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Long Châu

Ngô Long Châu

Cam Ranh, Năm 2025

MỤC LỤC

TÓM TẮT ĐỀ ÁN.....	1
MỞ ĐẦU.....	4
1. Sự cần thiết của đề án.....	4
2. Nguyên tắc phát triển du lịch.....	5
CHƯƠNG 1. ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI RỪNG PHÒNG HỘ NAM KHÁNH HÒA.....	7
1.1. Điều kiện tự nhiên và tiềm năng du lịch tự nhiên.....	7
1.1.1. Vị trí địa lý, ranh giới và diện tích.....	7
1.1.2. Địa hình, địa chất và thổ nhưỡng.....	9
1.1.3. Khí hậu và mùa du lịch.....	12
1.1.4. Thủy văn.....	14
1.1.5. Hiện trạng sử dụng đất.....	15
1.1.6. Diện tích rừng.....	21
1.1.7. Đa dạng sinh học.....	30
1.1.8. Cảnh quan thiên nhiên.....	40
1.1.9. Đánh giá tổng quát hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên du lịch và các loại sản phẩm du lịch tại RPH Nam Khánh Hòa.....	44
1.2. Dân sinh, kinh tế - xã hội và tiềm năng du lịch văn hóa.....	47
1.2.1. Dân sinh.....	47
1.2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội.....	48
1.2.3. Tiềm năng du lịch văn hoá.....	54
1.3. Giao thông.....	62
1.4. Hiện trạng hoạt động du lịch.....	66
1.4.1. Công tác tổ chức quản lý và nguồn nhân lực.....	66
1.4.2. Hiện trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch.....	67
1.4.3. Hiện trạng loại hình và sản phẩm du lịch.....	67
1.4.4. Hiện trạng các điểm, tuyến, và chương trình du lịch.....	69
1.4.5. Đầu tư du lịch.....	69
1.4.6. Các bên liên quan và hợp tác trong phát triển du lịch.....	69
1.4.7. Hiện trạng hoạt động xúc tiến, quảng bá.....	69
1.4.8. Hiện trạng sự tham gia của cộng đồng.....	69

1.4.9. Hiện trạng công tác bảo vệ môi trường du lịch.....	70
1.4.10. Hiện trạng hoạt động diễn giải thông qua du lịch.....	70
1.4.11. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	70
1.4.12. Đánh giá thuận lợi, khó khăn và giải pháp phát triển du lịch sinh thái... 70	
CHƯƠNG 2. NỘI DUNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ GIAI ĐOẠN 2025 – 2029 CỦA BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ NAM KHÁNH HOÀ.....	73
2.1. Căn cứ xây dựng đề án.....	73
2.1.1. Căn cứ pháp lý.....	73
2.1.2. Cơ sở khoa học thực tiễn.....	76
2.2. Định hướng phát triển.....	82
2.3. Mục tiêu và chỉ tiêu phát triển.....	88
2.3.1. Mục tiêu.....	88
2.3.2. Các chỉ tiêu phát triển.....	89
2.4. Đánh giá các yếu tố tác động đến phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2025-2029.....	90
2.4.1. Từ chính sách.....	90
2.4.2. Từ các cộng đồng và các công ty du lịch.....	91
2.4.3. Từ nội tại BQL RPH Nam Khánh Hòa.....	92
2.4.4. Từ các yếu tố khác.....	92
2.5. Nội dung phát triển các địa điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2025-2029 của Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa.....	92
2.5.1. Định hướng và thuyết minh phương án lựa chọn các điểm du lịch.....	92
2.5.2. Định hướng và thuyết minh phương án lựa chọn các tuyến du lịch.....	123
2.5.3. Các phương thức tổ chức thực hiện.....	138
2.6. Đề xuất các danh mục dự án ưu tiên đầu tư, kinh phí thực hiện.....	138
2.6.1. Khái toán đầu tư, nguồn vốn, phân kỳ đầu tư và phương án huy động vốn.....	139
2.6.2. Các dự án ưu tiên phát triển.....	140
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ GIAI ĐOẠN 2025 – 2029 CỦA BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ NAM KHÁNH HOÀ.....	145

3.1. Nhóm giải pháp về bảo vệ môi trường du lịch, bảo vệ phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và phòng cháy chữa cháy.....	145
3.1.1. Giải pháp bảo vệ môi trường du lịch.....	145
3.1.2. Giải pháp bảo vệ rừng, phát triển rừng.....	146
3.1.3. Giải pháp bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học.....	147
3.1.4. Giải pháp phòng cháy, chữa cháy.....	147
3.2. Nhóm các giải pháp về cơ chế, chính sách và quản lý.....	148
3.3. Nhóm giải pháp nâng cao nhận thức và phát triển nguồn nhân lực du lịch.....	149
3.4. Nhóm giải pháp về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất kỹ thuật.....	149
3.5. Nhóm giải pháp về phát triển loại hình, sản phẩm du lịch.....	153
3.6. Nhóm giải pháp vốn và đầu tư du lịch.....	154
3.6.1. Nhóm giải pháp vốn.....	154
3.6.2. Nhóm giải pháp đầu tư du lịch.....	155
3.7. Nhóm giải pháp liên kết phát triển du lịch.....	156
3.8. Nhóm giải pháp xúc tiến quảng bá và phát triển thị trường du lịch.....	157
3.9. Nhóm giải pháp phát triển cộng đồng và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá bản địa.....	158
3.10. Nhóm giải pháp về diễn giải, giáo dục.....	158
3.10.1. Giải pháp về biển báo và diễn giải.....	158
3.10.2. Giải pháp về chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.....	159
3.11. Nhóm giải pháp về an ninh, an toàn trong tổ chức hoạt động du lịch.....	159
3.12. Nhóm giải pháp chuyển đổi số hướng đến du lịch thông minh.....	159
CHƯƠNG 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN, QUẢN LÝ GIÁM SÁT VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN.....	161
4.1. Tổ chức thực hiện.....	161
4.1.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường.....	161
4.1.2. BQL RPH Nam Khánh Hòa.....	161
4.1.3. Các cơ quan ban, ngành địa phương liên quan.....	163
4.1.4. Trách nhiệm của cộng đồng địa phương.....	163

4.1.5. Trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển DLST.....	164
4.2. Trách nhiệm tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.....	164
4.2.1. Trách nhiệm tổ chức giám sát của BQL RPH Nam Khánh Hoà.....	164
4.2.2. Vai trò giám sát của các bên liên quan.....	165
4.2.3. Tổ chức giám sát của các bên liên quan.....	166
4.3. Hiệu quả của đề án.....	167
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	169
1. Kết luận.....	169
2. Kiến nghị.....	169
PHỤ LỤC.....	160

MỤC LỤC BẢNG

Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất của BQLRPH Nam Khánh Hòa năm 2024.....	16
Bảng 2. Hiện trạng sử dụng đất phân theo chức năng và hiện trạng đất đai năm 2024 của BQL RPH Nam Khánh Hòa.....	18
Bảng 3. Hiện trạng sử dụng đất cho phát triển du lịch sinh thái.....	20
Bảng 4. Thống kê hiện trạng rừng của BQL RPH Nam Khánh Hòa.....	23
Bảng 5. Thống kê hiện trạng rừng các điểm, tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của BQL RPH Nam Khánh Hòa.....	29
Bảng 6. Một số họ và số lượng loài hiện có trong rừng.....	30
Bảng 7. Tổng hợp số loài của động vật hoang dã theo các lớp.....	32
Bảng 8. Danh mục loài thực vật nguy cấp tại rừng.....	34
Bảng 9. Số lượng loài động vật rừng theo các mức nguy cấp.....	37
Bảng 10. Biểu thống kê dân số Trong phạm vi lâm phận của BQL RPH Nam Khánh Hòa.....	47
Bảng 11. Biểu thống kê dân số, lao động theo thành phần dân tộc.....	47
Bảng 12. Biểu thống kê dân số, lao động theo giới tính.....	49
Bảng 13. Hiện trạng các công trình hạ tầng giao thông.....	63
Bảng 14. Cơ cấu tổ chức của đơn vị.....	66
Bảng 15. Tiêu chí đánh giá các điểm tham quan, điểm du lịch tiềm năng.....	94
Bảng 16. Tổng hợp các điểm tham quan, du lịch ưu tiên phát triển.....	96
Bảng 17. Thuyết minh quy hoạch khu du lịch sinh thái sông Hàm Leo.....	100
Bảng 18. Thuyết minh quy hoạch khu du lịch sinh thái thác Tà Gụ.....	102
Bảng 19. Thuyết minh quy hoạch khu du lịch sinh thái thung lũng Ô Kha.....	104
Bảng 20. Thuyết minh quy hoạch khu du lịch sinh thái căn cứ địa cách mạng	107
Bảng 21. Thuyết minh quy hoạch khu du lịch sinh thái Sơn Hiệp.....	110
Bảng 22. Thuyết minh quy hoạch khu du lịch sinh thái Xóm Cỏ.....	113
Bảng 23. Thuyết minh quy hoạch khu du lịch sinh thái Tô Hạp.....	115
Bảng 24. Thuyết minh quy hoạch khu du lịch sinh thái Ba Cùm Nam.....	118
Bảng 25. Thuyết minh quy hoạch khu du lịch sinh thái đỉnh đèo Khánh Sơn..	121
Bảng 26. Thuyết minh tuyến du lịch sinh thái Tà Giang.....	126

Bảng 27. Thuyết minh tuyến du lịch sinh thái thác Lavan – thác Sa Gai.....	128
Bảng 28. Thuyết minh tuyến du lịch sinh thái thác Cà Zôn – thác Tà Gụ.....	131
Bảng 29. Thuyết minh tuyến du lịch sinh thái thác Tà Gụ - đỉnh Hòn Bà.....	134
Bảng 30. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, nguồn vốn và phương thức thực hiện.....	141

MỤC LỤC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa.....	7
Hình 2. Bản đồ địa hình RPH Nam Khánh Hoà.....	9
Hình 3. Nhiệt độ trung bình các tháng đo tại trạm quan trắc Nha Trang.....	14
Hình 4. Hệ sinh thái rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa.....	40
Hình 5. Thác Tà Gụ.....	41
Hình 6. Suối Tà Rục.....	42
Hình 7. Suối Tô Hạp.....	42
Hình 8. Thác Cà Zôn.....	43
Hình 9. Thác Lavan.....	44
Hình 9. Lễ Bỏ mả của người Raglai.....	56
Hình 10. Lễ cưới của người Raglai.....	57
Hình 11. Kiến trúc nhà sàn Người Raglai.....	57
Hình 12. Dân gian văn hoá Raglai.....	58
Hình 13. Trang phục truyền thống của đồng bào Raglai.....	59
Hình 14. Di tích lịch sử căn cứ cách mạng Tô Hạp.....	61
Hình 15. Lễ đón nhận bằng xếp hạng di tích tỉnh “Di tích khảo cổ địa điểm Dốc Gạo”.....	61
Hình 16. Danh lam thắng cảnh thác Tà Gụ.....	62
Hình 17. Sơ đồ bản vẽ tổng mặt bằng các điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch.....	99
Hình 18. Sơ đồ bản vẽ tổng mặt bằng các tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch.....	125

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
BNN&PTNT	Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn
BQL	Ban quản lý
BVR	Bảo vệ rừng
CNQSDĐ	Chứng nhận quyền sử dụng đất
ĐDSH	Đa dạng sinh học
DLST	Du lịch sinh thái
DLSTNDGT	Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
NĐ-CP	Nghị định - Chính phủ
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QĐ	Quyết định
QLBVR	Quản lý bảo vệ rừng
RĐD	Rừng đặc dụng
RPH	Rừng phòng hộ
SĐVN	Sách đỏ Việt Nam
TP	Thành phố
TMTR	Thuê môi trường rừng
UBND	Ủy ban nhân dân
VQG	Vườn quốc gia

TÓM TẮT ĐỀ ÁN

1. Nhu cầu tổ chức phát triển du lịch sinh thái, giải trí và nghỉ dưỡng

Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (DLSTNDGT) tại các VQG, khu bảo tồn, BQL rừng phòng hộ là xu hướng được khuyến khích từ lâu trên thế giới và tại Việt Nam. Luật Lâm nghiệp quy định rõ việc phát triển DLSTNDGT là một trong những mục đích sử dụng rừng. Theo đó “Chủ rừng xây dựng đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”. Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung bởi nghị định 91/2024/NĐ-CP ngày 18/07/2024 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật lâm nghiệp. Đặc biệt, Nghị định có đưa ra những quy định về việc tổ chức thực hiện, phối hợp giữa hoạt động DLSTNDGT với các hoạt động quản lý chung của khu rừng phòng hộ cũng như việc cho thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ DLSTNDGT. Những định hướng này vừa đặt ra yêu cầu hoàn thiện tổ chức kinh doanh DLSTNDGT một cách có kế hoạch, chiến lược, giảm thiểu tác động tiêu cực của du lịch thông qua một đề án được xây dựng bài bản, vừa tạo ra những cơ hội mới để huy động rộng rãi nguồn lực nhằm phát triển DLSTNDGT hỗ trợ công tác bảo tồn và phát triển kinh tế địa phương.

Trong xu hướng phát triển mạnh mẽ của nhu cầu du lịch trên thế giới và tại Việt Nam, nhất là xu hướng tiêu dùng du lịch xanh, du lịch sinh thái, với giá trị tài nguyên du lịch sinh thái to lớn của RPH Nam Khánh Hòa bao gồm tiềm năng về vị trí địa lý và cảnh quan tự nhiên, đa dạng sinh học và văn hóa, đáp ứng yêu cầu về quản lý, BQL RPH Nam Khánh Hòa xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2025 - 2029.

2. Mục tiêu và chỉ tiêu phát triển

Mục tiêu chung

- Bảo tồn hệ sinh thái rừng gắn với việc khai thác tiềm năng môi trường sinh thái tự nhiên của rừng phòng hộ một cách hợp lý để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái và giáo dục môi trường rừng tại RPH Nam Khánh Hòa nhằm phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng tại địa phương. Góp phần tuyên truyền, giáo dục cho người dân địa phương và du khách về các giá trị tài nguyên thiên nhiên và môi trường rừng. Du lịch sinh thái ở RPH Nam Khánh Hòa sẽ trở thành mô hình mẫu về tính bền vững, trách nhiệm, chuyên nghiệp, đem lại nguồn thu ổn định cho bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và góp phần phát triển kinh tế địa phương. Huy động nguồn lực trong xã hội để phát triển dịch vụ du lịch tăng

nguồn thu để tái đầu tư thực hiện có hiệu quả Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020 – 2029 của Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa.

Mục tiêu cụ thể

- Khai thác các tiềm năng tự nhiên về cảnh quan, môi trường và sự đa dạng về tài nguyên tự nhiên của các hệ sinh thái rừng, di tích lịch sử văn hóa để phát triển DLST, nghỉ dưỡng, giải trí theo hướng phát triển bền vững, bảo tồn nguyên vẹn các giá trị văn hoá, lịch sử.

- Thông qua phát triển DLST, nghỉ dưỡng, giải trí góp phần tuyên truyền, giáo dục cho người dân địa phương và du khách về các giá trị tự nhiên, văn hóa, lịch sử và nhân văn khu vực, từ đó nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

- Phát triển các loại hình và sản phẩm du lịch phục vụ việc nghỉ ngơi, giải trí, tham quan, học tập và nghiên cứu khoa học, làm phong phú thêm các hoạt động du lịch của địa phương.

- Nâng cao nhận thức và hành động của cộng đồng địa phương đối với các tài sản vô giá về du lịch cảnh quan - văn hóa - lịch sử, tạo công ăn việc làm thường xuyên và ổn định nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân sống gần rừng.

- Tạo nguồn thu ổn định, bền vững từ các hoạt động DLST, tăng thu nhập cho cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong BQL RPH Nam Khánh Hòa và hỗ trợ phát triển ở vùng đệm, tạo điều kiện thuận lợi cho BQL RPH Nam Khánh Hòa hướng tới mục tiêu tự chủ tài chính.

- Xây dựng cơ sở pháp lý, xác định rõ trách nhiệm, quyền lợi của các bên, trong khai thác các tiềm năng tự nhiên về cảnh quan, môi trường và sự đa dạng về tài nguyên tự nhiên của hệ sinh thái rừng, văn hóa, di tích lịch sử. Làm cơ sở để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê môi trường rừng của BQL RPH Nam Khánh Hòa lập dự án đầu tư du lịch sinh thái kết hợp với bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên đảm bảo phù hợp các quy định của pháp luật.

- Thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa một cách hiệu quả và đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Các chỉ tiêu phát triển

Giai đoạn 2025-2029:

- Đến năm 2029: Lượt khách đến RPH Nam Khánh Hòa đạt trên 70.000 lượt/năm/các điểm, tuyến du lịch; doanh thu từ dịch vụ du lịch đạt trên 15 tỷ đồng. Thu hút nhà đầu tư có trách nhiệm tham gia đầu tư phát triển trên tất cả các điểm, tuyến du lịch. Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ về ngành du lịch sinh thái khoảng 100 người. Thu hút người dân địa phương tham gia vào các hoạt động

du lịch và dịch vụ khác (bán hàng lưu niệm). Tạo việc làm thường xuyên cho 100 lao động trực tiếp và 200 lao động gián tiếp. Hoàn thành 100% các tuyến, điểm du lịch được vận hành và hoạt động hiệu quả về môi trường, kinh tế và xã hội, góp phần tích cực vào các nỗ lực bảo tồn, nâng cao nhận thức và thu nhập cho BQL và cộng đồng địa phương. Du lịch trở thành một trong các nguồn thu chính cho BQL RPH Nam Khánh Hòa và là nguồn tái đầu tư quan trọng cho các hoạt động quản lý, bảo tồn thiên nhiên và phục hồi các loài, hệ sinh thái bị suy thoái. Xây dựng kế hoạch phát triển mở rộng sản phẩm du lịch (du lịch thể thao, du lịch mạo hiểm), kết nối, hợp tác với các khu du lịch trong tỉnh và ngoài tỉnh.

3. Tổng mức đầu tư, phân kỳ của Đề án: Thể hiện chi tiết trong dự án du lịch sinh thái, được xây dựng sau khi đề án được phê duyệt.

4. Giải pháp phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- Để triển khai thực hiện đề án phát triển du lịch sinh thái hiệu quả kết hợp bảo tồn, bảo vệ chức năng của khu rừng phòng hộ, BQL RPH Nam Khánh Hòa đưa ra 12 nhóm giải pháp phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2025 - 2029 cụ thể như sau:

1. Nhóm giải pháp bảo vệ môi trường du lịch, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và phòng cháy, chữa cháy
2. Nhóm các giải pháp về cơ chế, chính sách và quản lý
3. Nhóm các giải pháp nâng cao nhận thức và phát triển nguồn nhân lực du lịch
4. Nhóm giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch
5. Nhóm giải pháp phát triển loại hình, sản phẩm du lịch
6. Nhóm giải pháp đầu tư du lịch
7. Nhóm giải pháp liên kết phát triển du lịch
8. Nhóm giải pháp xúc tiến quảng bá và phát triển thị trường du lịch
9. Nhóm giải pháp phát triển cộng đồng và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa cộng đồng địa phương
10. Nhóm giải pháp về diễn giải, giáo dục
11. Nhóm giải pháp về an ninh, an toàn trong tổ chức hoạt động du lịch
12. Nhóm giải pháp chuyển đổi số hướng đến du lịch thông minh

(Chi tiết các giải pháp phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Chương 3. Giải pháp phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2025 – 2029 của Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa).

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề án

- Ban Quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa (BQL RPH Nam Khánh Hòa) được thành lập theo Quyết định số 3496/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc tổ chức lại Ban Quản lý rừng phòng hộ Cam Lâm và Ban Quản lý rừng phòng hộ Khánh Sơn. BQL RPH Nam Khánh Hòa nằm phía Tây - Nam tỉnh Khánh Hòa. Được giao quản lý sử dụng 30.212,30 ha rừng và đất rừng.

- Rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa được các nhà khoa học trong nước và quốc tế đánh giá là một trong những khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao, với thành phần động, thực vật phong phú, đa dạng. nơi lưu giữ 136 loài thực vật và 42 loài động vật trong đó lớp thú có 15 loài; lớp Chim có 8 loài; lớp Bò sát có 11 loài; LớpẾch, nhái có 2 loài và lớp Cá có 6 loài. Nhiều loài thực vật quý hiếm nằm trong sách đỏ Việt Nam, IUCN, NĐ 06 như Pơ mu, Bách xanh, Trầm hương, Kiên kiên, Re hương, Re xanh phấn, Kơ nia, Gụ mật, Gụ lau, Cà te, Giáng hương, Cẩm lai, Cẩm thị, Ươi... và có 32 loài động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng như Cây đồng, cây hương, gấu cho, mèo gấm, sóc bay, trĩ, kỳ đà vân, cóc rừng, chình bông...

- RPH Nam Khánh Hòa có địa hình tương đối phức tạp, độ dốc lớn, thấp dần từ tây sang đông với các dạng địa hình núi, đồi; địa hình chia cắt mạnh bởi các hệ thống sông, suối đẹp như suối Suối Thượng, suối Tà Rục, Suối Hành, suối Tà Gụ, Suối Tà Rục. Có rất nhiều suối vừa và nhỏ phân bố khá đều về không gian và có lưu vực lớn, vị trí thuận lợi, nhiều thác nước có cảnh quan đẹp phân bố dọc các suối là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch.

- Ngoài giá trị đa dạng sinh học và cảnh quan thiên nhiên thì RPH Nam Khánh Hòa vẫn lưu giữ nhiều giá trị văn hóa là nơi sinh sống của dân tộc Raglai, Chăm Hroi hiện còn lưu giữ nhiều nét văn hóa độc đáo, đậm đà bản sắc dân tộc qua phong tục tập quán như tiếng nói, chữ viết, văn nghệ, thờ cúng...

- Có thể nói, rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội và duy trì sự cân bằng sinh thái và môi trường, góp phần vào chiến lược phát triển kinh tế lâu dài của tỉnh Khánh Hòa nói chung và khu vực RPH Nam Khánh Hòa nói riêng. Thế mạnh để phát triển du lịch sinh thái của khu vực như danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa, cùng với những văn hóa vật thể, phi vật thể của địa phương và sắc thái văn hóa đặc trưng của đồng bào các dân tộc nơi đây. Trong đó đáng chú ý là loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được phát triển dựa trên việc khai thác các điều kiện tự nhiên và nhân văn, góp phần vào bảo tồn và tôn tạo các giá trị tự nhiên và văn hóa của

địa phương. Mặc dù vậy, cho đến nay việc phát triển du lịch sinh thái ở RPH Nam Khánh Hòa vẫn còn nhiều hạn chế, các sản phẩm du lịch đặc thù từ đa dạng sinh học, sinh thái cảnh quan chưa được khai thác, thiếu các khu du lịch hấp dẫn được quy hoạch mang tính chiến lược lâu dài.

Năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã Quyết định phê duyệt “*Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020 – 2029 của Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa*” tại Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Để triển khai thực hiện phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020 – 2029 của Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa, đồng thời xây dựng các định hướng phát triển phương thức tổ chức du lịch sinh thái trong rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa, việc xây dựng “***Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2025 – 2029 của Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa***”, là rất cần thiết, là cơ sở pháp lý cho các hoạt động du lịch sinh thái trong rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa. Đề án giúp ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa từng bước khai thác các tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí nhằm phát huy các lợi thế du lịch trên cơ sở khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên văn hoá. Qua đó, đề án góp phần tạo nguồn thu bền vững, hướng tới thực hiện cơ chế tự chủ của BQL, thúc đẩy kinh tế, xã hội địa phương, nâng cao đời sống của cộng đồng, góp phần bảo vệ môi trường và gìn giữ văn hoá của địa phương.

2. Nguyên tắc phát triển du lịch

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với các chính sách, định hướng, chiến lược quốc gia, ngành và địa phương về phát triển du lịch, lâm nghiệp, đa dạng sinh học và phát triển kinh tế xã hội;

- Phù hợp với các chính sách, định hướng, chiến lược quốc gia, ngành và địa phương về phát triển du lịch, lâm nghiệp, đa dạng sinh học và phát triển kinh tế xã hội;

- Đảm bảo phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020 – 2029 của Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa; đầy đủ nội dung nội dung theo quy định của điều 23, 24 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính Phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10, 11 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Lâm Nghiệp;

- Góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các bên liên quan và khuyến khích các bên liên quan tham gia vào các hoạt động bảo tồn thiên nhiên,

bảo vệ cảnh quan và các loài động, thực vật hoang dã đồng thời góp phần bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo vệ rừng đầu nguồn, nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, sạt lở, lũ quét, lũ ống, chống sa mạc hoá, hạn chế thiên tai, điều hoà khí hậu ở rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa.

- Góp phần vào việc gìn giữ văn hóa địa phương và giúp phát triển kinh tế và tạo việc làm cho cộng đồng sống trong rừng và ở vùng đệm từ các hoạt động du lịch sinh thái để khuyến khích người dân tham gia vào hoạt động bảo tồn thiên nhiên, phát triển rừng.

- Mang lại thu nhập bền vững và bình đẳng cho cộng đồng địa phương và các bên tham gia khác. Mang lại nguồn tài chính phục vụ cho công tác bảo tồn và phát triển các điểm đến du lịch.

- Giáo dục nâng cao nhận thức và hiểu biết, khả năng hưởng thụ của du khách và tăng cường sự tham gia của họ vào công tác bảo tồn. Tạo điều kiện cho các bên tham gia một cách công bằng và có trách nhiệm vào phát triển du lịch sinh thái bền vững.

- Có hệ thống giám sát, biện pháp ứng phó và giảm thiểu với các tác động của du lịch về môi trường thiên nhiên, sự tồn tại và phát triển của các loài động, thực vật hoang dã và giúp ngăn chặn sự phát triển của các loài ngoại lai xâm hại.

- Việc xây dựng các công trình phục vụ cho hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

+ Không ảnh hưởng tiêu cực đến mục tiêu phòng hộ, bảo vệ cảnh quan, môi trường; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, không chặt phá rừng; các công trình xây dựng phải dựa vào thiên nhiên, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, khuyến khích sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường;

+ Không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước về rừng, tài nguyên thiên nhiên trên mặt đất và dưới lòng đất;

+ Không làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử - văn hóa;

+ Chủ dự án chịu trách nhiệm bảo vệ, bảo tồn, phát triển tài nguyên rừng trên diện tích tổ chức hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của chủ rừng.

CHƯƠNG 1. ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI RỪNG PHÒNG HỘ NAM KHÁNH HÒA

1.1. Điều kiện tự nhiên và tiềm năng du lịch tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý, ranh giới và diện tích

Vị trí địa lý và ranh giới

Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa nằm trên địa bàn các xã bao gồm:

- Huyện Cam Lâm: Xã Cam Tân, Sơn Tân, Cam Phước Tây;
- Thành phố Cam Ranh: Xã Cam Phước Đông.
- Huyện Khánh Sơn: Xã Ba Cạm Bắc, Ba Cạm Nam, Sơn Bình, Sơn Hiệp, Sơn Lâm, Sơn Trung, Thành Sơn và thị trấn Tô Hạp.

* **Toạ độ địa lý:** Theo hệ toạ độ UTM

- Từ 108°47'03" đến 109°05'56" kinh độ đông.
- Từ 11°53'57" đến 12°09'05" vĩ độ bắc.

* **Ranh giới tiếp giáp:**

- Bắc giáp: Huyện Khánh Vĩnh và xã Suối Tân - huyện Cam Lâm.
- Nam giáp: Huyện Bắc Ái, huyện Ninh Sơn - tỉnh Ninh Thuận và xã Cam Thịnh Tây, tp Cam Ranh.
- Đông giáp: Xã Cam Hiệp Bắc, Cam Hiệp Nam, Cam An Bắc, huyện Cam Lâm.
- Tây giáp: Huyện Ninh Sơn - tỉnh Ninh Thuận



Hình 1. Sơ đồ vị trí và môi liên hệ vùng rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa

Rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa nằm trên địa bàn 3 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà có vị trí giao thông kết nối thuận lợi với các thành phố lớn trong tỉnh như cách trung tâm thành phố Cam Ranh khoảng 47,5km thời gian di chuyển khoảng 1 giờ 5 phút kết nối qua trục giao thông QL656, cách thành phố Nha Trang khoảng 72,7 km thời gian di chuyển bằng ô tô khoảng 1 giờ 42 phút qua QL1 và DT656, cách thị xã Ninh Hòa khoảng 100km thời gian di chuyển bằng ô tô khoảng 2 giờ 12 phút kết nối giao thông qua CT01 và kết nối các thành phố lớn của các tỉnh như cách thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tỉnh Ninh Thuận khoảng 96,4 km thời gian di chuyển bằng ô tô khoảng 1 giờ 44 phút qua CT01 hoặc qua QL1, cách thành phố Đà Lạt tỉnh Lâm Đồng khoảng 141km thời gian di chuyển bằng ô tô khoảng 3 giờ 8 phút. Ngoài ra du khách có thể đến RPH Nam Khánh Hòa bằng đường hàng không thông qua Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh. Có thể thấy rằng RPH Nam Khánh Hòa có vị trí thuận lợi kết nối giao thông với các thành phố trong và ngoài tỉnh ngoài ra có thể đón lượng lớn du khách quốc tế thông qua cảng hàng không quốc tế Cam Ranh.

Diện tích

- Căn cứ kết quả rà soát, thống kê diện tích rừng và đất rừng đến năm 2023, Thông tư 27/2018/TT-BTNMT, ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Các quyết định giao đất cho BQL RPH của UBND tỉnh Khánh Hòa các thời kỳ. Tổng diện tích tự nhiên quản lý của BQL RPH Nam Khánh Hòa 30.212,30 ha trong đó diện tích đất rừng phòng hộ là 22.470,19 ha, đất rừng sản xuất 7.671,55 ha và đất ngoài lâm nghiệp là 70,56 ha.

Nhận xét:

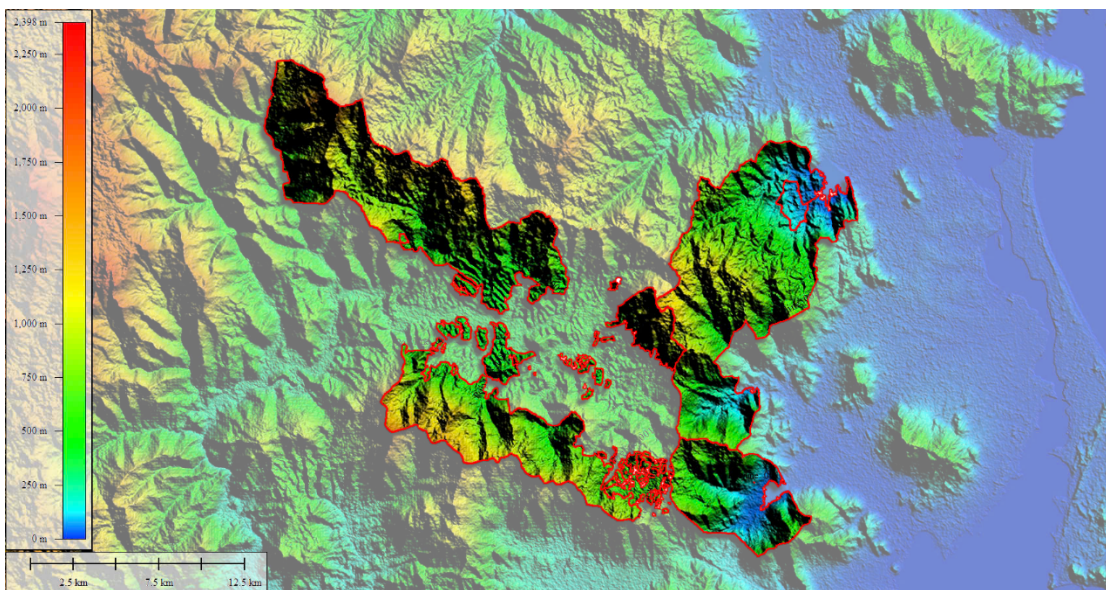
- Rừng và đất lâm nghiệp của BQL RPH Nam Khánh Hòa khá tập trung, hầu hết là liền vùng, liền khoảnh nên thuận tiện trong công tác quản lý, bảo vệ. Trụ sở chính của BQL có vị trí thuận lợi, nằm trên đường quốc lộ và các đường tỉnh lộ, liên huyện, liên xã nên rất thuận tiện trong việc di chuyển, kết nối các vùng và xử lý các vụ việc phát sinh khi tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn quản lý.

- Diện tích quản lý, sử dụng 30.212,30 ha được thiên nhiên ưu đãi nhiều tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên văn hoá là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái phát huy được hết giá trị hiện có trên diện tích quản lý.

- Diện tích rừng thay đổi có xu hướng tăng lên do hằng năm BQL RPH Nam Khánh Hòa thực hiện các dự án trồng rừng phòng hộ và trồng rừng thay thế trên diện tích đất trống DT1, những đến nay các diện tích rừng trồng mới được

BQL chăm sóc, bảo vệ phát triển và sinh trưởng tốt. Đồng thời đối với công tác cập nhật diễn biến rừng theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng; Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng đối với diện tích đất trồng DTTS góp phần làm tăng diện tích rừng của đơn vị.

1.1.2. Địa hình, địa chất và thổ nhưỡng



Hình 2. Bản đồ địa hình RPH Nam Khánh Hoà

Địa hình

- Lâm phận của Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa nằm trên địa bàn của 02 huyện Khánh Sơn, huyện Cam Lâm và thành phố Cam Ranh. Do cấu trúc địa hình phức tạp nên chia ra hai vùng địa hình như sau:

* Địa hình khu vực Khánh Sơn là vùng núi thượng nguồn sông Hàm Leo và sông Tô Hạp chảy về Ninh Thuận, địa hình thấp dần từ đông bắc sang tây nam, hiểm trở với rất nhiều núi cao trên 1.000 m, bị chia cắt mạnh bởi những hệ thống đông và mạng lưới sông suối chằng chịt.

- Phân loại địa hình theo hình thái như sau:

+ Diện tích có độ cao tuyệt đối > 600 m chiếm khoảng 55%, gồm các dãy núi chạy theo ranh giới giữa huyện Khánh Vĩnh, Diên Khánh, Cam Lâm, TP Cam Ranh và tỉnh Ninh Thuận tạo thành vành đai bao bọc quanh huyện.

+ Diện tích có độ cao tuyệt đối từ 320 đến 600 m chiếm khoảng 43% gồm các vùng sườn và chân các dãy núi cao.

+ Diện tích đất bằng chiếm khoảng 2%, gồm các diện tích ven sông suối.

- Độ dốc:

+ Độ dốc bình quân : 20°

+ Độ dốc cao nhất : 40°

+ Độ dốc thấp nhất : 5°

- Độ cao:

+ Độ cao bình quân : 500 m.

+ Độ cao tuyệt đối cao nhất : 1.803 m.

+ Độ cao tuyệt đối thấp nhất : 320 m.

* Địa hình khu vực Cam Lâm và thành phố Cam Ranh (BQL RPH Cam Lâm cũ) có địa hình tương đối phức tạp, độ dốc lớn, thấp dần từ tây sang đông với các dạng địa hình núi, đồi; địa hình chia cắt mạnh bởi các hệ thống sông, suối, độ dốc 15 - 25 độ, cao trung bình 700 m.

- Phân loại địa hình theo hình thái như sau:

+ Núi cao ($>1200 - 1415 m$): Chiếm khoảng 5% diện tích, nằm về phía Tây vùng Dự án, tại xã Sơn Tân giáp với huyện Khánh Sơn.

+ Núi trung bình ($700 - 1200 m$): Chiếm khoảng 34% diện tích, gồm các dãy núi nằm về phía Tây Bắc, Tây, Tây Nam vùng dự án. Các dãy núi chạy theo ranh giới tiếp giáp với huyện Khánh Sơn, Diên Khánh.

+ Núi thấp ($300 - <700 m$): Chiếm khoảng 45% diện tích, gồm vùng sườn và chân các dãy núi.

+ Đồi ($< 300 m$): Chiếm khoảng 16% diện tích, gồm các đồi độc lập và chân các dãy núi thấp vùng Dự án.

- Độ dốc:

+ Độ dốc bình quân : 23°

+ Độ dốc cao nhất : 40°

+ Độ dốc thấp nhất : 5°

- Độ cao:

+ Độ cao bình quân : 700 m.

+ Độ cao tuyệt đối cao nhất : 1.414 m (*núi Hòn Xanh*)

+ Độ cao tuyệt đối thấp nhất : 40 m (*hồ Cam Ranh*)

Địa chất và thổ nhưỡng

Theo tài liệu và bản đồ lập địa cấp II tỉnh Khánh Hoà, trong phạm vi lâm phận Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa quản lý có các loại đất sau:

* Khu vực Khánh Sơn (BQL RPH Khánh Sơn cũ)

- Nhóm đất phù sa: Chiếm 4,08% tổng diện tích tự nhiên.
- Nhóm đất đỏ vàng trên phiến đá sét: Chiếm 71,32% tổng diện tích tự nhiên.
- Các loại đất khác: Chiếm 24,60% tổng diện tích tự nhiên.

* Khu vực Cam Lâm và thành phố Cam Ranh (BQL RPH Cam Lâm cũ)

- Nhóm đất mùn vàng trên núi cao (*ký hiệu: Ha*), chiếm khoảng 39% diện tích vùng dự án; phân bố chủ yếu ở phía Tây và Tây Nam, trên địa hình núi cao và núi trung bình ($>700 - 1415 m$) tập trung chủ yếu ở xã Sơn Tân, huyện Cam Lâm; đất có tầng trung bình, ít mùn, đất thịt nhẹ và trung bình. Nhóm đất này phù hợp phát triển lâm nghiệp để trồng các loài Dầu rái, Sao...

- Nhóm đất Feralit vàng đỏ phát triển trên đá Macma acid (*ký hiệu: Fa*), chiếm khoảng 45% diện tích vùng dự án; phân bố trên địa hình núi trung bình ($300 - < 700 m$); đất có tầng mỏng, ít mùn, đất thịt nhẹ và trung bình, độ chua thấp. Nhóm đất này phù hợp phát triển lâm nghiệp để trồng các loài Bạch đàn, Keo các loại, Dầu rái, Sao đen, Lim xẹt... Phần lớn diện tích này thuộc đối tượng rừng tự nhiên và một số diện tích đã được đầu tư trồng rừng các năm trước, còn một số diện tích trống ở những vùng xa, núi cao và đất nương rẫy.

- Nhóm đất Feralit vàng đỏ phát triển trên đá Sét biến chất (*ký hiệu: Fs*) chiếm khoảng 14% diện tích vùng dự án; phân bố chủ yếu trên địa hình đồi, sườn núi thấp ($< 300 m$); đất có tầng trung bình, ít mùn, đất thịt nhẹ và trung bình, độ chua thấp. Nhóm đất này phù hợp phát triển lâm nghiệp để trồng các loài Dầu rái, Sao đen, Lim xẹt. Keo các loại... và các loài cây công nghiệp, cây ăn quả...

- Nhóm đất dốc tụ, bồi tụ chân đồi, ven suối (*ký hiệu: P*) chiếm khoảng 2% diện tích vùng dự án; phân bố chủ yếu trên địa hình bằng phẳng, chân đồi núi, ven sông, suối, hồ đập; tầng đất dày ($>100cm$), mùn trung bình; đất thịt nhẹ và trung bình, độ chua thấp. Nhóm đất này phù hợp phát triển các loài cây công nghiệp, cây ăn quả và sản xuất nông nghiệp.

Ngoài còn có một ít đất nhiễm phèn (*ký hiệu: SM*) và núi đá, đất xói mòn tro sỏi đá (*ký hiệu: E*).

Nhìn chung địa hình RPH Nam Khánh Hòa tương đối đa dạng, khá thuận lợi cho việc phát triển du lịch. Với hệ thống địa hình đồi đến địa hình núi cao phù hợp với nhu cầu của khách du lịch, du khách có thể tiếp cận các dạng địa hình này bằng các phương tiện như xe địa hình, leo núi, xe đạp,... tùy theo địa hình thực tế có thể phát triển các loại hình tiếp cận khác nhau. Với sự đa về địa hình từ thấp đến cao đây là một điểm đến lý tưởng cho du khách.

1.1.3. Khí hậu và mùa du lịch

Khí hậu

Theo tài liệu đặc điểm khí hậu thủy văn tỉnh Khánh Hòa, vùng Nam Khánh Hòa chịu sự chi phối của khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, đồng thời chịu ảnh hưởng của khí hậu đại dương, trong năm chia thành 2 mùa rõ rệt, xong vì ảnh hưởng của địa hình và độ cao của khu vực nên đặc trưng khí hậu của khu vực có khác nhau giữa khu vực Khánh Sơn và Cam lâm, Cam Ranh:

* Khu vực Khánh Sơn chịu sự chi phối của khí hậu nhiệt đới mưa mùa; một năm có 2 mùa rõ rệt. Mùa khô kéo từ tháng 1 đến tháng 8; mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12. Số ngày mưa trong năm 128 ngày, trong đó 4 tháng có số ngày mưa nhiều nhất là tháng 9, 10, 11, 12. Ngoài ra còn có mưa tiểu mãn vào tháng 5, 6.

Những yếu tố đặc trưng cơ bản là:

- Chế độ nhiệt:

+ Nhiệt độ bình quân năm : 23⁰C.

+ Nhiệt độ cao nhất : 35⁰C.

+ Nhiệt độ thấp nhất : 14⁰C.

- Chế độ mưa ẩm :

+ Tổng lượng mưa bình quân hàng năm : 1.800 mm

+ Số ngày mưa trung bình năm : 128 ngày

+ Số ngày mưa trung bình 4 tháng (9 -12) : 97 ngày

+ Độ ẩm tương đối trung bình năm : 80 %

- Chế độ gió:

+ Gió đông bắc hoạt động từ tháng 11 - 3 năm sau.

+ Gió tây nam, đông nam và nam hoạt động từ tháng 4 - 10.

Đặc biệt, gió tây nam khô nóng hoạt động mạnh vào tháng 5 - 6, đồng thời diễn ra vào mùa khô kiệt. Nhiệt độ không khí từ 35^o - 41^oc, gió nóng bốc hơi nước mạnh, làm độ ẩm không khí giảm thấp còn 40 - 55% gây khô hanh, ảnh hưởng bất lợi đến sinh trưởng, phát triển của cây trồng và môi trường sống, đồng thời rất dễ xảy ra cháy rừng.

* Địa hình khu vực Cam Lâm và thành phố Cam Ranh chịu sự chi phối của khí hậu nhiệt đới mưa mùa; một năm có 2 mùa rõ rệt. Mùa khô kéo từ tháng 1 đến tháng 8; mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12. Số ngày mưa trong năm 90 ngày, trong đó 3 tháng có số ngày mưa nhiều nhất là tháng 9, 10, 11.

- Do đặc điểm riêng biệt về địa hình, đã tạo cho nơi đây một chế độ khí hậu tiêu vùng khá khác thường; thể hiện ở 2 xã (*Cam Phước Tây, huyện Cam Lâm và Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh*) có yếu tố lượng mưa thấp nhất tỉnh, có năm chỉ đạt 600 mm, nhưng nền nhiệt độ hàng năm cao nhất tỉnh và lượng bốc hơi trung bình hàng năm rất lớn. Chính các yếu tố này làm cho các xã Cam Phước Tây huyện Cam Lâm; xã Cam Phước Đông thành phố Cam Ranh trở thành khu vực bán khô hạn. Do vậy công tác lâm sinh (*trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng*) nhằm tăng độ tàn che của rừng và cải thiện môi trường sinh thái, tăng khả năng giữ nước, điều hòa khí hậu càng trở nên cấp thiết.

Những yếu tố đặc trưng cơ bản là:

- Chế độ nhiệt:

- + Nhiệt độ bình quân năm : 26 - 27°C.
- + Nhiệt độ cao nhất : 39,0°C và tháng 8.
- + Nhiệt độ thấp nhất : 14,4°C vào tháng 01.

- Chế độ mưa ẩm :

- + Tổng lượng mưa bình quân hàng năm : 1.139 mm
- + Số ngày mưa trung bình năm : 89 ngày
- + Số ngày mưa trung bình 4 tháng (9 -12) : 47 ngày
- + Độ ẩm tương đối trung bình năm : 78 %

- Chế độ gió:

- + Gió đông bắc hoạt động từ tháng 11 - 3 năm sau.
- + Gió tây nam hoạt động từ tháng 4 - 10.

Đặc biệt, gió tây nam khô nóng hoạt động mạnh vào tháng 5 - 6, đồng thời diễn ra vào mùa khô kiệt. Nhiệt độ không khí từ 35° - 41°C, gió nóng bốc hơi nước mạnh, làm độ ẩm không khí giảm thấp còn 40 - 55% gây khô hanh, ảnh hưởng bất lợi đến sinh trưởng, phát triển của cây trồng và môi trường sống, đồng thời rất dễ xảy ra cháy rừng.

Mùa du lịch

Chế độ khí hậu Khánh Hòa nói chung và RPH Nam Khánh Hòa nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới xavan gồm hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Hàng năm, mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 9 và kết thúc vào tháng 12 với kiểu trạng thái mưa nhiều, nắng ít và thường xuyên ảnh hưởng của bão, Áp thấp nhiệt đới hay lũ lụt.vv..; ngược lại đối với mùa khô thông thường là nắng nhiều và ít mưa song đặc biệt xuất hiện nhiều đợt nắng nóng. Mùa khô ở tỉnh Khánh Hòa nói

chung và RPH Nam Khánh Hòa nói riêng kéo dài trong 8 tháng, thường bắt đầu từ tháng 1 đến tháng 8.

Nhiệt độ trung bình các tháng đo tại trạm Nha Trang	Một	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	Tám	Chín	Mười	Mười một	Mười hai
Cao nhất (°C)	27	28	29	31	32	32	32	32	32	30	28	27
Thấp nhất (°C)	22	22	23	25	26	26	26	26	25	24	24	22
Lượng mưa (cm)	2,4	0,56	2,07	1,98	5,08	3,48	2,62	3,23	13,38	25,43	25,12	12,21

(Nguồn: MSN Weather)

Hình 3. Nhiệt độ trung bình các tháng đo tại trạm quan trắc Nha Trang

Dựa vào hình 2 và những phân tích khí hậu ở khu vực rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa có thể thấy rằng thời điểm thích hợp cho du lịch từ tháng 1 đến tháng 8, có thể coi là mùa khô, thời tiết thay đổi dần. Những tháng đầu mùa, trời mát, nhiệt độ từ 17-25 °C, nhưng từ tháng 5 đến tháng 8 trời nóng gắt thích hợp cho du lịch dưới tán rừng.

1.1.4. Thủy văn

- Đặc điểm chính của các sông, suối trong lâm phận BQL RPH Nam Khánh Hòa là bắt nguồn từ những dãy núi cao nên sông có độ dốc lớn, khả năng tập trung nước nhanh nhưng lại dễ gây ngập úng. Mạng lưới sông suối ở Nam Khánh Hòa phần lớn bắt nguồn từ dãy núi cao phía trong khu vực, các sông suối thường ngắn, dốc nên tốc độ dòng chảy lớn.

- Nam Khánh Hòa có hệ thống sông suối dày đặc và phân bố tương đối đều về không gian và có lưu vực lớn trong huyện, vị trí thuận lợi để đắp đập xây hồ chứa nước để điều tiết nguồn nước và đảm bảo cho nhu cầu nước sinh hoạt và tưới tiêu hàng năm cho nhân dân, huyện Cam Lâm và thành phố Cam Ranh đã xây dựng được các hồ đập chứa nước như: hồ Suối Hành, hồ Cam Ranh và hồ Tà Rục. Tuy nhiên, lượng nước trong các hồ đập này lại phụ thuộc hoàn toàn vào lưu lượng nước của các nhánh suối đều bắt nguồn từ các dãy núi trong lâm phận của BQL RPH Nam Khánh Hòa, vì vậy bảo vệ và phát triển rừng ở đây có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc điều tiết nguồn nước và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Các sông, suối chính gồm:

- Khu vực huyện Khánh Sơn bao gồm: Sông Tô Hạp bắt nguồn từ các suối Tô Hạp, suối Ba Koum, suối Ta Gou, suối Kodak...chảy theo hướng tây qua địa phận tỉnh Ninh Thuận.

- Khu vực huyện Cam Lâm và thành phố Cam Ranh bao gồm: Suối Thượng là nguồn cung cấp nước cho hồ chứa Suối Thượng (xã Sơn Tân), lưu vực suối Tà Rục cung cấp nước cho hồ chứa Tà Rục (xã Cam Phước Tây) Suối Hành (xã Cam

Phước Đông). Thượng nguồn Suối Dầu chảy về Sông Cái, Nha Trang có một phần diện tích lưu vực (266,77 ha) nằm trong lâm phận của BQL RPH Nam Khánh Hòa.

- Ngoài ra còn có các suối là suối Tà Gụ thuộc huyện Khánh Sơn; Suối Tà Rục thuộc huyện Cam Lâm, các con suối này đều ngắn và dốc. Có rất nhiều suối vừa và nhỏ phân bố khá đều về không gian và có lưu vực lớn, vị trí thuận lợi để đắp đập xây hồ chứa nước để điều tiết nguồn nước và đảm bảo cho nhu cầu nước sinh hoạt và tưới tiêu hàng năm cho nhân dân huyện Khánh Sơn, huyện Cam Lâm và thành phố Cam Ranh. Nhiều thác nước có cảnh quan đẹp phân bố dọc các suối. Mùa mưa thường có lũ đặc biệt là những khu vực có độ che phủ thấp, độ dốc cao. Do đó rừng của RPH Nam Khánh Hòa đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc điều tiết và cung cấp nước trong khu vực, nên việc bảo vệ và phát triển rừng ở đây có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc điều tiết nguồn nước và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Khu vực RPH Nam Khánh Hòa có hệ thống sông suối dày đặc và phân bố tương đối đều về không gian và có lưu vực lớn. Phần lớn hệ thống sông, suối trong khu vực bắt nguồn từ dãy núi cao. Vào mùa khô từ tháng 1 đến tháng 8 hệ thống sông suối có dòng chảy chậm, dòng chảy yên ả, tĩnh lặng thích hợp cho các hoạt động nghỉ dưỡng, tham quan, trải nghiệm, dã ngoại ven sông, suối trong khu vực. Vào mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12, các suối cạn có nước dâng cao, tạo dòng chảy lớn, tạo lũ cục bộ, nhưng sau cơn mưa nước rút rất nhanh. Lũ lớn thường xuất hiện vào giữa tháng 9 và tháng 10 làm ảnh hưởng đến các hoạt động du lịch.

1.1.5. Hiện trạng sử dụng đất

a. Thống kê hiện trạng sử dụng đất của đơn vị

Căn cứ kết quả rà soát, thống kê diện tích rừng và đất rừng đến năm 2023, Thông tư 27/2018/TT-BTNMT, ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Các quyết định giao đất cho BQL RPH của UBND tỉnh Khánh Hòa các thời kỳ.

Tổng diện tích tự nhiên quản lý của BQLRPH Nam Khánh Hòa 30.212,30 ha, trong đó:

- Diện tích đất lâm nghiệp	: 30.141,03 ha.
+ Đất rừng phòng hộ	: 22.470,19 ha
+ Đất rừng sản xuất	: 7.670,84 ha
- Đất nông nghiệp khác	: 71,27 ha

*** Phân theo chức năng:**

- Đất rừng phòng hộ: 22.470,19 ha (chiếm 74,37% diện tích tự nhiên BQL).
- Đất rừng sản xuất: 7.670,84 ha (chiếm 25,39% diện tích tự nhiên BQL).
- Đất ngoài lâm nghiệp: 71,27 ha (chiếm 0,24% diện tích tự nhiên BQL).

*** Phân theo hiện trạng:**

- Đất có rừng: 22.650,73 ha, gồm Rừng tự nhiên: 18.527,12 ha; Rừng trồng: 4.123,61 ha.

- Đất chưa có rừng: 7.561,57 ha, gồm:

+ Đất đã trồng rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng DTR: 274,70 ha;

+ Diện tích có cây gỗ tái sinh DTTS: 3.253,05 ha.

+ Đất khác trong lâm nghiệp: 4.033,82 ha. Gồm: Mặt nước 62,91 ha; Đất nông nghiệp 2.631,67 ha; Đất khác 168,74 ha. Đất trồng DT1: 1.170,50 ha;

Diện tích rừng của BQL RPH Nam Khánh Hòa cho đến thời điểm xây dựng Đề án năm 2024 là 22.650,73 ha /30.212,30 ha diện tích được giao, có độ che phủ khá cao, đây cũng là diện tích rừng che phủ chủ yếu ở các huyện, thành phố khu vực Nam Khánh Hòa.

Bảng 2. Hiện trạng sử dụng đất phân theo chức năng và hiện trạng đất đai năm 2024 của BQL RPH Nam Khánh Hòa

Đơn vị tính (ha)

STT	Loại đất	Tổng cộng	Phòng hộ	Sản xuất	Ngoài LN	Ghi chú
I	Tổng diện tích đất quản lý	30.212,30	22.470,19	7.670,84	71,27	
1	Đất có rừng	22.650,73	18.382,18	4.214,90	53,65	
1.1	- Rừng tự nhiên	18.527,12	15.583,86	2.943,26		
1.1.1	+ Rừng trung bình (TXB)	1.648,42	1.438,48	209,94		
1.1.2	+Rừng trung bình (RKB)	480,04	392,54	87,50		
1.1.3	+Rừng nghèo (TXN)	1.775,85	1.775,85			
1.1.4	+Rừng nghèo kiệt (TXK)	14.342,08	11.947,52	2.394,56		
1.1.5	+Rừng phục hồi (TXP)	260,35	9,09	251,26		
1.1.6	+Rừng hỗn giao (HG1)	20,38	20,38			
1.2	- Rừng trồng	4.123,61	2.798,32	1.271,64	53,65	
1.2.1	+Rừng trồng gỗ trên núi đất (TG)	3.542,39	2.335,53	1.156,73	50,13	

1.2.2	+Đất đã trồng rừng khác trên núi đất (RTK)	581,22	462,79	114,91	3,52	
STT	Loại đất	Tổng cộng	Phòng hộ	Sản xuất	Ngoài LN	Ghi chú
2	Đất chưa có rừng	7.561,57	4.088,01	3.455,94	17,62	
2.1	+ Đất đã trồng rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng (DTR)	274,70	219,21	53,38	2,11	
2.2	+ Đất trồng cây bụi có cây gỗ rải rác (DTTS)	3.253,05	1.903,29	1.348,14	1,62	
2.3	Đất khác trong lâm nghiệp	4.033,82	1.965,51	2.054,42	13,89	
2.3.1	+ Đất nông nghiệp (DNN)	2.631,67	1.055,92	1.575,75		
2.3.2	+ Đất khác (DK)	168,74	136,46	19,10	13,18	
2.3.3	+ Đất trồng (DT1)	1.170,50	725,40	444,39	0,71	
2.3.4	+ Mặt nước (MN)	62,91	47,73	15,18		
II	Chiếm tỉ lệ (%)	100,00	74,37	25,39	0,24	

b. Phân tích, đánh giá hiện trạng, tình hình quản lý sử dụng đất

*** Thuận lợi:**

- Việc sử dụng đất đã đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật. Được sự quan tâm của các cấp, các ngành và địa phương nên công tác quản lý sử dụng đất đai trên địa bàn BQL trong những năm gần đây đã từng bước đi vào nề nếp.

- Đất đai được quản lý chặt chẽ hơn, tình hình sử dụng đất về cơ bản đã theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và pháp luật về quản lý đất đai.

- Công tác phân định ranh giới hiện tại của BQL RPH Nam Khánh Hòa trên bản đồ và trên thực tế bảo đảm chính xác.

- Đất đai của BQL RPH được khai thác sử dụng ngày càng hợp lý và có hiệu quả kinh tế cao hơn, đặc biệt là trong sản xuất trồng rừng cũng như việc củng cố hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn, các kết quả trên đã góp phần quan trọng trong thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện đời sống vật chất tinh thần của nhân dân trong vùng.

*** Khó khăn:**

- Công tác phân định ranh giới rừng, đất lâm nghiệp giữa bản đồ và thực địa sau khi có kết quả quy hoạch 03 loại rừng chưa làm rõ về mốc giới.

- Công tác công bố quy hoạch sử dụng đất chưa phổ biến đến UBND địa phương và cho người dân biết và cập nhật việc sử dụng đất hàng năm chưa kịp thời.

- Tình trạng người dân lấn chiếm đất đai để mở rộng đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp một cách trái phép. Bên cạnh đó phát triển kinh tế xã hội, dân cư trên địa bàn tăng nhanh (tăng cơ học) nên nhu cầu sử dụng đất để canh tác và gổ củi dẫn đến tài nguyên rừng bị suy giảm.

Bảng 3. Hiện trạng sử dụng đất cho phát triển du lịch sinh thái

TT	LOẠI ĐẤT	Mã	DIỆN TÍCH (ha)
I	TỔNG DIỆN TÍCH		3.213,12
1	Đất nông nghiệp	NNP	2.507,88
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	35,80
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	35,80
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	2.472,08
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	849,50
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.622,58
1.2.3	Đất rừng ngoài quy hoạch	NQH	-
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	-
1.4	Đất làm muối	LMU	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	25,53
2.1	Đất ở	OCT	0,83
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,83
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	-
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	0,31
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	-
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	-
2.2.3	Đất an ninh	CAN	-
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	-
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	-
2.2.6	Đất có mục đích công cộng. (G.thông)	CCC	0,31
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	-
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-
2.5	Đất làm N.trang, n,địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	-
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (Khác)	SON	24,39

TT	LOẠI ĐẤT	Mã	DIỆN TÍCH (ha)
2.7	<i>Đất có mặt nước chuyên dùng</i>	<i>MNC</i>	-
2.8	<i>Đất phi nông nghiệp khác</i>	<i>PNK</i>	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	679,71
3.1	<i>Đất bằng chưa sử dụng</i>	<i>BCS</i>	-
3.2	<i>Đất đồi núi chưa sử dụng</i>	<i>DCS</i>	660,45
3.3	<i>Núi đá không có rừng cây (Sạt lở)</i>	<i>NCS</i>	19,26

Khu vực dành cho tổ chức du lịch sinh thái có tổng diện tích là 3.213,12 ha. Diện tích hiện trạng sử dụng đất chủ yếu là đất nông nghiệp 2.507,88 ha chiếm 78,05% trong đó diện tích sản xuất đất nông nghiệp là 35,80 ha và đất lâm nghiệp là 2.472,08 ha. Diện tích đất phi nông nghiệp là 25,53 ha chiếm 0,79% trong đó diện tích đất ở tại nông thôn 0,83 ha, diện tích đất chuyên dùng là 0,31 ha và Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (Khác) là 24,39 ha. Diện tích đất chưa sử dụng là 679,71 ha chiếm 21,15% trong đó diện tích đất đồi núi chưa sử dụng là 660,45 ha và diện tích núi đá không có cây rừng 19,26 ha. Khu vực tổ chức du lịch chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí do đó trong khu vực chưa có các công trình phục vụ du lịch sinh thái. Các khu vực đất trống chủ yếu ở đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) có diện tích 660,45 ha và trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng (bao gồm khoảnh đất trống theo bản đồ hiện trạng rừng, các ô đất trống theo thực tế khi tiến hành đo đạc tổ chức thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại mỗi điểm, tuyến du lịch) và trên mặt nước, dưới tán rừng được sử dụng xây dựng, lắp dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại RPH Nam Khánh Hòa. Hiện tại khu vực chủ yếu hiện trạng là các đường giao thông, đường lâm sinh, đường mòn, đường tuần tra bảo vệ rừng và đường băng cản lửa các đường hiện trạng được tận dụng để phát triển giao thông hạn chế mở mới các tuyến đường.

1.1.6. Diện tích rừng

a. Tổng diện tích rừng và diện tích đất chưa có rừng quy hoạch cho Lâm Nghiệp

Rừng phân theo nguồn gốc hình thành

- Hiện nay BQL RPH Nam Khánh Hòa quản lý với diện tích 22.650,73 ha rừng tự nhiên và rừng trồng chiếm 74,37% tổng diện tích tự nhiên.

Trong đó: rừng tự nhiên 18.527,12 ha và rừng trồng 4.123,61 ha, bao gồm có 581,22 ha rừng trồng cây Xoài, Điều....

- Rừng tự nhiên: Trong diện tích rừng tự nhiên trong lâm phận hầu hết là rừng lá rộng thường xanh, trong đó có một ít rừng gỗ hỗn giao với tre nứa và rừng cây lá rộng hỗn giao với lá kim, cụ thể như sau

+ Rừng gỗ lá rộng TX hoặc nứa rừng lá	: 18.026,70 ha
+ Rừng cây gỗ hỗn giao với tre nứa	: 20,38 ha
+ Rừng cây lá rộng hỗn giao với lá kim	: 480,04 ha

Là rừng thứ sinh, rừng đã bị tác động khai thác rừng từ các thập niên trước và bởi người dân sống gần rừng thường xuyên săn bắt, hái lượm và chặt cây gỗ lén lút trong rừng; Ngoài ra rừng cũng thường bị thiên tai gió bão làm cấu trúc rừng bị thay đổi.

- Rừng trồng: Tổng diện tích 4.123,61 ha, được hình thành chủ yếu từ trồng mới trên đất chưa có rừng trước đây là trạng thái đất trống DT1, rừng được trồng từ thập niên 80 cho đến nay, Một số diện tích rừng này đã được khai thác và trồng lại rừng.

Bảng 4. Thống kê hiện trạng rừng của BQL RPH Nam Khánh Hòa.

(Theo Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Khánh Hòa năm 2024)

TT	Phân loại rừng	Mã	Tổng	Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất	NQH
				Cộng	Đầu nguồn		
1	2	3	4	5	6	7	8
I	RỪNG PHÂN THEO NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH	1100	22.650,73	18.382,18	18.382,18	4.214,90	53,65
1	Rừng tự nhiên	1110	18.527,12	15.583,86	15.583,86	2.943,26	
	- Rừng nguyên sinh	1111					
	- Rừng thứ sinh	1112	18.527,12	15.583,86	15.583,86	2.943,26	
2	Rừng trồng	1120	4.123,61	2.798,32	2.798,32	1.271,64	53,65
	- Trồng mới trên đất chưa có rừng	1121	4.123,61	2.798,32	2.798,32	1.271,64	53,65
	- Trồng lại sau khi khai thác rừng trồng đã có	1122					
	- Tái sinh tự nhiên từ rừng trồng đã khai thác	1123					
II	RỪNG PHÂN THEO ĐIỀU KIỆN LẬP ĐỊA	1200	18.527,12	15.583,86	15.583,86	2.943,26	
1	Rừng trên núi đất	1210	18.527,12	15.583,86	15.583,86	2.943,26	
2	Rừng trên núi đá	1220					
3	Rừng trên đất ngập nước	1230					
	- Rừng ngập mặn	1231					
	- Rừng trên đất phèn	1232					
	- Rừng ngập nước ngọt	1233					
4	Rừng trên cát	1240					
III	RỪNG PHÂN THEO LOÀI CÂY	1300	18.527,12	15.583,86	15.583,86	2.943,26	
1	Rừng gỗ tự nhiên	1310	18.506,74	15.563,48	15.563,48	2.943,26	
	- Rừng gỗ lá rộng TX hoặc nửa rụng lá	1311	18.026,70	15.170,94	15.170,94	2.855,76	
	- Rừng gỗ lá rộng rụng lá	1312					
	- Rừng gỗ lá kim	1313					

TT	Phân loại rừng	Mã	Tổng	Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất	NQH
				Cộng	Đầu nguồn		
1	2	3	4	5	6	7	8
	- Rừng gỗ hỗn giao lá rộng và lá kim	1313	480,04	392,54	392,54	87,5	
2	Rừng tre nứa	1320					
	- Nứa	1321					
	- Vầu	1322					
	- Tre/luồng	1323					
	- Lô ô	1324					
	- Các loài khác	1325					
3	Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa	1330	20,38	20,38	20,38		
	- Gỗ là chính	1331	20,38	20,38	20,38		
	- Tre nứa là chính	1332					
4	Rừng cau dừa	1340					
IV	RỪNG GỖ TỰ NHIÊN PHÂN THEO TRỮ LƯỢNG	1400	18.527,12	15.583,86	15.583,86	2.943,26	
1	Rừng giàu	1410					
2	Rừng trung bình	1420	2.128,46	1.831,02	1.831,02	297,44	
3	Rừng nghèo	1430	1.775,85	1.775,85	1.775,85		
4	Rừng nghèo kiệt	1440	14.342,08	11.947,52	11.947,52	2.394,56	
5	Rừng chưa có trữ lượng	1450	280,73	29,47	29,47	251,26	
V	DIỆN TÍCH CHƯA THÀNH RỪNG	2000	7.561,57	4.088,01	4.088,01	3.455,94	17,62
1	Diện tích trồng chưa thành rừng	2010	274,70	219,21	219,21	53,38	2,11
2	Diện tích Đất trồng có cây gỗ tái sinh	2020	3.253,05	1.903,29	1.903,29	1.348,14	1,62
3	Diện tích đất khác trong lâm nghiệp	2060	4.033,82	1.965,51	1.965,51	2.054,42	13,89

b. Hiện trạng phân chia theo kiểu rừng

Rừng gỗ tự nhiên

Diện tích rừng tự nhiên: 18.527,12 ha chiếm 61,32% tổng diện tích tự nhiên và chiếm 81,79 % tổng diện tích đất có rừng của BQL RPH Nam Khánh Hòa quản lý.

- Trong đó:

+ Rừng trung bình TXB, RKB: 2.128,46 ha, chiếm 11,49% tổng diện tích rừng tự nhiên.

+ Rừng nghèo TXN: 1.775,85 ha, chiếm 9,59% tổng diện tích rừng tự nhiên.

+ Rừng nghèo kiệt TXK: 14.342,08 ha, chiếm 77,40% tổng diện tích rừng tự nhiên.

+ Rừng nghèo TXP, HG: 280,73 ha, chiếm 1,52% tổng diện tích rừng tự nhiên.

- Rừng trung bình:

+ Trạng thái TXB:

Phân bố theo vùng, mảng ở những vùng núi cao thuộc xã Thành Sơn và Cam Phước Tây (giáp với rừng Bảo tồn Hòn Bà), loài cây chủ yếu là Trâm, Giẻ, Chò, Thị, Còng, Gụ, Thông nạng, Re, Dầu, Bời lời, Huỳnh, chuồn... chủng loài phong phú. Rừng đã bị tác động một phần trong thời gian trước đây, cấu trúc rừng đã bị tác động nhưng đã có thời gian phục hồi tốt. đặc trưng là đã hình thành tầng giữa vươn lên chiếm ưu thế sinh thái với lớp cây đại bộ phận có đường kính 20-40cm. Rừng có 2 tầng trở lên, tầng trên tán không liên tục, được hình thành chủ yếu từ những cây của tầng giữa trước đây, rải rác còn những cây to của tầng rừng cũ. Cây tái sinh mục đích mật độ từ > 1000 cây/ha, loài chủ yếu là Trâm, Muồng, Dẽ, Cây, Ké, Dầu, Bời lời... Rừng có độ tàn che 0,4-0,5. Tổng tiết diện ngang từ 10-16 m² /ha. Tổng tiết diện ngang của những cây có D1.3 ≥ 40cm là ≤ 2m² /ha.

+ Trạng thái RKB:

Phân bố theo vùng ở khu vực phía Đông – Bắc dãy Hà la Thương, thuộc xã Ba Cạm Nam, loài cây chủ yếu là Thông 2 lá, Trâm, Giẻ, Chò, Thị, Còng, Thông nạng, Re ... chủng loài phong phú. Rừng đã bị tác động một phần do khai thác nhựa trước đây, cấu trúc rừng ít nhiều bị phá vỡ, rừng có 2 tầng trở lên, rừng có trữ lượng bình quân 120 -150m³/ha, có độ tàn che 0,4-0,5. Tiết diện ngang > 15m²/ha, tổng tiết diện ngang của những cây có D1.3 ≥ 40cm là 1,5-2m² /ha.

Cây tái sinh mục đích mật độ từ > 1000 cây/ha, loài chủ yếu là Trâm, Giẻ, Chò, Thị, Cồng, Thông 2 lá, Thông nản....

- Rừng nghèo

+ Trạng thái TXN:

Phân bố theo vùng, đám ở vùng núi cao xã Thành Sơn (giáp với huyện Khánh Vĩnh), tập trung nhiều nhất ở chủ yếu ở xã Sơn Tân Hội và Cam Phước Tây, loài cây chủ yếu là Trâm, Giẻ, Thị, Cồng, Bời lời, Chò, Sẻ mủ, Dầu, Cóc rừng... thành phần loài đang chủng loài. Rừng có thời gian phục hồi và sau tác động mạnh, phần lớn trạng thái này bao gồm những quần thể cây không đều tuổi và có kết cấu nhiều tầng không rõ rệt. Trữ lượng đạt 74,7 m³/ha, đường kính của cây phổ biến $D_{1.3} \geq 15\text{cm}$ và $G < 15\text{m}^2/\text{ha}$.

+ Trạng thái HG:

Phân bố theo vùng, đám ở những vùng núi thấp tập trung ở xã Sơn Hiệp, loài cây chủ yếu là Trâm, Giẻ, Thị, Cồng, Bời lời, Thành ngạnh, Chàm, Cóc rừng, Hương ... Hỗn giao với tre nứa. Rừng khai thác kiệt, phục hồi sau nương rẫy lâu đời và bị tác động mạnh liên tục, được đặc trưng bởi lớp cây tiên phong, ưa sáng, mọc nhanh, phần lớn trạng thái này bao gồm những quần thể non với những loài cây thường đều tuổi và có kết cấu 1 tầng. Trữ lượng bình quân 71,4 m³/ha và cây lồ ô, le, nứa, giang rải rác, đường kính của tầng cây phổ biến $D_{1.3} \geq 15\text{cm}$ và $G < 15\text{m}^2/\text{ha}$.

- Rừng non TXP:

Phân bố theo vùng, đám trải rộng từ vùng núi cao đến núi thấp trên tất cả các xã trogn lâm phận của BQL RPH Nam Khánh Hòa, loài cây chủ yếu là Trâm, Giẻ, Thị, Cồng, Bời lời, Thành ngạnh, Chàm, Cóc rừng... thành phần loài phức tạp, không đều tuổi do tổ thành loài cây ưu thế không rõ ràng. Rừng phục hồi sau nương rẫy và sau khai thác kiệt được đặc trưng bởi lớp cây tiên phong, ưa sáng, mọc nhanh, phần lớn trạng thái này bao gồm những quần thể non với những loài cây thường đều tuổi và có kết cấu 1 tầng. Trữ lượng bình quân 41,6 m³/ha, đường kính của tầng cây phổ biến không vượt quá 20cm. Rừng có $D_{1.3} \geq 10\text{cm}$ và $G < 10\text{m}^2/\text{ha}$.

Rừng trồng

Tổng diện tích rừng trồng 4.123,61 ha chiếm 18,21% diện tích đất có rừng. Trong đó:

- Rừng trồng cây gỗ (TG): 3.542,39 ha, rừng trồng chủ yếu là Thông 3 lá (huyện Khánh Sơn), Keo lá tràm, Dầu rái, Sao đen, Neem với các cấp tuổi khác

nhau, rừng trồng phân bố ở các thung lũng có nguồn gốc đất nương rẫy bỏ hoang lâu đời và vùng thấp, tiếp giáp với diện tích nông nghiệp của người dân. Trữ lượng bình quân 41,6 m³/ha.

- Rừng trồng khác (RTK): 581,22 ha, trồng chủ yếu là Xoài, Điều với các cấp tuổi khác nhau, rừng trồng phân bố ở các khu vực có nguồn gốc đất nương rẫy trồng cây ngắn ngày chuyển sang và vùng thấp, tiếp giáp với diện tích nông nghiệp và làng bản của người dân. Trữ lượng bình quân 43,8 m³/ha.

Đất chưa có rừng

Tổng diện tích đất chưa thành rừng là 7.561,57 ha, chiếm 25,03% tổng diện tích đất tự nhiên của BQL RPH Nam Khánh Hòa quản lý. Trong đó:

- Đất có rừng trồng nhưng chưa có trữ lượng (DTR) 274,70 ha.
- Đất trồng cây bụi có cây gỗ tái sinh 3.253,05 ha, trạng thái (DTTS).
- Đất trống cỏ tranh, lau lách có cây bụi rải rác không có cây gỗ tái sinh 1.170,50 ha, trạng thái (DT1).

Đất chưa thành rừng DT1 và DTTS hiện còn là các đám da beo phân bố rải rác từng đám, cụm nhỏ ở những nơi hiểm trở, đi lại khó khăn không thể triển khai trồng rừng được.

Với đối tượng diện tích đất DTTS loài cây chủ yếu Sầm, Sim, Mua, Thầu tấu, Trâm. Thị, Cóc hương, Lành ngạnh, Giẻ, Lòng mambang, Bời lời, Sỏ..., độ che phủ từ 40-50 %, chiều cao từ 1-2,5m, phân bố tương đối đều, nếu quản lý tốt với diễn thế tự nhiên thì trạng thái này có thể thành rừng trong tương lai.

- Đất nông nghiệp tổng diện tích 2.631,67 ha, trồng các loại cây ngắn ngày như mía, mì, ngô, đậu, mè và khác trong các khu canh tác nông nghiệp lâu đời của người dân địa phương.

- Đất khác trong lâm nghiệp tổng diện tích 231,65 ha, bao gồm đất mặt nước, đất bán ngập ven hồ sản xuất nông nghiệp mùa cạn, đất khác (đường xá, công trình).

Tổng trữ lượng, trữ lượng bình quân các loại rừng

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Khánh Hòa năm 2024 và kết quả điều tra rút mẫu thực tế của chủ rừng cùng đơn vị tư vấn với diện tích 18.527,12 ha rừng tự nhiên và rừng trồng 4.123,61 ha (TG 3.542,39 ha và RTK 581,22 ha).

- **Rừng tự nhiên:** Tổng trữ lượng: 1.032.866,10 m³

Gồm các trạng thái:

+ Trạng thái TXB (Rừng trung bình) : 242.317,90 m³

+ Trạng thái RKB (Rừng trung bình)	: 64.901,70 m ³
+ Trạng thái TXN (Rừng nghèo)	: 120.270,80 m ³
+ Trạng thái HG (Rừng nghèo)	: 1.455,10 m ³
+ Trạng thái TXK (Rừng nghèo kiệt)	: 603.542,50 m ³
+ Trạng thái TXP (Rừng non)	: 378,10 m ³

- Rừng trồng gồm: Tổng trữ lượng: 443.023,10 m³,

Gồm các trạng thái:

+ Rừng trồng TG (rừng trồng gỗ trên núi đất)	: 417.603,20 m ³
+ Rừng trồng RTK (rừng trồng khác ‘Điều, Xoài’)	: 25.419,90 m ³

c. Hiện trạng phân bố lâm sản ngoài gỗ

Rừng của BQL RPH Nam Khánh Hòa chủ yếu có các lâm sản ngoài gỗ chính như sau: Nấm tràm, Nấm mối, Mật ong, Rau má, Cây đót, Lá nón (*Centella asiatica* (L.)), trái Sim (*Rhodomyrtus tomentosa* (Ait) Hassk, chè Dung (*Cyplocos racemosa* Roxb), cây Mật nhân (*Eurycoma longifolia* Jack), Cam thảo đất (*Scoparia dulcis* L.), Hà thủ ô (*Fallopia multiflora*), có một số loài mây như mây rất (*Calamus tetradactylus*), Mây nước (*Daemonorops Jenkiana* Mart), cây đót, cây lá nón...

d. Đánh giá sơ bộ hiện trạng rừng khu vực tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- Theo điểm 5.6 khoản 5 Điều 1 Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí khu vực tổ chức du lịch sinh thái tại 10 địa điểm khu vực như sau:

- + Xã Thành Sơn với diện tích khoảng 383,5 ha;
- + Xã Sơn Lâm với diện tích khoảng 471,1 ha;
- + Xã Sơn Bình và Sơn Hiệp với diện tích khoảng 266,2 ha;
- + Xã Sơn Trung với diện tích khoảng 21,73 ha;
- + Xã Sơn Lâm và Sơn Bình với diện tích khoảng 575,8 ha;
- + Xã Sơn Hiệp và Sơn Bình (1) với diện tích khoảng 396,8 ha;
- + Xã Sơn Hiệp và Sơn Bình (2) với diện tích khoảng 384,4 ha;
- + Thị trấn Tô Hạp và xã Ba Cạm Bắc với diện tích khoảng 59,43 ha;
- + Xã Ba Cạm Nam và tiểu khu 324 thuộc xã Cam Phước Đông với diện tích khoảng 536,6 ha;
- + Xã Cam Phước Tây với diện tích khoảng 4,95 ha (đỉnh đèo Khánh Sơn).

Bảng 5. Thống kê hiện trạng rừng các điểm, tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của BQL RPH Nam Khánh Hòa

TT	Phân loại rừng	Mã	Diện tích (ha)
	TỔNG DIỆN TÍCH		3.213,12
I	RỪNG PHÂN THEO NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH	1100	2.431,38
1	Rừng tự nhiên	1110	1.639,38
	- Rừng nguyên sinh	1111	-
	- Rừng thứ sinh	1112	1.639,38
2	Rừng trồng	1120	792,00
	- Trồng mới trên đất chưa có rừng	1121	792,00
	- Trồng lại sau khi khai thác rừng trồng đã có	1122	-
	- Tái sinh tự nhiên từ rừng trồng đã khai thác	1123	-
II	RỪNG PHÂN THEO ĐIỀU KIỆN LẬP ĐỊA	1200	1.624,17
1	Rừng trên núi đất	1210	1.624,17
2	Rừng trên núi đá	1220	-
3	Rừng trên đất ngập nước	1230	-
4	Rừng trên cát	1240	-
III	RỪNG PHÂN THEO LOÀI CÂY	1300	1.639,38
1	Rừng gỗ tự nhiên	1310	1.624,17
	- Rừng gỗ lá rộng TX hoặc nửa rụng lá	1311	1.442,50
	- Rừng gỗ lá rộng rụng lá	1312	-
	- Rừng gỗ lá kim	1313	-
	- Rừng hỗn giao lá rộng và lá kim	1314	181,67
2	Rừng tre nứa	1320	-
3	Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa	1330	15,21
	- Gỗ là chính	1331	15,21
	- Tre nứa là chính	1332	-
4	Rừng cau dừa	1340	-
IV	RỪNG GỖ TỰ NHIÊN PHÂN THEO TRỮ LƯỢNG	1400	1.624,17
1	Rừng giàu	1410	-
2	Rừng trung bình	1420	186,32
3	Rừng nghèo	1430	-
4	Rừng nghèo kiệt	1440	1.437,85
5	Rừng chưa có trữ lượng	1450	-

TT	Phân loại rừng	Mã	Diện tích (ha)
V	DIỆN TÍCH CHƯA THÀNH RỪNG	2000	781,74
1	Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng	2010	39,42
2	Diện tích có cây tái sinh	2020	490,07
3	Diện tích khác	2030	252,25

(Theo Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Khánh Hòa năm 2024)

Qua điều tra, khảo sát khu vực tổ chức du lịch có tổng diện tích là 3.213,12 ha trong đó diện tích quy hoạch điểm du lịch là 2.498,53 ha và diện tích quy hoạch tuyến du lịch là 714,59 ha. Diện tích có rừng 2.431,38 ha chiếm 75,67% tổng diện tích quy hoạch điểm, tuyến du lịch trong đó diện tích rừng tự nhiên thứ sinh 1.639,38 ha và diện tích rừng trồng 792 ha. Diện tích chưa thành rừng là 781,74 ha chiếm 24,33% tổng diện tích quy hoạch điểm, tuyến du lịch trong đó diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng là 39,42 ha, diện tích có cây tái sinh là 490,07 ha và diện tích khác 252,25 ha. Qua đó có thể thấy khu vực tổ chức du lịch chủ yếu là hệ sinh thái rừng tự nhiên, có cảnh quan đẹp, hệ sinh thái động vật, thực vật đa dạng thích hợp cho tổ chức hoạt động du lịch với các sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, giáo dục môi trường, hội nghị, hội thảo.... Khu vực xây dựng các công trình trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trồng được tính theo độ tàn che của cây rừng (bao gồm khoảnh đất trồng theo bản đồ hiện trạng rừng, các ô đất trồng theo thực tế khi tiến hành đo đạc tổ chức thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại mỗi điểm, tuyến du lịch) và xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ dưới tán rừng, nổi trên mặt nước, đảm bảo không tác động tiêu cực đến sinh trưởng, phát triển và phục hồi tự nhiên của cây rừng, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.

1.1.7. Đa dạng sinh học

a) Đa dạng thực vật

Kết quả tra cứu, cập nhật danh lục thực vật rừng ghi nhận được một số loài có giá trị kinh tế chủ yếu hiện hữu trong lâm phận của BQL RPH Nam Khánh Hòa đã ghi nhận 136 loài thực vật thuộc 34 họ. Trong đó cây họ Đậu (Fabaceae), họ Long não (Lauraceae), họ Dầu (Dipterocarpaceae) và họ Dâu tằm (Moraceae) chiếm số lượng loài nhiều nhất và bao gồm cả các loài nguy cấp, quý hiếm theo danh lục cảnh báo của Việt Nam và thế giới.

Bảng 6. Một số họ và số lượng loài hiện có trong rừng

TT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Số lượng loài
	NGÀNH HẠT TRẦN	GYMNOSPERM	

TT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Số lượng loài
I	Họ Kim giao	<i>Podocarpaceae</i>	3
II	Họ Tuế	<i>Cycadaceae</i>	1
III	Họ Thông	<i>Pinaceae</i>	1
IV	Hoàng đàn	Cupressaceae	2
	NGÀNH HẠT KÍN	MAGNOLIOPHYTA	
I	Họ Tô Hạp	<i>Altingiaceae</i>	1
II	Họ Ngọc lan	<i>Magnoliaceae</i>	2
III	Họ Trâm	<i>Thymelaeaceae</i>	1
IV	Họ Điều	<i>Anacardiaceae</i>	5
V	Họ Na	<i>Annoaceae</i>	5
VI	Họ Nhục đậu khấu	<i>Myristicaceae</i>	4
VII	Họ Sô	<i>Dilleniaceae</i>	2
VIII	Họ Dầu	<i>Dipterocarpaceae</i>	12
IX	Họ Thị	<i>Ebenaceae</i>	4
X	Họ Côm	<i>Elaeocarpaceae</i>	2
XI	Họ Hà nu	<i>Ixonanthaceae</i>	2
XII	Họ Nguyệt quế (Long não)	<i>Lauraceae</i>	12
XIII	Họ Dâu tằm	<i>Moraceae</i>	10
XIV	Họ Tử vi	<i>Lythraceae</i>	3
XV	Họ Trinh nữ	<i>Mimosaceae</i>	4
XVI	Họ Đậu	<i>Fabaceae</i>	15
XVII	Họ Trám	<i>Burserraceae</i>	2
XVIII	Họ Bồ hòn	<i>Sapindaceae</i>	4
XIX	Họ Bứa	<i>Clusiaceae</i>	6
XX	Họ Sim	<i>Myrtaceae</i>	6
XXI	Họ Cà phê	<i>Rubiaceae</i>	2
XXII	Họ Ngũ gia bì	<i>Araliaceae</i>	3
XXIII	Họ Trúc đào	<i>Apoxynaceae</i>	1
XXIV	Họ Trôm	<i>Sterculiaceae</i>	5

TT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Số lượng loài
XXV	Họ Đinh	<i>Bignoniaceae</i>	2
XXVI	Họ Cỏ roi ngựa	<i>Verbenaceae</i>	2
XXVII	Họ Dung	<i>Symplocaceae</i>	2
XXVIII	Họ chè	<i>Theaceae</i>	2
XXIX	Họ Giẻ	<i>Fagaceae</i>	6
XXX	Họ Ban	<i>Hypericaceae</i>	2

b) Đa dạng động vật rừng

Trên cơ sở kế thừa danh sách các loài động vật có xương sống có giá trị bảo tồn cao trong vùng, kết hợp phỏng vấn, khảo sát thực địa đã cập nhật danh lục động vật hoang dã ở rừng thuộc BQL RPH Nam Khánh Hòa. Kết quả ghi nhận có 42 loài động vật, thuộc các lớp thú, chim, bò sát, ếch nhái và cá bao gồm: Trong đó, lớp thú có 15 loài; Lớp Chim có 8 loài; lớp Bò sát có 11 loài; Lớp Ếch, nhái có 2 loài và Lớp Cá có 6 loài. Danh lục động vật hoang dã được sắp xếp theo thứ tự phân loại theo lớp như sau.

Bảng 7. Tổng hợp số loài của động vật hoang dã theo các lớp

TT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Ghi chú
I	Lớp thú	mammalia	
1	Cầy dông	<i>Viverra zibetha</i>	
2	Cầy hương	<i>Viverricula indica</i>	
3	Cầy mực/ chồn mực	<i>Arctictis binturong</i>	
4	Mèo gấm	<i>Pardofelis marmorata</i>	
5	Mèo rừng	<i>Prionailurus (Felis) bengalensis</i>	
6	Sóc bay	<i>Petaurista petaurista</i>	
7	Mang (Hoẵng)	<i>Muntiacus muntjak annamensis</i>	
8	Nai	<i>Rusa (Cervus) unicolor</i>	
9	Sơn dương	<i>Capricornis (Naemorhedus) sumatraensis</i>	
10	Cu li	<i>Nycticebus pygmaeus</i>	
11	Khi đuôi dài	<i>Macaca fascicularis</i>	
12	Khi đuôi lợn	<i>Macaca leonina (nemestrina)</i>	
13	Trút	<i>Manis javanica</i>	

TT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Ghi chú
14	Cheo	<i>Tragulus javanicus</i>	
II	Lớp chim	Aves	
1	Cú lợn lưng nâu	<i>Tyto capensis</i>	
2	Cú lợn lưng xám	<i>Tyto alba</i>	
3	Gà lôi	<i>Lophura diardi</i>	
4	Trĩ	<i>Rheinardia ocellata</i>	
5	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>	
6	Chích chòe lửa	<i>Copsychus malabaricus</i>	
7	Nhông	<i>Gracula religiosa</i>	
8	Vẹt	<i>Psittacula alexandri</i>	
III	Lớp bò sát	Reptilia	
1	Kỳ đà vân	<i>Varanus nebulosus (bengalensis)</i>	
2	Kỳ tôm	<i>Physignathus cocincinus</i>	
3	Rắn Cạp nong	<i>Bungarus fasciatus</i>	
4	Rắn Hồ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>	
5	Rắn Hồ mang	<i>Naja naja</i>	
6	Rắn ráo (hỏ) trâu	<i>Ptyas mucosa (mucosus)</i>	
7	Rắn Ráo thường	<i>Ptyas korros</i>	
8	Rắn Sọc dưa	<i>Elaphe radiata</i>	
9	Tắc kè	<i>Gekko gekko</i>	
10	Trăn đất	<i>Python bivittatus (molurus)</i>	
11	Rắn lục xanh	<i>Trimeresurus stejnegeri</i>	
IV	Lớp Ếch, Nhái	Amphibia	
1	Cóc rừng	<i>Ingerophrynus (Bufo) galeatus</i>	
2	Chẫu chàng	<i>Polypedates leucomystax</i>	
V	Lớp cá	Actinopterygii	
1	Chình bông	<i>Anguilla marmorata</i>	
2	Lòng tong	<i>Rasbora sumatrana</i>	
3	Cá đá	<i>Garra fasciacauda</i>	

TT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Ghi chú
4	Cá chạch suối	<i>Schistura pellegrini</i>	
5	Cá Hồng nhao	<i>Poropuntius deauratus</i>	
6	Cá lúi	<i>Cirrhinus molitorella</i>	

Trong danh mục mới chỉ ghi nhận thông qua phỏng vấn kết hợp kế thừa các kết quả nghiên cứu đã có và tra cứu, chưa bắt gặp và ghi nhận dấu vết qua các đợt khảo sát và điều tra thực địa, tiếp tục có những điều tra bổ sung để khẳng định, đặc biệt đối với các loài quý hiếm, nguy cấp và một số loài chưa thể xác định chính xác (sp).

c) Danh mục loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; những loài đặc hữu

Danh mục loài thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm:

Trong lâm phận của BQL RPH Nam Khánh Hòa tổng cộng có 08 họ và 20 loài thực vật quý hiếm, có nguy cơ nguy cấp, trong đó được phân ra theo danh mục sách đỏ quốc tế và trong nước như sau:

+ Nhóm loài đang nguy cấp, quý hiếm theo IUCN (2012) bao gồm 15 loài: Pơ mu, Bách xanh, Trầm hương, Xoài rừng, Sơn Huyét, Kiên kiên, Vên vên, Sến mù, Kơ nia, Re hương, Gụ mật, Gụ lau, Lim xanh, Cà te, Giáng hương, Cẩm lai, Cẩm thị.

+ Nhóm loài đang nguy cấp, quý hiếm theo sách đỏ Việt Nam (SDVN 2007) bao gồm 14 loài: Pơ mu, Bách xanh, Trầm hương, Kiên kiên, Re hương, Re xanh phần, Kơ nia, Gụ mật, Gụ lau, Cà te, Giáng hương, Cẩm lai, Cẩm thị, Ưoi;

+ Nhóm loài đang nguy cấp, quý hiếm theo Nghị định 06 năm 2019 bao gồm 10 loài: Pơ mu, Bách xanh, Trầm hương, Re hương, Re xanh phần, Gụ mật, Gụ lau, Cà te, Giáng hương, Cẩm lai.

+ Nhóm loài đang nguy cấp, quý hiếm theo CITES (2019) bao gồm 4 loài: Trầm hương, Cà te, Giáng hương, Cẩm lai.

Bảng 8. Danh mục loài thực vật nguy cấp tại rừng

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học loài cây	Theo quy định của:			
			IUCN (2012)	SDVN	NĐCP 06 (2019)	CITES (2019)
I	Họ Hoàng đàn	Cupressaceae				
1	Pơ mu	<i>Fokienia hodginsii</i>	VU	EN	IIA	

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học loài cây	Theo quy định của:			
			IUCN (2012)	SĐVN	NĐCP 06 (2019)	CITES (2019)
2	Bách xanh	<i>Calocedrus macrolepis</i>	VU	EN	IIA	
II	Họ Trâm	Thymelaeaceae				
1	Trâm hương	<i>Aquilaria crassna</i>	CR	EN	IIA	II
III	Họ Điều	Anacardiaceae				
1	Xoài rừng	<i>Mangifera minutifolia</i> <i>Evrard</i>	LR			
2	Sơn huyết	<i>Melanorrhoea laccifera</i> <i>Pierre</i>	LR			
IV	Họ Dầu	Dipterocarpaceae				
1	Kiên kiên	<i>Hopea pierrei</i> Hance	LR	VU		
2	Dầu rái	<i>Dipterocarpus alatus</i> <i>Roxb</i>	LR			
3	Sao đen	<i>Hopea odorata</i> Roxb	VU			
4	Vên vên	<i>Shorea hypochra</i>	LR			
5	Sến mũ	<i>Shorea roxburghii</i>	LR			
V	Họ Hà nu	Ixonanthaceae				
1	Kơ nia (Cây)	<i>Iwingia malayana</i> Oliv.exA.Benn		VU		
VI	Họ Nguyệt quế (Long não)	Lauraceae				
1	Re hương	<i>Cinamomum partheroxylon</i>	EN	VU	IIA	
2	Re xanh phần	<i>Cinnamomum glaucescens</i>		EN	IIA	
VI	Họ Đậu	Fabaceae				
1	Gụ mật	<i>Sindora siamesis</i> Teijsm. exMiq		EN	IIA	

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học loài cây	Theo quy định của:			
			IUCN (2012)	SĐVN	NĐCP 06 (2019)	CITES (2019)
2	Gụ lau	<i>Sindora tonkinensis</i> A.Chev.exK.Larsen		EN	IIA	
3	Cà te	<i>Azelia xylocarpa</i> (Kuzz) Craib	VU	EN	IIA	II
4	Giáng hương	<i>Peterocarpus macrocarpus</i> Kurz	VU	EN	IIA	II
5	Cắm lai	<i>Dalbergia bariaensis</i>	VU	EN	IIA	II
VII	Họ Thị	Ebenaceae				
1	Cắm thị	<i>Diospyros siamensis</i> Warb	CR	EN		
VIII	Họ Trôm	Sterculiaceae				
1	Ưoi	<i>Sacaphium macropodum</i> Heyne		VU		

Ghi Chú:

* IA/B- Nhóm thực/động vật nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại;

* IIA/B- Nhóm thực/động vật hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại;

* CR-Rất nguy cấp; EN- Đang nguy cấp; VU-Sẽ nguy cấp; LR-Nguy cấp thấp; DD-Thiếu dữ liệu; NE-Không đánh giá.

Kết quả khảo sát hiện trường ghi nhận, tần số xuất hiện loài, từ đây đã nắm bắt được sự phân bố theo tần số các loài cây gỗ và tái sinh, lâm sản ngoài gỗ của các loài quý hiếm, đang bị đe dọa.

Trên cơ sở xác định danh mục các loài thực vật quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng, sẽ là cơ sở để thực hiện bảo tồn loài trong khu rừng của BQL RPH Nam Khánh Hòa trong quá trình tổ chức sản xuất, đáp ứng yêu cầu bảo tồn đa dạng sinh học trong quản lý rừng bền vững.

Danh mục loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm

Trong lâm phận của BQL RPH Nam Khánh Hòa tổng cộng có 32 loài động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng có ở lâm phận rừng của BQL RPH Nam Khánh Hòa, trong đó được phân ra theo danh mục sách đỏ quốc

tê và trong nước như sau: (Xem bảng 15- Số lượng loài động vật rừng theo các mức nguy cấp ở BQL RPH Nam Khánh Hòa)

+ Theo IUCN (2012) các loài động vật quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng hoặc bị đe dọa trên toàn cầu, trong lâm phận rừng của BQL RPH Nam Khánh Hòa có 23 loài.

+ Theo sách đỏ Việt Nam (SĐVN - 2007) các loài động vật quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng hoặc bị đe dọa ở Việt Nam, trong lâm phận rừng của BQL RPH Nam Khánh Hòa có 21 loài.

+ Nghị định 06 (2019): IA/B - Nhóm thực/động vật nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại; IIA/B - Nhóm thực/động vật hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại, trong lâm phận rừng của BQL RPH Nam Khánh Hòa có 19 loài.

+ Theo CITES (2019) các loài động vật quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng hoặc bị đe dọa trên toàn cầu, trong lâm phận rừng của BQL RPH Nam Khánh Hòa có 22 loài.

Bảng 9. Số lượng loài động vật rừng theo các mức nguy cấp

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học loài động vật rừng	Theo quy định của			
			IUCN (2012)	SĐVN	NĐCP 06 (2019)	CITES (2019)
I	Lớp thú	mammalia				
1	Cầy đông	<i>Viverra zibetha</i>	NT		IIB	III
2	Cầy hương	<i>Viverricula indica</i>	LC		IIB	III
3	Cầy mực/chồn mực	<i>Arctictis binturong</i>	VU	EN	IB	III
4	Mèo gấm	<i>Pardofelis marmorata</i>	LC	VU	IB	II
5	Sóc bay	<i>Petaurista petaurista</i>		VU	IIB	
6	Mang (Hoẵng)	<i>Muntiacus muntjak annamensis</i>		VU		
7	Nai	<i>Rusa (Cervus) unicolor</i>	VU		IIB	

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học loài động vật rừng	Theo quy định của			
			IUCN (2012)	SĐVN	NĐCP 06 (2019)	CITES (2019)
8	Sơn dương	<i>Capricornis (Naemorhedus) sumatraensis</i>	VU	EN	IB	
9	Khỉ đuôi dài	<i>Macaca fascicularis</i>	LC	LR	IIB	II
10	Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca leonina (nemestrina)</i>	VU	VU	IIB	II
11	Trút	<i>Manis javanica</i>	EN	EN	IIB	II
12	Cheo	<i>Tragulus javanicus</i>			IIB	II
II	Lớp chim	Aves				
1	Cú lợn lưng nâu	<i>Tyto capensis</i>		VU		II
2	Cú lợn lưng xám	<i>Tyto alba</i>	LC			II
3	Gà lôi	<i>Lophura diardi</i>		VU		
4	Trĩ	<i>Rheinardia ocellata</i>	NT	VU	IB	I
5	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>	NT	VU	IB	I
6	Chích chòe lửa	<i>Copsychus malabaricus</i>	LC			
7	Vẹt	<i>Psittacula alexandri</i>	LC			
III	Lớp bò sát	Reptilia				
1	Kỳ đà vân	<i>Varanus nebulosus (bengalensis)</i>	LC	EN	IIB	II
2	Rắn Cạp nong	<i>Bungarus fasciatus</i>		EN		
3	Rắn Hồ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>	VU	RC	IB	II
4	Rắn Hồ mang	<i>Naja naja</i>		EN		II

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học loài động vật rừng	Theo quy định của			
			IUCN (2012)	SĐVN	NĐCP 06 (2019)	CITES (2019)
5	Rắn ráo (hồ) trâu	<i>Ptyas mucosa (mucosus)</i>		EN	IIB	II
6	Tắc kè	<i>Gekko gecko</i>				II
7	Trăn đất	<i>Python bivittatus (molurus)</i>	VU	CR		II
IV	Lớp Ếch, Nhái	Amphibia				
1	Cóc rừng	<i>Ingerophrynus (Bufo) galeatus</i>	LC			
2	Chẫu chàng	<i>Polypedates leucomystax</i>	LC			
V	Lớp cá	Actinopterygii				
1	Chình bông	<i>Anguilla marmorata</i>	LC			I

Ghi Chú:

* IA/B- Nhóm thực/động vật nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại;

* IIA/B- Nhóm thực/động vật hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại;

* CR-Rất nguy cấp; EN- Đang nguy cấp; VU-Sẽ nguy cấp; LR-Nguy cấp thấp; DD-Thiếu dẫn liệu; NE-Không đánh giá.

- Các loài này được giám sát, theo dõi và tránh nguy cơ bị tác động tiêu cực trong quá trình QLBV rừng, các hoạt động trong khai thác du lịch trong lâm phận rừng của BQL RPH Nam Khánh Hòa.

- RPH Nam Khánh Hòa có hệ sinh thái đa dạng, các loài thực vật phân bố theo địa hình do đó khi du khách đến khu vực có thể quan sát các loài thực vật có trong khu rừng. Ngoài ra khu vực có nhiều loài động vật du khách có thể quan sát được các nhiều loài động vật vào mọi thời trong ngày. Các loài động vật sống chủ yếu vào ban ngày là loài thuộc lớp chim, lớp thú và các loài sống chủ yếu hoạt động vào ban đêm thuộc lớp bò sát.

1.1.8. Cảnh quan thiên nhiên

Rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa chứa đựng sự đa dạng sinh học cao ở cả mức độ hệ sinh thái lẫn mức độ loài. Đây là nguồn tài nguyên thiên nhiên có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển bền vững. Địa hình RPH Nam Khánh Hòa tương đối phức tạp, độ dốc lớn, thấp dần từ tây sang đông với các dạng địa hình núi, được chia làm 4 loại địa hình núi thấp (<300 m), núi thấp (300 - <700 m), núi trung bình (700 - 1200 m); núi cao (>1200 - 1415 m). Sự đa dạng về địa hình đã tạo nên cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, sự đa dạng về địa hình tạo nên đa dạng sinh cảnh sống của các loài thực vật, động vật phân bố ở các đai cao khác nhau, RPH Nam Khánh Hòa đã ghi nhận 136 loài thuộc 34 họ loài thực vật và ghi 42 động vật.



Hình 4. Hệ sinh thái rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa

Hiện nay, RPH Nam Khánh Hòa vẫn đang lưu giữ được những nét kỳ thú của thiên nhiên. Với đặc điểm là hệ thống núi đất, địa hình chia cắt mạnh, độ dốc lớn, với hệ thống suối chằng chịt thiên nhiên đã ban tặng cho khu RPH Nam Khánh Hòa có nhiều điểm cảnh đẹp. Đây là những địa điểm có tiềm năng du lịch rất lớn. Về hệ thống suối có thể kể đến là suối Tà Gụ, suối Thượng, suối Tà Rục, Suối Hành, Suối Dầu, suối Tô Hạp, suối Ba Koum, suối Ta Gou, suối Kodak... Những suối cấp 1 có độ dốc lớn, lòng suối chỉ rộng 1 - 2m. Vào mùa mưa, lượng nước ở các con suối nhiều, còn vào mùa khô, nước ít, chỉ đủ chảy róc rách qua những khe đá, nước trong, chất lượng nước tốt. Do độ dốc lớn và nhiều đá to, trên các con suối có nhiều ghềnh nước cao 50 – 100m.

- Thác Tà Gụ

Thác Tà Gụ bắt nguồn từ đỉnh núi Hòn Bà, có độ cao khoảng 1300m so với mực nước biển, cũng là nơi có vị trí khá cao ở Khánh Hòa nên thường xảy ra mưa. Nhờ đó mà dòng nước chưa bao giờ cạn và chảy liên tục quanh năm. Thác Tà Gụ được biết đến khung cảnh tuyệt đẹp giữa đại ngàn hoang sơ, từ trong các vòm đá chông chênh, thác nước đổ ra âm ầm ở độ cao hơn 40m xóa bọt trắng xóa xuống hồ, tạo nên làn khói vô cùng huyền ảo. Các lối mòn dẫn đến thác đều có đầy đủ nhưng lại khá nhấp nhô và rất dốc, dễ trơn trượt. Đặc biệt, khu vực xung quanh là rừng đầu nguồn còn hoang sơ, chưa khai thác du lịch, phải men theo bờ, men vách đá rất gập ghềnh mới chiêm ngưỡng được một Tà Gụ hùng vĩ.



Hình 5. Thác Tà Gụ

- Suối Tà Rục

Suối Tà Rục có dòng suối trong xanh, chảy qua những tảng đá lớn và rừng cây xanh mát, tạo nên một khung cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp và yên bình. Khung cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp với những thảm thực vật xanh mướt, xen kẽ là những loại hoa rừng đầy màu sắc.



Hình 6. Suối Tà Rục

- Suối Tô Hạp

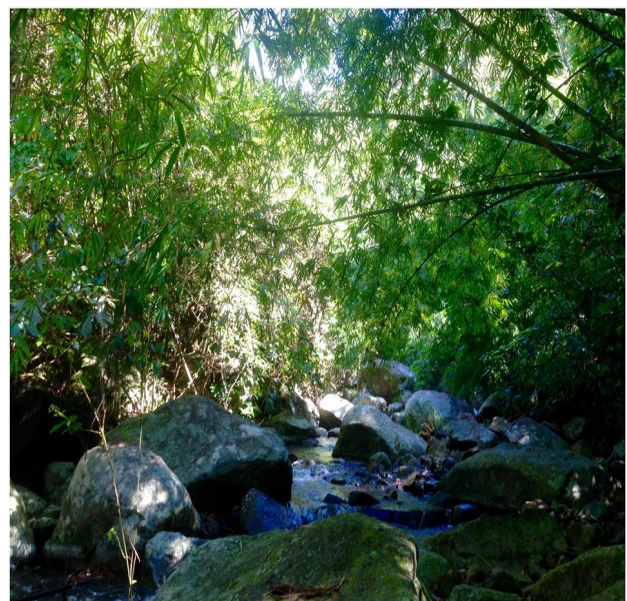
Tên gọi Tô Hạp ra đời do lưu vực sông chảy qua địa bàn huyện Khánh Sơn có rất nhiều cây Tô Hạp, là loại cây có mủ dùng làm dược liệu nên người dân địa phương lấy tên loài cây đặt tên địa danh là Tô Hạp. Tô Hạp là thung lũng được bao bọc bởi các dãy núi chính như Đá Bia (YaBi) và Shoung Khong, YaBio... Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, Tô Hạp được chọn là căn cứ cách mạng, là đại bản doanh tập trung nhiều cơ quan lớn của Tỉnh ủy Khánh Hòa, các lực lượng vũ trang của khu 5 và tỉnh Khánh Hòa.



Hình 7. Suối Tô Hạp

Thác Cà Zôn

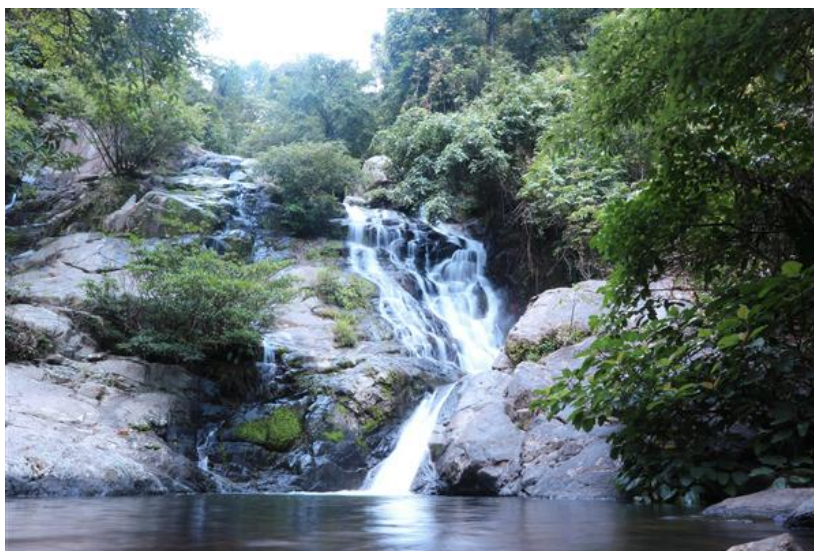
Thác Cà Zôn, nằm sâu trong khu rừng già thuộc địa phận xã Sơn Bình, thác nước kỳ vĩ với độ cao khoảng chừng 60 m, nguồn nước mát lạnh tung bọt trắng xóa đổ xuống một hồ nước rộng lớn tạo nên cảnh tượng thiên nhiên đẹp như một bức tranh vẽ. Dòng chảy của thác khá êm dịu không quá mạnh mẽ, xiết dòng đã tạo nên một Cà – Zôn nên thơ và yên bình. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh, không khí trong lành, không gian tĩnh lặng và yên bình, tiếng gió đại ngàn, tiếng nước chảy róc rách qua những tảng đá, tiếng nước đập nhẹ vào những ống lồ ô già nua chắn ngang dòng chảy, tiếng chim hót líu lo trên những cành cây đã hòa nên một bản giao hưởng núi rừng nghe thật hoang sơ, ngọt ngào và thư thái.



Hình 8. Thác Cà Zôn

Thác Lavan

Nằm giữa đại ngàn Tà Giang hoang sơ, thác Lavan với 02 tầng thác nước, cao chừng 20 mét đổ xuống bãi tắm nhỏ dưới chân thác. Dòng nước trong xanh mát rượi, chảy êm dịu nhẹ nhàng không ồn ào xiết dòng khiến cho Lavan thật kiêu kỳ, dịu dàng như một thiếu nữ miền sơn cước đang rạo rực bước rong chơi giữa núi rừng, hai tầng thác đều không cao nhưng mỗi tầng lại có những bãi tắm nhỏ, sâu vừa ngang ngực, nước trong xanh. Thác Lavan vẫn giữ được nét hoang sơ, thác đá dựng đứng vẫn bám đầy rêu xanh trơn trượt, hệ sinh thái nguyên sinh, những cánh phong lan rừng khoe sắc, hòa trong âm vang bản hòa tấu đại ngàn của những chú chim và tiếng thác chảy sẽ làm xua tan đi những bộn bề của cuộc sống và tận hưởng âm thanh êm dịu thư thái của núi rừng Tà Giang.



Hình 9. Thác Lavan

1.1.9. Đánh giá tổng quát hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên du lịch và các loại sản phẩm du lịch tại RPH Nam Khánh Hòa

- Thuận lợi:

+ Vị trí thuận lợi: RPH Nam Khánh Hòa cách trung tâm thành phố Cam Ranh 47,5 km, cách thành phố Nha Trang 72,7km, cách thị xã Ninh Hòa 100km cách thành phố Phan Rang -Tháp Chàm tỉnh Ninh thuận khoảng 96,4 km.

+ Hệ thống giao thông thuận lợi: RPH Nam Khánh Hòa nằm ở vị trí thuận tiện cả về giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không. Quốc lộ 1 và đường sắt Bắc - Nam là các tuyến đường huyết mạch quốc gia đi dọc chiều dài của tỉnh (và kết nối với hai tỉnh giáp ranh là Phú Yên và Ninh Thuận). Có Quốc lộ 26 nối Thị xã Ninh Hòa của tỉnh Khánh Hòa với TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk - đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên; Quốc lộ 27C kết nối TP. Nha Trang với TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng - một trung tâm du lịch của

quốc gia; Quốc lộ 27B kết nối TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa với huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận.

+ Cảnh quan tự nhiên phong phú và đa dạng: Cảnh quan tự nhiên ở RPH Nam Khánh Hòa là một trong những yếu tố hấp dẫn, cảnh quan thiên nhiên đa dạng, hệ sinh thái rừng, thác nước, suối nước tự nhiên như: suối Tô Hạp, suối Ba Koum, suối Ta Gou, suối Kodak, suối Thượng, suối Tà Rục, suối Tà Gụ, thác Tà Gụ, thác Sa Gai, suối Ko Roá... là những yếu tố thuận lợi để phát triển hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí.

+ Tính đa dạng sinh học cao: RPH Nam Khánh Hòa ghi nhận 136 loài thực vật thuộc 34 họ, 42 loài động vật, thuộc các lớp thú, chim, bò sát, ếch nhái và cá trong đó có nhiều loại động vật, thực vật quý hiếm được ghi nhận trong sách đỏ Việt Nam 2007, nằm trong danh sách nghị Nghị định 06/2019/NĐ-CP, IUCN và công ước CITES. RPH Nam Khánh Hòa được đánh giá là một điểm đến lý tưởng cho các hoạt động nghiên cứu, tham gia, tìm hiểu về các loại thực vật, các loài côn trùng, các loài chim ở Việt Nam, các loài thú quý hiếm như linh trưởng, thú móng guốc.

+ RPH Nam Khánh Hòa còn lưu giữ nhiều nét văn hóa đẹp về văn hóa vật thể và phi vật thể. Trong đó có thể kể căn cứ cách mạng Tô Hạp là căn cứ của quân dân ta trong thời kì chống Mỹ, đó là những dấu son ngời sáng trong trang sử hào hùng của quân và dân ta. Ngoài ra nơi đây gắn với cuộc sống của đồng bào dân tộc Raglai, Chăm Hroi vẫn còn lưu giữ những giá trị trong phong tục, tập quán, văn hóa.

- Khó khăn

+ Chịu ảnh hưởng khí hậu: Có thể nói, khí hậu vừa là điều kiện thuận lợi nhưng cũng là điều kiện khó khăn trong phát triển du lịch tại RPH Nam Khánh Hòa. Trong năm lượng mưa phân bố tập trung từ tháng 9-12, lượng mưa lớn có thể gây ra nguy cơ sạt lở đất, đường trơn trượt gây ảnh hưởng đến giao thông.

+ Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ du lịch: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch còn nhiều hạn chế. Hiện nay hệ thống cơ sở lưu trú, nhà hàng, vui chơi giải trí chưa đáp ứng tốt nhu cầu nhu khách do thiếu dịch vụ du lịch phục vụ khách du lịch. Trong giai đoạn 2025 – 2029 BQL RPH Nam Khánh Hòa sẽ chú trọng trọng trong công tác phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật để đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng tăng của du khách.

- Cơ hội:

+ Các chính sách phát triển du lịch sinh thái trong rừng phòng hộ: Các chính sách tiền đề như Luật lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 và nghị định 91/2024/NĐ-CP ngày 18/07/2024 là cơ sở vững chắc để các BQL RPH, VQG phát triển du lịch sinh thái. Bên cạnh đó, văn bản số 1183/TCLN-ĐDPH của Tổng cục Lâm nghiệp quy định hình thức xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí cho các khu rừng đặc dụng, phòng hộ đã khẳng định hơn cơ hội cho các BQL RPH, các Vườn quốc gia phát triển hoạt động DLST, nghỉ dưỡng, giải trí trong tương lai.

+ Sự phát triển khoa học công nghệ: Sự phát triển không ngừng của nền kinh tế tri thức giúp các nền tảng khoa học công nghệ được ứng dụng ngày càng rộng rãi và hiệu quả trong mọi lĩnh vực, trong đó có du lịch. Đây là điều kiện tốt cho việc phát triển du lịch tại RPH Nam Khánh Hòa trong việc ứng dụng các nền tảng để quảng bá và tiếp cận khách hàng một cách nhanh chóng và thuận lợi nhất.

+ Thị trường du lịch nội địa ngày càng phát triển mạnh: Trong năm 2023 tỉnh Khánh Hòa đón 7 triệu lượt khách trong đó 4,9 triệu lượt khách nội địa và 42,1 triệu lượt khách quốc tế tăng 170,5% so với năm 2022. Có thể thấy rằng nhu cầu du lịch ngày càng tăng của khách nội địa và quốc tế. RPH Nam Khánh Hòa là điểm đến hàng đầu của tỉnh Khánh Hòa về du lịch xanh, giáo dục, nghiên cứu với dư địa rất lớn, BQL RPH cần xác định đây là cơ hội để phát triển các sản phẩm du lịch mới nhưng phải phù hợp và đáp ứng nhu cầu của thị trường khách du lịch nội địa và quốc tế.

- Thách thức

+ Sức ép trong phát triển du lịch: Phát triển kinh tế du lịch nhanh và nóng vội sẽ gây nên nhiều sức ép đến môi trường, xã hội, đe dọa đến các giá trị của tài nguyên thiên nhiên, các giá trị văn hóa cộng đồng đặc biệt trong rừng phòng hộ. Phát triển du lịch cũng sẽ kéo theo cơ cấu nguồn lực và dân số thành thị tăng nhanh dẫn đến các hoạt động khai thác, xây dựng các công trình diễn ra ồ ạt gây mất cảnh quan, ảnh hưởng đến kết cấu của địa hình, cảnh quan và môi trường chung tại RPH Nam Khánh Hòa và khu vực phụ cận.

+ Thách thức khi phát triển cơ sở hạ tầng du lịch: Việc xây dựng hạ tầng du lịch (cơ sở lưu trú, cơ sở vui chơi giải trí) sẽ tác động đến cảnh quan thiên nhiên, sinh thái và đa dạng sinh học. Do đó, công tác đầu tư phải tuân thủ nguyên tắc vừa khai thác vừa bảo tồn, phát triển bền vững đòi hỏi nguồn đầu tư lớn và dài hạn.

+ Thách thức về thay đổi và mai một giá trị văn hóa truyền thống: Quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa làm các giá trị văn hóa của các đồng bào dân

tộc bị thay đổi và mai một theo hướng tiêu cực, đặt ra cho BQL nhiều thách thức trong hoạt động bảo tồn, phục dựng và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống cho các cộng đồng trong khai thác và phát triển du lịch cộng đồng, du lịch bền vững.

+ Tác động tiêu cực về môi trường, văn hóa, xã hội: Khi du lịch phát triển nóng sẽ dễ gây tác động trái chiều đến tình hình văn hóa xã hội như: xuất hiện các tệ nạn xã hội, mất đi bản sắc văn hóa, chuẩn mực đạo đức của cộng đồng; Đối với môi trường và hệ sinh thái: Phát triển du lịch sinh thái nếu không có quy chế quản lý chặt chẽ sẽ là nguy cơ, mối đe dọa đến các loài động vật hoang dã, hệ sinh thái, môi trường.

1.2. Dân sinh, kinh tế - xã hội và tiềm năng du lịch văn hóa

1.2.1. Dân sinh

Dân số trong phạm vi lâm phận quản lý của BQLRPH Nam Khánh Hòa: 54.766 người, trong đó nam 31.580 người, nữ 32.174 người, mật độ dân số trung bình 94,35 người/km², tỉ lệ tăng dân số bình quân hàng năm 1,2% năm.

Bảng 10. Biểu thống kê dân số Trong phạm vi lâm phận của BQL RPH Nam Khánh Hòa

Huyện, TP, Xã	Diện tích (km ²)	Dân số (người)	Nam (người)	Nữ (người)	Mật độ (người/km ²)
Huyện Khánh Sơn (toàn huyện)	338,53	25.387	12.699	12.688	74,99
Huyện Cam Lâm (các xã Cam Tân, Sơn Tân và Cam Phước Tây)	171,10	16.399	12.357	13.030	95,84
TP Cam Ranh (Cam Phước Đông)	70,85	12.980	6.524	6.456	183,20
Tổng	580,48	54.766	31.580	32.174	94,35

(Nguồn: Phương án QL RBV giai đoạn 2020 – 2029 của BQL RPH Nam Khánh Hòa)

Dân số và lao động có 12 xã trong lâm phận của BQL RPH Nam Khánh Hòa có dân cư sống với tổng số hộ là 15.234 hộ, tổng số nhân khẩu là 54.766 người, trong đó có 25.043 nhân khẩu là dân tộc thiểu số.

Bảng 11. Biểu thống kê dân số, lao động theo thành phần dân tộc

STT	Đơn vị hành chính	Tổng số hộ	Nhân khẩu		
			Tổng	Kinh	DT khác
I	Huyện Khánh Sơn	6.846	25.387	6.534	18.853
1	TT Tô Hạp	1.549	4.660	2.273	2.387
2	Xã Thành Sơn	800	3.202	322	2.880
3	Xã Sơn Lâm	819	3.278	1.269	2.009
4	Xã Sơn Bình	457	3.231	325	2.906
5	Xã Sơn Hiệp	807	1.835	686	1.149
6	Sơn Trung	609	2.452	806	1.646
7	Xã Ba Cùm Bắc	1.317	5.271	705	4.566
8	Xã Ba Cùm Nam	488	1.458	148	1.310
II	Huyện Cam Lâm	4.783	16.399	12.805	3.594
1	Xã Cam Phước Tây	2.500	6.497	5.847	650
2	Xã Sơn Tân	286	1.094	24	1.070
3	Xã Cam Tân	1.997	8.808	6.934	1.874
III	Thành phố Cam Ranh	3.605	12.980	10.384	2.596
1	Xã Cam Phước Đông	3.605	12.980	10.384	2.596
	Tổng cộng	15.234	54.766	29.723	25.043

(Nguồn: Phương án QLRBV giai đoạn 2020 – 2029 của BQL RPH Nam Khánh Hòa)

Hạ tầng ở trong vùng khá phát triển, hầu hết đều có đường trải nhựa hoặc bê tông đến vùng dân cư, có điện lưới; hầu hết nước sinh hoạt, tưới tiêu sử dụng từ đập đập đầu nguồn trên diện tích rừng của BQL RPH Nam Khánh Hòa.

Dân tộc: Sinh sống tại các xã nơi BQL RPH Nam Khánh Hòa tổ chức quản lý, sử dụng rừng và đất rừng phần lớn là dân tộc Kinh các dân tộc khác Raglai, Chăm Hroi chiếm 45,73%. Đồng bào dân tộc thiểu ở Nam Khánh Hòa hiện còn lưu giữ nhiều nét văn hóa độc đáo, đậm đà bản sắc dân tộc, cuộc sống còn phụ thuộc nhiều vào các sản phẩm phụ của rừng nên cuộc sống còn nhiều khó khăn.

1.2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Lao động

Tổng số người trong độ tuổi lao động thuộc khu vực lâm phận của BQL là 32.919 người, chiếm 60,10 % dân số.

Cơ cấu theo giới tính:

+ Nam: 16.531 lao động, chiếm 50,22%.

+ Nữ: 16.388 lao động, chiếm 49,78%

Từ số liệu về nguồn lao động cho thấy, lực lượng lao động có khả năng phục vụ cho các lĩnh vực nông - lâm nghiệp tương đối nhiều, lực lượng sử dụng lao động nam giới nhiều hơn nữ giới nên đây là nguồn lực lao động dồi dào, ngoài sản xuất nông nghiệp, dịch vụ có thể tham gia phát triển lâm nghiệp, xã hội (trồng rừng, sản xuất nông lâm kết hợp, khoán bảo vệ rừng, khoán nuôi tái sinh rừng...) góp phần gia tăng giá trị thu nhập cho toàn xã hội.

Bảng 12. Biểu thống kê dân số, lao động theo giới tính

Đơn vị tính (người)

STT	Đơn vị hành chính	Lao động		
		Tổng	Nam	Nữ
I	Huyện Khánh Sơn	15.066	7.529	7.537
1	TT Tô Hạp	3.029	1.506	1.523
2	Xã Thành Sơn	1.825	924	901
3	Xã Sơn Lâm	1.836	935	901
4	Xã Sơn Bình	1.874	905	969
5	Xã Sơn Hiệp	1.119	564	555
6	Sơn Trung	1.471	739	732
7	Xã Ba Cùm Bắc	3.110	1.549	1.561
8	Xã Ba Cùm Nam	802	407	395
II	Huyện Cam Lâm	9.546	4.838	4.708
1	Xã Cam Phước Tây	4.261	2.203	2.058
2	Xã Sơn Tân	310	157	153
3	Xã Cam Tân	4.975	2.478	2.497
III	Thành phố Cam Ranh	8.307	4.164	4.143
1	Xã Cam Phước Đông	8.307	4.164	4.143
	Tổng cộng	32.919	16.531	16.388

(Nguồn: Phương án QLRBV giai đoạn 2020 – 2029 của BQL RPH Nam Khánh Hòa)

Kinh tế: những hoạt động kinh tế chính, thu nhập đời sống của dân cư

Cơ cấu kinh tế của huyện đã có sự chuyển dịch tích cực, tỉ trọng nông - lâm nghiệp chiếm khoảng 1/3 cơ cấu kinh tế; tỉ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ chiếm gần 70%. Hướng tăng tỷ trọng nông lâm nghiệp và dịch vụ. Sản xuất công nghiệp, dịch vụ quy mô nhỏ, manh mún. Cùng với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trong từng ngành, lĩnh vực đang có sự chuyển dịch theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất. Kinh tế và đời sống trên địa bàn phụ thuộc phần lớn vào các hoạt động sản xuất nông - lâm nghiệp và buôn bán nhỏ. Tổng thu ngân sách địa phương năm 2019, huyện Cam Lâm đạt 1.480,27 tỉ đồng; Thành phố Cam Ranh 898,38 tỉ đồng; Huyện Khánh Sơn khoản 270 tỉ đồng.

Địa bàn BQL RPH Nam Khánh Hòa quản lý phần lớn thuộc các xã miền núi. Đất lâm nghiệp chiếm đa số, là vùng nông thôn - miền núi, nên các ngành nghề sản xuất tập trung chủ yếu đến lĩnh vực nông - lâm nghiệp chủ yếu trồng cây nông nghiệp ngắn ngày trên cạn; vườn đồi, vườn rừng theo mô hình nông lâm kết hợp; trồng rừng, lúa nước, trồng sản nguyên liệu...

Sản xuất nông nghiệp.

Giá trị sản xuất của ngành nhìn chung liên tục tăng đều qua các năm. Cơ cấu ngành nông nghiệp chia thành 3 ngành chính là trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ.

Theo Niên giám thống kê năm 2019 của huyện Khánh Sơn, huyện Cam Lâm và xã Cam Phước Đông (thành phố Cam Ranh), tỉnh Khánh Hòa, diện tích gieo trồng cây hàng năm và các loại cây trồng nông nghiệp chủ yếu của huyện gồm:

*** Huyện Khánh Sơn:**

Tổng diện tích gieo trồng năm 2019 là 4.748 ha, trong đó:

Diện tích gieo trồng cây hàng năm 1.554 ha;

Diện tích gieo trồng cây lâu năm là 3.194 ha, Hầu hết cây lâu năm là cây đặc sản có giá trị cao như sầu riêng, măng cụt, chôm chôm, bưởi...

Tổng sản lượng lương thực năm 2019 được 3.437 tấn (thóc 144 tấn, ngô 3.293 tấn). Trồng rừng mới tập trung được 45 ha.

*** Huyện Cam Lâm:**

Tổng diện tích gieo trồng năm 2019 là 13.860,8 ha, trong đó:

Diện tích gieo trồng cây hàng năm 7.678,7 ha;

Diện tích gieo trồng cây lâu năm là 6.182,1 ha,

Trong đó: Diện tích gieo trồng lúa là 3.224,4 ha, năng suất đạt 58,48 tạ/ha và tổng sản lượng là 18.856 tấn cả năm; Diện tích gieo trồng sắn (mì) là 1.464,5 ha, năng suất đạt 206,1 tạ/ha và tổng sản lượng là 30.187 tấn

* Thành phố Cam Ranh:

Tổng diện tích gieo trồng năm 2019 là 7.961,47 ha, trong đó:

Diện tích gieo trồng cây hàng năm 5.628,00 ha;

Diện tích gieo trồng cây lâu năm là 2.333,47 ha,

Trong đó: Diện tích gieo trồng lúa là 1.944,3 ha, năng suất đạt 55,46 tạ/ha và tổng sản lượng cả năm là 10.783,17 tấn; Diện tích gieo trồng ngô là 1.064,9 ha, năng suất đạt 12,67 tạ/ha và tổng sản lượng là 1.348,83 tấn; Diện tích gieo trồng sắn (mì) là 715,0 ha, năng suất đạt 58,0 tạ/ha và tổng sản lượng là 4.147 tấn; Diện tích gieo trồng mía là 523,0 ha, năng suất đạt 443,0 tạ/ha và tổng sản lượng là 23.168,9 tấn.

Nhìn chung sản xuất nông nghiệp trong các năm gần nay đã có những bước tiến bộ, năng suất có sự tăng trưởng, tuy nhiên khả năng tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế, áp dụng cơ giới hóa nông nghiệp chưa cao, khả năng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn chậm, mang tính tự phát, chưa có qui hoạch nên nhìn chung sản phẩm làm ra chưa có tính cạnh tranh trên thị trường dẫn đến thu nhập bấp bênh, không có sự ổn định.

Chăn nuôi phát triển ổn định

Ngành chăn nuôi tập trung vào các loại gia súc lớn như trâu, bò, gia súc nhỏ như lợn, dê, và các loại gia cầm. Theo Niên giám thống kê năm 2019 của huyện Khánh Sơn, huyện Cam Lâm và xã Cam Phước Đông (thành phố Cam Ranh), tỉnh Khánh Hòa có tổng đàn gia súc, gia cầm như sau:

* Huyện Khánh Sơn:

Tổng đàn gia súc, gia cầm thời điểm có 65 con trâu, 4.022 con bò, 4.726 con heo và 33,3 ngàn con gia cầm.

* Huyện Cam Lâm:

Tổng đàn gia súc, gia cầm thời điểm có 340 con trâu, 7.734 con bò, 84.060 con heo và 578,7 ngàn con gia cầm.

* Thành phố Cam Ranh:

Tổng đàn gia súc, gia cầm thời điểm có 157 con trâu, 10.396 con bò, 3.300 con heo, Dê cừu 9.710 và 159.284 ngàn con gia cầm (Đàn lợn không tính lợn nuôi gia công cho Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam. Năm 2019: 24.163 con lợn, 5.000 con gà)

Hình thành các mô hình kinh tế trang trại, phát triển theo phương thức chăn nuôi công nghiệp thay thế dần phương thức chăn nuôi truyền thống. Nông dân chủ động hơn trong việc nắm bắt và thực hiện kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng, chú trọng chất lượng con giống, thức ăn ... Mô hình trồng cỏ nuôi bò đem lại hiệu quả kinh tế khá cao, ngày càng được nhân rộng. Công tác thú y thực hiện tốt. Đáng chú ý đã theo dõi kiểm soát được bệnh lở mồm long móng ở trâu bò và chủ động ngăn ngừa dịch cúm gia cầm, đến nay chưa phát hiện dịch cúm gia cầm nào trên địa bàn tỉnh.

Ngành Lâm nghiệp

Trong những năm vừa qua, người dân trong vùng đã tham gia sản xuất lâm nghiệp cùng Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa trong các hoạt động trồng rừng, chăm sóc rừng, quản lý bảo vệ rừng đã và đang tạo nguồn thu nhập đáng kể góp phần cải thiện đời sống, qua đó đã hạn chế tình trạng phá rừng làm nương rẫy, khai thác lâm sản trái phép. Ngoài ra, việc giao khoán đất rừng để trồng rừng theo Nghị định 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng trong các BQL rừng phòng hộ đã tạo ra diện tích lớn về rừng trồng các loại, góp phần tích cực trong việc tạo ra độ che phủ rừng, cung cấp nhiều loại lâm sản cho đời sống xã hội; thu hút được các nguồn lực xã hội tham gia quản lý bảo vệ và phát triển rừng, tạo ra nhiều mô hình trồng rừng, sản xuất nông - lâm kết hợp hiệu quả.

Công tác công tác quản lý bảo vệ rừng tự nhiên hiện có và phát triển rừng trồng tập trung để sử dụng hết tiềm năng rừng, đất đai, nâng cao độ che phủ rừng trên địa bàn, phát huy khả năng phòng hộ là nhiệm vụ trọng tâm và theo chốt của BQL và nhân dân trong khu vực. Thường xuyên tổ chức công tác tuyên truyền về Luật Lâm nghiệp, các hộ gia đình sống gần lâm phần đã ký cam kết không phá rừng; vận động dân không lấn chiếm đất lâm nghiệp, khai thác khoáng sản, tham gia phòng chống cháy rừng... Tuy nhiên vẫn còn các vụ vi phạm lâm luật trên địa bàn.

Trong thời gian tới cần có kế hoạch tăng cường bảo vệ tài nguyên rừng, khoanh nuôi tái sinh, trồng rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng nguyên liệu giấy. Phát triển diện tích rừng trồng trên vùng đất trống đồi núi trọc, xây dựng các khu rừng phòng hộ. Nâng cao chất lượng rừng và độ che phủ của rừng.

Cụ thể thực hiện một số công tác chính sau trên tổng diện tích tự nhiên quản lý 30.212,30 ha:

Công tác trồng rừng: Tổng diện tích rừng trồng trong lâm phận BQL RPH 4.252,50 ha, loài cây trồng chủ yếu Thông, Dầu rái, Sao đen, Keo lá tràm, Keo lai và rừng trồng khác (RTK) là Điều, Mít, Bưởi, Sầu riêng, Măng cụt, Chôm chôm...

- **Công tác Khai thác rừng trồng:** Theo thống kê của BQL RPH Nam Khánh Hòa khai thác rừng trồng từ năm 2015 đến nay diện tích khai thác 500 ha. Diện tích trên chủ yếu là rừng trồng phòng hộ bị thiệt hại do nắng hạn và Bảo số 12 (năm 2017). BQL RPH Nam Khánh Hòa đã tiến hành các thủ tục thanh lý và được UBND tỉnh Khánh Hòa cho phép, đồng thời hoàn thành các nghĩa vụ kinh tế theo quy định của pháp luật về thanh lý rừng trồng.

Thương mại và dịch vụ:

- Khu huyện Cam Lâm và xã Cam Phước đông thành phố Cam Ranh cơ cấu kinh tế chuyển dịch ngày càng rõ nét theo định hướng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ - du lịch, sản xuất nông nghiệp. Giá trị sản xuất các ngành kinh tế tăng bình quân hàng năm trong 5 năm qua là 10,6%. đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp..., ngành thương mại và dịch vụ cũng phát triển theo hướng phục vụ chủ yếu cho công nghiệp, du lịch.... Hoạt động buôn bán, trao đổi hàng nông sản và vật tư, dụng cụ nông nghiệp phát triển mạnh, rộng khắp trong toàn huyện.

- Khu vực huyện Khánh Sơn trong những năm qua đã chuyển dịch cơ cấu kinh tế (VA) theo hướng tăng tỷ trọng ngành thương mại, dịch vụ, công nghiệp tiêu thủ công nghiệp, giảm dần tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp; định hướng tỷ trọng các ngành nông lâm nghiệp giảm xuống còn 55,04% và thương mại - dịch vụ chiếm 24,57%. Tiếp tục tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng hình thành các vùng sản xuất chuyên canh hàng hóa. Trong đó, ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ, gắn với tái cơ cấu ngành Nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong sản xuất, ngành thương mại và dịch vụ cũng phát triển theo hướng phục vụ chủ yếu cơ cấu kinh tế trên.

Xã hội: thực trạng giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa

- Khu huyện Cam Lâm và xã Cam Phước đông thành phố Cam Ranh

+ Về giáo dục và đào tạo: Các xã trong vùng nói chung và 03 xã (Cam Tân, Sơn Tân và Cam Phước Tây) trong vùng lâm phận BQL RPH Nam Khánh Hòa nói riêng đã đạt chuẩn phổ cập mầm non 5 tuổi, phổ cập tiểu học và trung học cơ sở. Các xã đều có trường tiểu học và trung học cơ sở (riêng xã Sơn Tân vì dân cư ít nên chưa có trường trung học cơ sở).

+ Về y tế: Tất cả các xã trong vùng dự án đều có Trạm y tế và đạt chuẩn quốc gia về y tế, 100% trạm y tế có bác sĩ, và y sĩ sản nhi.

+ Về thông tin liên lạc: Trung tâm các xã và hầu hết các thôn đã có điện thoại hữu tuyến. Ngoài ra, hệ thống điện thoại di động đã phủ sóng toàn huyện. Theo số liệu thống kê năm 2020, toàn bộ các xã trong vùng dự án đã được phủ sóng truyền thanh, truyền hình.

- Khu vực huyện Khánh Sơn

+ Về giáo dục và đào tạo: Vùng lâm phận BQL RPH Nam Khánh Hòa bao gồm 8 xã của huyện Khánh Sơn đã đạt chuẩn phổ cập mầm non 5 tuổi, phổ cập tiểu học và trung học cơ sở. Các xã đều có trường tiểu học, trường trung học cơ sở có ở các xã Ba Cùm Bắc, Sơn Bình, Sơn Lâm và thị trấn Tô Hạp. Cả huyện chỉ có 01 trường trung học phổ thông ở thị trấn Tô Hạp.

+ Về y tế: Tất cả các xã trong vùng dự án đều có Trạm y tế và đạt chuẩn quốc gia về y tế, 100% trạm y tế có từ bác sĩ, và y sĩ sản nhi. Trên địa bàn của huyện có 01 bệnh viện cấp huyện và 01 phòng khám đa khoa.

+ Về thông tin liên lạc: Trung tâm các xã và hầu hết các thôn đã có điện thoại hữu tuyến. Ngoài ra, hệ thống điện thoại di động đã phủ sóng toàn huyện. Theo số liệu thống kê năm 2020, toàn bộ các xã trong vùng dự án đã được phủ sóng truyền thanh, truyền hình.

- Về văn hóa: Trong những năm qua trong vùng của BQL RPH Nam Khánh Hòa đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế và chăm lo an sinh xã hội cho người dân, luôn quan tâm phát triển văn hoá - xã hội, nhất là phát triển con người và đã đạt được những tiến bộ đáng kể. Giáo dục-Đào tạo phát triển cả về quy mô và chất lượng, cơ sở vật chất tiếp tục được tăng cường. Đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện. Tỷ lệ hộ nghèo, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt.

Công trình công cộng và phúc lợi xã hội, hệ thống thông tin liên lạc trên địa bàn xã phân nào đã được đầu tư và đã phát huy tác dụng trong đời sống và sản xuất của nhân dân, thuận tiện cho tổ chức thi công, điều hành, liên lạc.

1.2.3. Tiềm năng du lịch văn hoá

RPH Nam Khánh Hoà có hệ sinh thái rừng phong phú và đa dạng, với nhiều loài động, thực vật rừng quý, hiếm cần được bảo vệ, bảo tồn và phát triển nguồn gen. Nơi đây còn hội tụ nhiều cảnh quan kỳ vĩ, những di sản văn hóa lâu đời, những di tích lịch sử từ thời kháng chiến chống Mỹ, cùng với các công trình văn

hóa, tâm linh khiến cho RPH Nam Khánh Hoà trở thành khu du lịch sinh thái đa dạng, hấp dẫn.

a) Tài nguyên văn hoá phi vật thể

Dân tộc Raglai thuộc nhóm ngữ hệ Malayo-Polynedi, có quan hệ nguồn gốc với người Chăm và cùng ngôn ngữ với một số tộc người hiện đang sinh sống trên một vài hòn đảo và ven biển cực Nam Trung Bộ với tên gọi là “người Đàng Hạ”. Người Raglai và người Chăm thường có câu: Chăm sa-ai Raglai adoi (Chăm là chị, Raglai là em) hay Chap ai Baglai adoi (Chap là anh, Raglai là em).

Lễ bỏ mả là nghi lễ quan trọng nhất trong các nghi lễ vòng đời của người Raglai - lễ chia tay vĩnh viễn giữa người sống và người chết để người chết được trở về thế giới vĩnh hằng. Lễ được thực hiện từ năm thứ ba đến năm thứ năm, tùy theo điều kiện và hoàn cảnh gia đình có thể tổ chức sớm hơn. Lễ Bỏ mả được tiến hành với nhiều nghi thức như: Lễ nhà mồ, lễ cúng, lễ đặt kagor (vật trang trí mang hình con thuyền đặt trên nóc nhà mồ biểu tượng cho nơi trú ngụ của ông bà ở thế giới bên kia), lễ rước ông bà, lễ giáp mặt tổ tiên và tục chia của...

Lễ Bỏ mả đã khép lại sau ba ngày với rất nhiều nghi thức đậm đặc bản sắc văn hóa dân tộc Raglai. Điều đáng trân trọng nhất trong Lễ Bỏ mả ấy là trách nhiệm, lòng thủy chung của người đang sống dành cho người đã khuất.

Lễ Bỏ mả của người Raglai còn lưu giữ khá đầy đủ các nghi thức tế lễ cổ truyền mang tính biểu tượng cao và nếu được giải mã sẽ góp phần tô đậm thêm bản sắc văn hóa của tộc người Raglai nói riêng và văn hóa Việt Nam nói chung.

Cũng trong Lễ Bỏ mả này, các hình thức nghệ thuật dân gian được truyền thừa từ nhiều thế hệ như nghệ thuật chạm khắc gỗ (trụ nhà mồ, kagor), các nghệ thuật trình diễn (múa, âm nhạc) đã phản ánh thật sắc nét sự sáng tạo của cộng đồng và góp phần tạo nên tính đa dạng cho nền văn hóa Việt Nam.

Năm 2012, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đã công nhận lễ Bỏ mả của người Raglai ở xã Ba Cạm Bắc, huyện Khánh Sơn là Di sản Văn hoá Phi vật thể quốc gia, thuộc loại hình tập quán xã hội.





Hình 9. Lễ Bỏ má của người Raglai

- Lễ cưới của người Raglai được tổ chức ở cả nhà trai, nhà gái (nhà trai tổ chức ngày thứ nhất vào ngày lễ, nhà gái tổ chức ngày thứ hai vào ngày chẵn). Khi thực hiện nghi thức cưới ở nhà trai xong, sang ngày thứ hai nhà trai xuất phát tới nhà gái từ sáng sớm. Khi sang nhà gái, tùy điều kiện kinh tế từng gia đình mà họ mang theo lễ vật nhiều hay ít. Tuy nhiên, lễ vật bắt buộc trong đám cưới truyền thống bao gồm: Vòng cổ, vòng tay, gùi đi nương, cái rựa, bát ăn cơm, cái nỏ, quần áo, tấm vải. Khi chàng rể tới nhà vợ phải rửa mặt tại cửa ra vào, sau đó vào nhà, tới ngồi cùng cô dâu đã đợi sẵn. Trong khi mọi người mời nhau miếng cau trầu lộc hay điều thuốc thì cô dâu, chú rể thực hiện nghi lễ cúng ông bà tổ tiên, mời ông bà về chứng giám cho lễ thành hôn của hai người, cho phép chú rể đeo chuỗi hạt cườm, vòng tay cho cô dâu. Một điều đặc biệt là mâm cúng ông bà tổ tiên của cô dâu, chú rể phải có gà luộc nguyên con, 2 bát cơm với ý nghĩa có bát ăn bát để, cầu mong ông bà phù hộ cho đôi vợ chồng trẻ thuận hòa, làm ăn gặp nhiều may mắn. Kết thúc phần lễ, mọi người cùng nhau đánh mã la, hát siri (hát đối đáp), đọc tấu đàn đá, đọc tấu đàn chapi, vũ điệu Raglai, hát đối đáp để chúc phúc.





Hình 10. Lễ cưới của người Raglai

Ngoài nghi lễ bỏ mả và lễ cưới đồng bào Raglai còn nhiều nghi lễ, phong tục tập quán đặc sắc khác như lễ ăn đầu lúa mới, nghi lễ vòng đời, lễ tạ ơn...

Người Raglai ở nhà sàn - còn gọi nhà dài. Ngôi nhà dài truyền thống Raglai kết cấu vững chắc, thông thường các cột chính có đường kính hơn ba gang tay, cao hơn 4m. Riêng phần thềm - phần sàn từ sân đất lên hết cầu thang trước khi bước vào các gian nhà chính bên trong - rộng hơn 3m chạy suốt hiên mặt trước nhà đủ để dàn mã la diễn tấu cùng các sinh hoạt khác mỗi khi gia đình có lễ hội (việc cưới, việc tang, lễ bỏ ma, lễ đền ơn đáp nghĩa mẹ cha...) và cả khi phân xử sự việc theo luật tục.



Hình 11. Kiến trúc nhà sàn Người Raglai

- Nền ca nhạc dân gian dân tộc Raglai khá phong phú và độc đáo. Cổ nhất là đá kê, những thanh đàn đá tiền sử được dựng thành dàn trên rẫy, thông qua một hệ thống truyền lực tự động bằng mây tre gỗ sẵn có trong rừng, dùng sức nước điều khiển tạo nên bản hòa tấu với màu âm độc đáo vang động núi rừng. Kế

đến là chiêng công mã la, được người xưa chế tác bằng tay nên nổi rõ trên bề mặt những vết gò lồi đốm da cóc như ba tầng hoa văn tinh tế. Đây là báu vật xếp hàng đầu trong báu vật truyền đời của tổ tiên dòng họ.

- Dân ca Raglai phong phú về làn điệu, có các làn điệu chính cổ truyền, một số làn điệu đã được cách tân phát triển thành làn điệu mới. Các điệu alou sa-ur - hò, ru con, ru em, đồng dao, lời văn cầu cúng trong các nghi lễ... Các làn điệu dân ca không chỉ nhằm chuyển tải tình cảm, giao lưu đối đáp trong lao động sản xuất sinh hoạt thường ngày, trong các lễ hội mà còn sử dụng diễn xướng trong đó có những thiên sử thi hấp dẫn người nghe "năm ngày mười đêm" chưa hết.

- Người Raglai có nhiều loại nhạc cụ độc đáo với nhiều loại chất liệu, cách diễn tấu đa dạng, được dùng trong các dịp lễ hội quan trọng. Nơi đây cũng có nhiều loại hình văn nghệ dân gian với các làn điệu sử thi, dân ca, dân vũ, phổ biến là điệu hát Alou, Siri, Sa ngoi, Ru tu; có các nhạc cụ dân tộc nổi tiếng đi vào thơ ca với cây đàn chapi; có không gian sinh hoạt văn hóa công chiêng, đánh mã la; có các nghề thủ công truyền thống... Có thể nói, nhạc cụ dân tộc luôn là vật thiêng, vốn quý và là người bạn tâm giao không thể thiếu trong đời sống văn hóa tinh thần và sinh hoạt cộng đồng của đồng bào Raglai.



Hình 12. Dân gian văn hoá Raglai

Các thế hệ người Raglai đã sáng tạo trang phục riêng cho mình với kiểu dáng, màu sắc, hoa văn vừa phản ánh thị hiếu thẩm mỹ dân tộc vừa phù hợp với sinh hoạt sản xuất. Người nữ Raglai mặc cà chăn/váy màu đen có từ 5 đến mười

đường hoa văn vòng quanh từ gấu váy lên ngang gối; vòng hoa văn dưới cùng màu đỏ, các vòng bên trên màu trắng. Người Raglai có loại áo chui đầu (gọi theo kiểu dáng); còn được gọi là áo khoang (gọi theo màu sắc - vì thân áo và ống tay áo gồm hai màu trắng đen xen kẽ nhau thành từng khoang từ dưới lên). Áo chui đầu có nguồn gốc từ những chiếc áo làm bằng hai mảnh vỏ cây từ thuở con người chưa biết trồng bông dệt vải. Từ kiểu áo chui đầu, về sau người Raglai sáng tạo ra loại áo xẻ thân trước thành hai vạt, riêng áo nữ có gài nút bên dưới ngực. Chi tiết mà người già lưu ý là: lớp trẻ phải mặc áo chui đầu cho kín đáo, những người có con mới mặc áo xẻ thân trước thành hai vạt để tiện mở ra khi cho con bú. Bên trong áo, người nữ Raglai mặc lót cái yếm, hai dây yếm buộc quàng qua cổ thả sau lưng. Về sau dây yếm trở thành trang sức, may riêng và gắn vào vòng kiềng đeo cổ. Đồ trang sức của nữ có cong vòng đeo cổ tay, vòng đeo cổ, các loại vòng cườm, bông tai bằng đồng thau hay bằng bạc (trong sử thi còn thấy có lục lạc).

Người nam Raglai mặc cà giọt/khố và áo khoang. Lưng buộc dây thắt lưng. Cả nữ và nam đều có khăn vấn đầu. Ngoài trang phục sử dụng thường ngày cho từng giới còn có trang phục lễ hội, trang phục cho từng đối tượng khác nhau trong xã hội.

Chất liệu dùng nhuộm màu là những cây cỏ sẵn có trong thiên nhiên. Những chất liệu này còn dùng trang trí hoa văn hình tượng trên nhà mồ, trên các con tàu trong nghi lễ cầu cúng và trên những cánh diều, góp phần thư giãn vào những ngày nhàn rỗi.



Hình 13. Trang phục truyền thống của đồng bào Raglai

- Sau ngày Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, theo lời kêu gọi của Cụ Hồ, đồng bào Raglai một lòng ủng hộ cách mạng, gia nhập các đoàn thể Việt Minh, xây dựng chính quyền nhân dân. Vừa giành được độc lập thì thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta. Tiếng súng kháng chiến chống Pháp từ Mặt trận Nha Trang vang dội khắp các tỉnh Nam Trung bộ. Lốp lốp thanh niên Raglai xung phong gia nhập "bộ đội Cụ Hồ". Đồng bào Raglai đã góp phần xứng đáng vào công cuộc kháng chiến đánh đuổi ngoại xâm, giành hòa bình độc lập thống nhất đất nước. Ngay sau ngày hoàn toàn giải phóng, bà con Raglai dốc sức hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng cuộc sống mới.

b) Tài nguyên văn hoá vật thể

Di tích lịch sử căn cứ cách mạng Tô Hạp được xếp hạng di tích cấp tỉnh vào năm 2008, với 3 địa điểm di tích hợp thành gồm: Khu vực Suối Giá (xã Ba Cạm Bắc), khu vực Tô Hạp (thị trấn Tô Hạp), khu vực Xóm Cỏ (xã Sơn Bình). Căn cứ vào những tài liệu lịch sử, cùng thông tin do các nhân chứng đã từng chiến đấu, công tác ở những khu vực này cung cấp, đây là những địa điểm di tích có giá trị, ý nghĩa to lớn đối với địa phương. Khu vực Suối Giá từng là đại bản doanh của các cơ quan thuộc Huyện ủy Khánh Sơn những năm 1959-1962. Nơi đây diễn ra nhiều sự kiện lớn của tỉnh và huyện như: Hội nghị mở rộng toàn tỉnh của Tỉnh ủy Khánh Hòa (năm 1957) để đánh giá tình hình thực hiện chủ trương chuyển cán bộ, đảng viên ra sống hợp pháp, đấu tranh với thủ đoạn dồn dân của địch; hội nghị của Huyện ủy Khánh Sơn quán triệt và bàn các biện pháp thực hiện các nghị quyết cấp trên (năm 1955); Đại hội dân tộc huyện (năm 1961); thành lập Huyện đội Khánh Sơn (ngày 24-9-1961); Đại hội Đảng bộ huyện Khánh Sơn lần thứ nhất (tháng 2-1962)... Năm 1963, trước sự càn quét ác liệt của quân địch, các cơ quan của Huyện ủy Khánh Sơn ở khu vực Suối Giá chuyển về khu vực Tô Hạp.

Thung lũng Tô Hạp được bao quanh bởi nhiều ngọn núi lớn như: Dốc Gạo, La Bin, Hòn Gầm, Hòn Hầm, Gia Uy, Đá Trào, Lỗ Hang... và có nhiều suối đá nên thuận lợi cho các cơ quan, lực lượng vũ trang hoạt động, cũng như chống các đợt càn quét của địch. Còn khu vực Xóm Cỏ là nơi tập trung nhiều cơ quan của Tỉnh ủy Khánh Hòa; các lực lượng vũ trang của Khu V và của tỉnh như Tiểu đoàn 120, Đại đội 254... đóng chân ở đây. "Với vị trí thuận lợi nằm trên trục đường giao thông liên lạc quan trọng của Liên khu V, đối diện với căn cứ quân sự Cam Ranh nên liên tỉnh Bình Thuận - Ninh Thuận - Khánh Hòa, Liên khu V và tỉnh Khánh Hòa đã chọn Khánh Sơn để xây dựng căn cứ cách mạng hoàn chỉnh. Từ đây, làm chỗ dựa để mở rộng phong trào cách mạng, chống Mỹ - ngụy trên địa bàn Nam Trung Bộ.



Hình 14. Di tích lịch sử căn cứ cách mạng Tô Hạp

Di tích khảo cổ địa điểm Dốc Gạo là địa chỉ lưu dấu những giá trị lịch sử, văn hóa của vùng đất Khánh Sơn, đặc biệt là niềm tự hào được coi là quê hương của đàn đá. Đầu năm 1979, hai bộ đàn đá Khánh Sơn có ký hiệu A và B với 12 thanh kích thước khác nhau, hai bộ đàn đá có niên đại cách đây khoảng 2.500 - 3.000 năm. Năm 1980, Ban Khảo cổ học của Viện Khoa học Xã hội TP. Hồ Chí Minh, Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Viện Nghiên cứu Âm nhạc Việt Nam đã tiến hành 2 đợt khảo sát tại núi Dốc Gạo và phát hiện hơn 500 mảnh tước cùng loại đá của đàn đá Khánh Sơn, trong đó có một số thanh đàn đá còn đang chế tác dở dang và bị vỡ. Bước đầu nghiên cứu đá, các nhà khoa học đã xác định đó là những mảnh tước được ghè đẽo ra từ các thanh đàn đá Khánh Sơn. Loại đá đó là đá Rhyolite Porphyre có sẵn tại chỗ và rất nhiều ở núi Dốc Gạo. Ngày 06/6/2024, UBND huyện Khánh Sơn tổ chức lễ đón nhận bằng xếp hạng di tích lịch - sử văn hóa cấp tỉnh: Di tích khảo cổ Địa điểm Dốc Gạo tại thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn.



Hình 15. Lễ đón nhận bằng xếp hạng di tích tỉnh “Di tích khảo cổ địa điểm Dốc Gạo”

Ngày 18/12/2009, danh lam thắng cảnh thác Tà Gụ được UBND tỉnh Khánh Hòa xếp hạng di tích Lịch sử - Văn hóa cấp tỉnh, tại quyết định số 3286/QĐ-UBND. Danh lam thắng cảnh thác Tà Gụ có giá trị cả về các mặt lịch sử, văn hóa và khoa học. Với đặc điểm nằm ở khu vực rừng núi của huyện miền núi Khánh Sơn, danh thắng gắn với quá trình tạo sơn của tự nhiên; gắn với lịch sử phát triển, tồn tại của cư dân bản địa là đồng bào dân tộc Raglai đã sinh sống và phát triển bao đời trên mảnh đất này. Thác Tà Gụ có hai mặt bằng là khu vực trên thác và khu vực dưới thác. Tuy đều có đường đi nhưng con đường rất nhấp nhô, rất dốc, đá trơn trượt. Đây lại là rừng đầu nguồn còn hoang sơ, chưa khai thác du lịch, nên muốn đi phải men theo bờ, men vách đá rất gập ghềnh.



Hình 16. Danh lam thắng cảnh thác Tà Gụ

1.3. Giao thông

- Có tuyến Quốc lộ 1 đi qua huyện Cam Lâm và thành phố Cam Ranh dài 55 km, Tuyến đường sắt Hà Nội – Thành phố Hồ Chí Minh song song với Quốc lộ 1 dài 48 km, ngoài ra còn có các tuyến giao thông chính là tỉnh lộ 9 từ thành

phố Cam Ranh đi huyện Khánh Sơn dài 54 km và tuyến liên huyện Lập Định - Suối Môn 23 km là các tuyến giao thông đã được trải nhựa. Hầu hết các tuyến đường liên xã, liên thôn cũng đã được nâng cấp, bê tông hóa đến tận thôn bản theo chương trình nông thôn mới trên toàn huyện nên tương đối thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển hàng hoá. Tổng chiều dài các tuyến liên xã, liên thôn chính trong khu vực là 350,5 km.

- Ngoài ra các quy hoạch, dự án chuyên ngành đang được triển khai (tuyến đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông (CT.01); đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc Nam) kết nối qua khu vực đây sẽ là lợi thế để phát triển kinh tế, xã hội nói chung và phát triển du lịch tại RPH Nam Khánh Hòa nói riêng.

- Trên địa bàn quản lý của BQL RPH hiện có mạng lưới đường nội vùng, đường lâm nghiệp đường mòn... tại một số tiểu khu nối với lâm phần BQL RPH do quá trình sản xuất tạo nên nay vẫn được đưa vào sử dụng cho việc sản xuất, kinh doanh rừng, tổng chiều dài các đường chính là 30 km

- Hệ thống giao thông đường bộ là một trong những cơ sở hạ tầng được huyện xếp vào hạng mục ưu tiên phát triển. Nhiều tuyến đường hiện nay đang được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo, mở rộng bằng nhiều nguồn lực khác nhau từ nguồn vốn của Trung ương hỗ trợ, ngân sách tỉnh và huy động từ người dân cùng tham gia xây dựng.

- Hạ tầng ở trong vùng nhìn chung khá phát triển đang góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xây dựng phát triển rừng, hầu hết đều có đường trải nhựa hoặc bê tông đến vùng dân cư. Hiện chỉ có đường lâm sinh đi vào rừng là đường đất lâm nghiệp.

Bảng 13. Hiện trạng các công trình hạ tầng giao thông

TT	Loại đường	Tên tuyến đường	Số hiệu tuyến (nếu có)	Cấp đường	Chiều dài (km)
I	Đường giao thông khu vực				672,5
1	Cao tốc Bắc Nam phía Đông	Đoạn đi qua tỉnh Khánh Hòa	CT.01	Được thiết kế Cao tốc cấp 120	145,0
2	Quốc lộ 1	Đoạn đi qua huyện Cam Lâm và TP Cam Ranh	QL 1	Cấp III	55,0

TT	Loại đường	Tên tuyến đường	Số hiệu tuyến (nếu có)	Cấp đường	Chiều dài (km)
3	Đường sắt	Đoạn đi qua huyện Cam Lâm và TP Cam Ranh			48,0
4	Tỉnh Lộ 9	Đoạn từ Ba Ngòi đi Khánh Sơn	ĐT.656	Cấp IV	54,0
5	Liên huyện	Tuyến đường Lập Định - Suối Môn		Cấp V	20,0
6	Liên xã	Tuyến Tỉnh lộ 9 (Văn Thủy 1) - Cam An		Cấp IV	12,0
7	Liên xã	Thị trấn Tô Hạp - Sơn Trung - Sơn Hiệp (Tà Gụ)		Cấp IV	12,0
8	Liên xã	QL1A (Cam Tân) - Sơn Tân		Cấp IV	12,0
9	Liên xã	Tỉnh lộ L 9 (Văn Thủy 2) - Suối Hành		Cấp IV	5,0
10	Liên xã	Đỉnh đèo Khánh Sơn - Ba Cùm Nam		Cấp IV	10,0
11	Liên xã	Ba Cùm Bắc (Suối Đá) - Ba Cùm Nam			10,0
12	Liên xã	Thị trấn Tô Hạp - Tà Lương (Sơn Bình)		Cấp IV	4,0
13	Liên xã	Lập Định - Hồ Suối Thượng		Cấp IV	4,5
14	Liên xã	Các tuyến liên xã thuộc TP Cam Ranh và huyện Cam Lâm ngang, dọc theo Quốc lộ 1 rất thuận lợi cho giao thông		Cấp IV	
15	Đường thị trấn Tô Hạp	Các tuyến trong nội thị		Cấp II	6,0
16	Đường liên thôn xã Thành Sơn	Các tuyến trong xã		B.tông N. thôn	15,0

TT	Loại đường	Tên tuyến đường	Số hiệu tuyến (nếu có)	Cấp đường	Chiều dài (km)
17	Đường liên thôn xã Sơn Lâm	Các tuyến trong xã		B.tông N. thôn	25,0
18	Đường liên thôn xã Sơn Bình	Các tuyến trong xã		B.tông N. thôn	25,0
19	Đường liên thôn xã Sơn Hiệp	Các tuyến trong xã		B.tông N. thôn	30,0
20	Đường liên thôn xã Sơn Trung	Các tuyến trong xã		B.tông N. thôn	20,0
21	Đường liên thôn xã Ba Cùm Bắc	Các tuyến trong xã		B.tông N. thôn	30,0
22	Đường liên thôn xã Ba Cùm Nam	Các tuyến trong xã		B.tông N. thôn	15,0
23	Đường liên thôn xã Cam Tân	Các tuyến trong xã		B.tông N. thôn	30,0
24	Đường liên thôn xã Sơn Tân	Các tuyến trong xã		B.tông N. thôn	10,0
25	Đường liên thôn xã Cam Phước Tây	Các tuyến trong xã		B.tông N. thôn	40,0
26	Đường liên thôn xã Cam Phước Đông	Các tuyến trong xã		B.tông N. thôn	35,0
II	Các đường nội vùng nối với Lâm phần BQL				30,0
1	Liên thôn	Đỉnh đèo Khánh Sơn - K5, TK 280		Đường đất	3,5
2	Liên thôn	Tỉnh Lộ 9 - Sơn Lâm (KoRó)		Đường đất	4,0
3	Liên thôn	Thôn 31 (Thành Sơn) - TK 266		Đường đất	4,0
4	Liên thôn	Tỉnh Lộ 9 (Sơn Bình) - TK 284		Đường đất	5,0

TT	Loại đường	Tên tuyến đường	Số hiệu tuyến (nếu có)	Cấp đường	Chiều dài (km)
5	Liên thôn	Tỉnh Lộ 9 (Sơn Bình) - TK 290		Đường đất	4,0
6	Liên thôn	Tỉnh Lộ 9 (Sơn Bình) - TK 273		Đường đất	2,0
7	Liên thôn	Tỉnh Lộ 9 (Cam Phước Tây) - TK 313		Đường đất	4,0
8	Liên thôn	Lập định - TK 302		Đường đất	3,5
9	Liên thôn	Các đường liên thôn thuộc huyện Cam Lâm còn nhiều ngã đi đường đất và đường mòn để vào lâm phận BQL		Đường đất	
Tổng					557,5

1.4. Hiện trạng hoạt động du lịch

1.4.1. Công tác tổ chức quản lý và nguồn nhân lực

Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa có cơ cấu bộ máy tổ chức; trình độ chuyên môn nghiệp vụ của viên chức và người lao động như sau:

Bảng 14. Cơ cấu tổ chức của đơn vị

TT	Vị trí việc làm	Số người
1	Giám đốc	1
2	Phó Giám đốc	1
3	Phòng, bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ	6
4	Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng	26
5	HĐLĐ theo NĐ 68/2000/NĐ-CP	4
Tổng		38

- Số công chức, viên chức và hợp đồng lao động trong biên chế của Ban Quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa hiện nay là 34 người và 04 hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP.

- Về tổ chức bộ máy về tổ chức bộ máy: Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa hiện nay Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán, hành chính, bộ phận nghiệp vụ và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng.

- Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý nhà nước: Lãnh đạo đơn vị đạt chuẩn theo yêu cầu; viên chức HĐLĐ làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ, cơ bản đạt chuẩn; lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng được qua đào tạo chuyên môn.

Cơ cấu bộ máy tổ chức của ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hoà có trình độ chuyên môn về quản lý bảo vệ rừng. Tuy nhiên cán bộ chuyên môn về du lịch chưa có trong thời gian tới BQL thành lập phòng chuyên về các hoạt động du lịch và cử cán bộ đi học bổ sung kiến thức về du lịch.

1.4.2. Hiện trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

Cơ sở hạ tầng

- Hệ thống giao thông: Hệ thống giao thông trong rừng phòng hộ Nam Khánh Hoà chỉ là đường dân sinh đến trung tâm xã, tuy nhiên ngay cả đường trong các xóm ở xã thì chất lượng đường vẫn còn xấu. Ban chưa được đầu tư hệ thống giao thông phục vụ cho hoạt động du lịch sinh thái.

- Hệ thống điện, nước: Khu vực trụ sở của Ban đã được đầu tư cơ sở hạ tầng về hệ thống điện, nước phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của đơn vị. Tuy nhiên các khu vực khác trong rừng phòng hộ Nam Khánh Hoà hệ thống điện nước còn khó khăn, có những trạm quản lý bảo vệ rừng đã được quy hoạch tuy nhiên chưa có nước do vậy vẫn chưa đầu tư xây dựng. Đơn vị cũng chưa được đầu tư xây dựng hệ thống điện, nước phục vụ cho hoạt động du lịch sinh thái.

- Hạ tầng thông tin liên lạc: Hiện địa bàn của ban được phủ sóng viễn thông phục vụ nhu cầu của người dân trong vùng và du khách. Tuy nhiên khi đi vào các khu vực rừng sâu hiện không được phủ sóng điện thoại; 100% các xã có bưu điện, bưu cục, việc phát hành thư từ, báo chí đã được chú trọng đến tận các thôn/bản vùng sâu, vùng xa, các xã đều có nhà văn hóa xã. Tuy nhiên để có thể phát triển các hoạt động du lịch, trong thời gian tới các đơn vị đầu tư cần chú trọng vào hệ thống thông tin liên lạc, đặc biệt là hệ thống viễn thông và internet tốc độ cao đáp ứng nhu cầu của du khách.

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

- Hiện tại Ban chưa có công trình đầu tư phục vụ hoạt động du lịch. Tuy nhiên trên địa bàn có một số cơ sở lưu trú dưới nhiều hình thức từ cao cấp đến các nhà nghỉ bình dân như nhà nghỉ, homestay, nhà hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống hoạt động phục vụ nhu cầu của khách du lịch.

1.4.3. Hiện trạng loại hình và sản phẩm du lịch

- Loại hình, sản phẩm du lịch: Tại khu vực Lâm phần ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hoà, chưa hình thành các loại hình cũng như các sản phẩm du lịch; nếu có chỉ là hình thức tự phát, manh mún và còn rất hạn chế. Bởi vậy, Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ Nam Khánh Hoà bước đầu mang tính định hướng để phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch.

Trong thời gian tới, sau khi Đề án được phê duyệt Ban Quản lý đẩy mạnh phát triển các sản phẩm du lịch nhằm tạo ra sự đa dạng trong trải nghiệm của khách du lịch đến với rừng phòng hộ Nam Khánh Hoà thông qua nghiên cứu, xây dựng và kêu gọi đầu tư, xúc tiến quảng bá phát triển hiệu quả các sản phẩm du lịch độc đáo và hấp dẫn. Dựa trên tiềm năng cảnh quan thiên nhiên cũng như tiềm năng văn hóa liên kết với các huyện các vùng xung quanh xây dựng các sản phẩm du lịch hoàn chỉnh mang tính đột phá. Khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư xây dựng cơ sở, kết cấu hạ tầng như giao thông, điện, nước, khách sạn, nhà nghỉ, công trình phục vụ du lịch nghỉ dưỡng, giải trí cho mọi đối tượng khách du lịch. Một số định hướng về loại hình và sản phẩm du lịch rừng phòng hộ Nam Khánh Hoà như sau:

- Du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, giáo dục môi trường diễn ra trên địa bàn bao gồm khám phá các thế mạnh của Khu rừng phòng hộ như các hoạt động tham quan, tìm hiểu các loài sinh cảnh rừng, các loài động vật, thực vật, chiêm ngưỡng cảnh quan thiên nhiên trong rừng và học cách bảo vệ chức năng rừng phòng hộ.

- Du lịch văn hoá, lịch sử là du khách được tiếp cận với di tích lịch sử căn cứ địa cách mạng Tô Hạp, di tích Suối Giá, di tích Xóm Cỏ, di tích khảo cổ Dốc Gạo tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống mỹ và giá trị khảo cổ từ thời xa xưa.

- Du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng chủ yếu là tập trung vào hình thức vui chơi giải trí, ngắm cảnh, chụp ảnh tại các điểm có vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên và hoạt động thể thao như leo núi, đi bộ xuyên rừng, hiện tại hoạt động này chưa phổ biến chỉ có một số ít người dân tự phát vào sâu trong rừng.

- Dịch vụ lưu trú cung cấp chỗ ở ngắn hạn và dài hạn cho học sinh, sinh viên, đoàn nghiên cứu, khách du lịch lưu trú phục vụ cho mục đích tham quan, học tập,...

- Dịch vụ vận chuyển là loại hình di chuyển từ khu này sang khu khác bằng phương tiện di chuyển. Giúp du khách thuận tiện di chuyển giữa các khu du lịch.

- Dịch vụ vui chơi, giải trí là các hoạt động nhằm giải tỏa căng thẳng với các hoạt động vui chơi dưới tán rừng như đạp xe, teambuilding, các trò chơi dân gian,... nhằm gắn kết gia đình, bạn bè với nhau.

- Dịch vụ tham quan chủ yếu là các khu vực có cảnh quan đẹp, khu vực trưng bày văn hóa hóa địa phương.

Cùng với các loại hình du lịch chính tạo ra các sản phẩm du lịch như: dịch vụ lưu trú, dịch vụ ẩm thực, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ vui chơi giải trí, dịch vụ tham quan và các dịch vụ khác nhằm đa dạng sản phẩm du lịch từ đó thu hút khách du lịch đến với rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa du lịch.

1.4.4. Hiện trạng các điểm, tuyến, và chương trình du lịch

Hiện nay rừng phòng hộ Nam Khánh Hoà chưa có các hoạt động du lịch sinh thái một cách bài bản. Tuy nhiên, kết quả điều tra khảo sát cho thấy hiện trong khu vực đang có các hoạt động du lịch mang tính tự phát và mang tính khám phá hệ sinh thái, khám phá các cảnh quan thiên nhiên đẹp trong rừng như các thác nước, các con suối, đỉnh núi cao, rừng cổ thụ...

1.4.5. Đầu tư du lịch

Mặc dù rừng phòng hộ Nam Khánh Hoà có tiềm năng rất lớn để phát triển các hoạt động du lịch sinh thái, tuy nhiên chưa được đầu tư xây dựng các công trình phục vụ hoạt động DLST. Việc xây dựng đề án phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí trong khu vực rừng phòng hộ Nam Khánh Hoà sẽ làm cơ sở để BQL thực hiện các hoạt động kêu gọi đầu tư, liên doanh liên kết để phát triển các hoạt động du lịch sinh thái trong thời gian tới trên diện tích của ban quản lý.

1.4.6. Các bên liên quan và hợp tác trong phát triển du lịch

Do chưa có hoạt động du lịch chính thức nên tại rừng phòng hộ Nam Khánh Hoà chưa có các bên liên quan và hợp tác trong phát triển du lịch tại rừng phòng hộ Nam Khánh Hoà.

1.4.7. Hiện trạng hoạt động xúc tiến, quảng bá

Ban chưa có đầu tư cơ sở hạ tầng, chưa có các đơn vị hợp tác liên kết, chưa cho thuê môi trường rừng hoạt động du lịch sinh thái do vậy các hoạt động xúc tiến quảng bá còn rất hạn chế, vì vậy trong thời gian tới song song với việc tìm kiếm các nhà đầu tư thì việc xây dựng trang web và các hoạt động xúc tiến quảng bá về du lịch của rừng phòng hộ Nam Khánh Hoà là hết sức cần thiết.

1.4.8. Hiện trạng sự tham gia của cộng đồng

Do chưa tổ chức chức du lịch sinh thái vì vậy chưa có sự tham gia của cộng đồng trong hoạt động du lịch tại BQL RPH Nam Khánh Hòa.

- Sau khi Đề án được phê duyệt, sự phối hợp tham gia thực hiện các mô hình DLST, có sự tham gia của cộng đồng địa phương cùng các Công ty du lịch, sẽ tăng cường sự hiểu biết về DLST vừa tạo ra hiệu quả kinh tế - xã hội vừa bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, và giải quyết được sinh kế, tăng thu nhập cho cư dân bản địa, qua đó góp phần làm giảm áp lực khai thác của cộng đồng, đối với bảo tồn ĐDSH ở rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa.

- Tuy nhiên, việc thu hút sự tham gia của cộng đồng dân cư bản địa vào hoạt động du lịch sinh thái chưa cao. Các người dân địa phương đã và đang góp phần tham gia vào công tác tuyên truyền và quảng bá du lịch trên địa bàn huyện Khánh Sơn nói chung và trong lâm phần quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa nói riêng, nhưng chủ yếu mang tính tự phát trên các mạng xã hội như facebook và zalo, YouTube.

- Vì vậy, trong giai đoạn tới cần làm tốt công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức và hiểu biết của cộng đồng địa phương, về vai trò và ý nghĩa của việc bảo vệ rừng, chính là bảo vệ cuộc sống của họ và sau nữa là đối với phát triển du lịch sinh thái và bảo tồn ĐDSH; góp phần tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng địa phương, thông qua tham gia các dịch vụ du lịch, do chính họ tổ chức thực hiện mô hình “Homestay” hoặc tham gia dưới hình thức là nhân viên dịch vụ, của các doanh nghiệp thuê môi trường rừng; góp phần phục hồi và phát triển các giá trị văn hóa và nghề truyền thống, đồng thời mang lại nguồn thu nhập cho cộng đồng địa phương.

1.4.9. Hiện trạng công tác bảo vệ môi trường du lịch

Do đơn vị chưa tổ chức thực hiện các hoạt động du lịch sinh thái, các hoạt động du lịch diễn ra trên địa bàn chủ yếu mang tính tự phát của người dân với quy mô nhỏ lẻ do đó công tác bảo vệ môi trường du lịch chưa được triển khai và thực hiện.

1.4.10. Hiện trạng hoạt động diễn giải thông qua du lịch

Do chưa có các hoạt động du lịch sinh thái trên diện tích của Ban quản lý do vậy các hoạt động liên quan đến diễn giải môi trường chưa được triển khai.

1.4.11. Kết quả hoạt động kinh doanh

Chưa có hoạt động DLST trong Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa do vậy chưa có kết quả hoạt động kinh doanh.

1.4.12. Đánh giá thuận lợi, khó khăn và giải pháp phát triển du lịch sinh thái

a, Thuận lợi:

- Tài nguyên thiên nhiên phong phú rừng nguyên sinh, hệ sinh thái đa dạng, cảnh quan núi non hùng vĩ (ví dụ: đỉnh Hòn Bà, thác Tà Gụ...). Khí hậu mát mẻ quanh năm, thích hợp cho nghỉ dưỡng sinh thái.

- Có bản sắc văn hóa đặc trưng cộng đồng dân tộc Raglai với văn hóa truyền thống phong phú: nhạc cụ, lễ hội, ẩm thực, nhà dài... Các hoạt động văn hóa dân gian là điểm nhấn hấp dẫn cho du khách tìm hiểu.

- Vị trí địa lý thuận lợi Cách TP. Nha Trang không quá xa (~60-70km), thuận tiện kết nối qua các tuyến đường hiện hữu. Có thể kết hợp với các tour du lịch biển – núi tạo chuỗi trải nghiệm đa dạng.

- Là cơ sở pháp lý để các đơn vị tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng tại Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa tổ chức du lịch sinh thái lập dự án đầu tư du lịch sinh thái kết hợp với bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.

- Các đơn vị thuê môi trường rừng có hoạt động khai thác hoạt động du lịch sinh thái, phát huy giá trị đa dụng hệ sinh thái rừng, tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc vùng đệm của rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa, người làm nghề rừng và người dân sống gần rừng.

- Thu hút khách du lịch trong nước và khách quốc tế đến thăm quan, học tập, nghiên cứu tại rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa.

- Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống của cộng đồng địa phương; góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng.

b, Khó khăn:

- Hạ tầng chưa phát triển giao thông còn hạn chế, một số tuyến đường chưa được nâng cấp, giao thông vào vùng lõi du lịch sinh thái còn khó khăn (đường nhỏ, chưa trải nhựa hoặc xuống cấp). gây khó khăn cho việc tiếp cận.

- Thiếu cơ sở lưu trú đạt chuẩn, thiếu các dịch vụ hỗ trợ du lịch như lưu trú, ăn uống, hướng dẫn viên bản địa, biển báo, trung tâm thông tin.

- Nhân lực và nhận thức cộng đồng: Người dân chưa có nhiều kinh nghiệm làm du lịch, nhận thức về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường còn hạn chế.

- Nhận thức cộng đồng địa phương một bộ phận người dân chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, lợi ích và cách làm du lịch sinh thái bền vững. Kỹ năng phục vụ du lịch còn thiếu, chưa chuyên nghiệp.

- Thiếu định hướng và đầu tư quy hoạch chưa có quy hoạch du lịch sinh thái rõ ràng, thiếu sự hỗ trợ từ chính sách địa phương. Ít có sự tham gia của doanh nghiệp lớn trong việc khai thác tiềm năng địa phương.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (điện, nước, thông tin liên lạc,...) chưa đáp ứng nhu cầu vận hành các hoạt động du lịch của các nhà đầu tư thuê môi trường rừng.

- Chưa có chiến lược phát triển du lịch cụ thể cho Khánh Sơn, dễ dẫn đến phát triển tự phát, thiếu đồng bộ, ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường và văn hóa địa phương.

c, Giải pháp:

- Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2025 – 2029 của Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa được phê duyệt sẽ giúp BQL RPH Nam Khánh Hòa đáp ứng được nhu cầu mở rộng quy mô và phát huy hết giá trị của hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học, đưa ra các giải pháp đầu nối điện, nước, giao thông, thông tin liên lạc, xử lý nước thải, thu gom rác thải, phòng cháy chữa cháy,...đảm bảo khai thác hiệu quả môi trường rừng, mang lại nguồn thu cho BQL RPH Nam Khánh Hòa.

- Đề án xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn tài nguyên và văn hóa bản địa. Xây dựng quy hoạch phát triển du lịch sinh thái bền vững gắn với bảo tồn thiên nhiên và văn hóa bản địa, có chính sách ưu đãi đầu tư vào hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp du lịch cộng đồng.

- Phát triển sản phẩm du lịch đặc thù xây dựng các tour khám phá rừng, trekking, trải nghiệm đời sống cộng đồng, tham gia lễ hội dân gian. Kết nối du lịch sinh thái với du lịch văn hóa, du lịch nông nghiệp.

- Đào tạo và nâng cao năng lực cộng đồng tổ chức tập huấn cho người dân địa phương về làm du lịch, kỹ năng giao tiếp, giữ gìn môi trường. Hỗ trợ xây dựng các mô hình homestay, dịch vụ ăn uống, hướng dẫn viên bản địa.

- Hạ tầng và dịch vụ: Nâng cấp giao thông liên xã, liên thôn và các tuyến kết nối điểm du lịch. Phát triển các điểm lưu trú sinh thái (homestay, farmstay) do người dân quản lý. Xây dựng trung tâm thông tin du lịch, nhà trưng bày văn hóa dân tộc Raglai.

- Đào tạo và truyền thông: Đào tạo người dân kỹ năng làm du lịch (hướng dẫn, nấu ăn, đón tiếp...). Truyền thông, quảng bá Khánh Sơn như một điểm đến sinh thái – văn hóa đặc sắc. Tăng cường hợp tác với các công ty lữ hành để xây dựng tour chuyên biệt (trải nghiệm văn hóa, khám phá thiên nhiên...).

- Đơn giản hoá các thủ tục hành chính để thu hút được các nhà đầu tư; hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình hoàn thành thủ tục đầu tư. Khuyến khích thực hiện xã hội hoá đầu tư; bảo vệ, tôn tạo di tích, thắng cảnh; bảo tồn và phục dựng các lễ hội, hoạt động văn hoá dân gian, các làng nghề phục vụ phát triển du lịch.

- Tổ chức các chương trình tham quan, hỏi các mô hình phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo vệ và phát triển rừng bền vững đã và đang được triển khai có hiệu quả trên cả nước. Từ đó có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết trong quá trình triển khai, tổ chức, xây dựng và quản lý hoạt động du lịch.

CHƯƠNG 2. NỘI DUNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ GIAI ĐOẠN 2025 – 2029 CỦA BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ NAM KHÁNH HOÀ

2.1. Căn cứ xây dựng đề án

2.1.1. Căn cứ pháp lý

*** Các Văn bản Luật:**

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14, ngày 19/06/2017;
- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, ngày 15/11/2017;
- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14, ngày 04/12/2020;
- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12, ngày 13/11/2008 và Luật Đa dạng sinh học hợp nhất số 32/VBHN-VPQH, ngày 10/12/2018;
- Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12, ngày 18/06/2009.
- Luật Thể dục, Thể thao số 09/VBHN-VPQH ngày 29/06/2018 của Văn phòng Quốc Hội.
- Luật số 26/2018/QH14 ngày 14/06/2018 của Quốc Hội về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thể dục, thể thao
- Luật số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015 của Quốc Hội. Luật Ngân sách nhà nước
- Luật số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc Hội. Luật đầu tư công.
- Luật số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 06 năm 2017 của Quốc Hội. Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
- Luật số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Quốc Hội. Luật Tài nguyên nước.
- Luật số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Quốc Hội. Luật Xây dựng.
- Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội. Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng.

*** Các Nghị quyết và Nghị định của Chính phủ:**

- Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ phát triển rừng.
- Nghị Quyết số 06-NQ/TW ngày 24/10/2022 về quy hoạch xây dựng quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới;
- Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18/05/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững.
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính Phủ. Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đầu tư công.
- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ. Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Ngân sách nhà nước.
- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/07/2024 của Chính Phủ. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm Nghiệp.
- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/09/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa;
- Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ;
- Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/1/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;
- Nghị định số 83/2020/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;
- Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo tồn, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

- Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TTBNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững.

*** Các quyết định của Thủ tướng, các Bộ và các Thông tư liên quan:**

- Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

- Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 29/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030”;

- Quyết định số 2714/QĐ-BVHTTDL ngày 03/08/2016 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 205/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị mới Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2045.

*** Các Nghị Quyết, Quyết định của UBND tỉnh Khánh Hoà và UBND huyện Cam Lâm, thành phố Cam Ranh, huyện Khánh Sơn:**

- Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 17/5/2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa quyết định về việc giao rừng cho Ban quản lý rừng phòng hộ Khánh Sơn;

- Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 10/05/2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v Phê duyệt Quy hoạch bảo vệ phát triển rừng giai đoạn 2011-2020;

- Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 01/4/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa. Về việc thu hồi đất BQL rừng phòng hộ Khánh Sơn giao cho Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà;

- Quyết định số 3496/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc tổ chức lại Ban Quản lý rừng phòng hộ Cam Lâm và Ban Quản lý rừng phòng hộ Khánh Sơn thành Ban Quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa;

- Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020 – 2029 của Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hoà;

- Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 của UBND tỉnh Khánh Hoà Về việc phê duyệt kết quả rà soát chuyển loại rừng tỉnh Khánh Hoà.

- Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Khánh Hoà năm 2024;

- Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 24/02/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hoà đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Báo cáo số 286/BC-UBND ngày 30/08/2024 của UBND tỉnh Khánh Hoà về giải quyết kiến nghị của cử tri trước kỳ họp thứ 14, HĐND tỉnh khóa VII;

- Báo cáo số 553/HĐND-DGS ngày 23/10/2024 của Đoàn giám sát theo nghị quyết số 07/NQ-HĐND v/v báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri;

- Văn bản số 479/HĐND-VP ngày 17/09/2024 của Thường trực HĐND về việc thông báo nội dung trả lời kiến nghị cử tri gửi đến kỳ họp thứ 14, HĐND tỉnh khóa VII;

- Văn bản số 4288/SNN-NVTH ngày 08/08/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT V/v xây dựng đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;

- Văn bản số 5654/SNN-NVTH ngày 14/10/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT V/v báo cáo tiến độ triển khai xây dựng đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

2.1.2. Cơ sở khoa học thực tiễn

a) Chiến lược phát triển du lịch của Việt Nam, của địa phương và rừng phòng hộ

Chiến lược phát triển du lịch tại Việt Nam:

- Trong Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 đã nêu rõ phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển các ngành và lĩnh vực khác, góp phần quan trọng hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại. Phát triển du lịch bền vững và bao trùm, trên nền tảng tăng trưởng xanh, tối đa hóa sự đóng góp của du lịch cho các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 tại

Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ đã đặt mục tiêu cụ thể như sau:

- Đến năm 2025: Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn, phấn đầu thuộc nhóm ba quốc gia dẫn đầu về phát triển du lịch trong khu vực Đông Nam Á và 50 quốc gia có năng lực cạnh tranh du lịch hàng đầu thế giới, trong đó tất cả 14 tiêu chí năng lực cạnh tranh du lịch đều tăng, phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững. Tổng thu từ khách du lịch đạt 1.700 -1.800 nghìn tỷ đồng (tương đương 77-80 tỷ USD), tăng trưởng bình quân 13-14%/năm, đóng góp trực tiếp vào GDP đạt 12-14%. Tạo ra khoảng 5,5 – 6 triệu việc làm, trong đó có khoảng 2 triệu việc làm trực tiếp, tăng trưởng bình quân 12-14%/năm. Về khách du lịch: Phấn đầu đón được ít nhất 35 triệu lượt khách quốc tế và 120 triệu lượt khách du lịch nội địa, duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân về khách quốc tế từ 12-14%/năm và khách nội địa từ 6-7%/năm.

- Đến năm 2030: Du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn và phát triển bền vững. Việt Nam trở thành điểm đến đặc biệt hấp dẫn, thuộc nhóm 30 quốc gia có năng lực cạnh tranh du lịch hàng đầu thế giới, đáp ứng đầy đủ yêu cầu và mục tiêu phát triển bền vững. Tổng thu từ khách du lịch đạt 3.100 – 3.200 nghìn tỷ đồng (tương đương 130 -135 tỷ USD), tăng trưởng bình quân 11-12%/năm, đóng góp trực tiếp vào GDP 15-17%. Tạo ra khoảng 8,5 triệu việc làm trong đó có khoảng 3 triệu việc làm trực tiếp, tăng trưởng bình quân 8-9%/năm. Về khách du lịch: Phấn đầu đón được ít nhất 50 triệu khách quốc tế và 160 triệu lượt khách nội địa, duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân về khách quốc tế từ 8-10%/năm và khách nội địa từ 5-6%/năm.

- Theo số liệu Tổng cục Thống kê công bố ngày 29/6, trong 6 tháng đầu năm 2024, Việt Nam đón hơn 8,8 triệu lượt khách quốc tế, tăng gần 60% so cùng kỳ năm 2023. Riêng tháng 6/2024, lượng khách quốc tế đến nước ta đã đạt gần 1,25 triệu lượt người, tăng 28,1% so cùng kỳ năm trước. Trong 8,8 triệu lượt khách quốc tế đến Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024, khách đến bằng đường hàng không đạt 7,4 triệu lượt người, chiếm 83,8% tổng lượng khách quốc tế đến Việt Nam và tăng 51,6% so cùng kỳ năm 2023. Khách đến bằng đường bộ đạt gần 1,3 triệu lượt người, chiếm 14,3% tổng lượng khách và tăng 99% so cùng kỳ năm ngoái. Khách đến bằng đường biển chỉ đạt 164,9 nghìn lượt người, chiếm 1,9% tổng lượng khách và tăng 199,5% so cùng kỳ năm trước. Trong 6 tháng qua, Hàn Quốc vẫn là thị trường gửi khách lớn nhất Việt Nam với 2,28 triệu lượt khách. Sau đó là Trung Quốc với gần 1,89 triệu lượt. Xếp thứ ba là thị trường Đài Loan (Trung Quốc) với hơn 630 nghìn lượt khách. Nhật Bản, Hoa Kỳ, Australia, Ấn Độ và

Malaysia cũng là những thị trường có lượng lớn du khách đến Việt Nam trong nửa đầu năm nay. Dự báo những tháng cuối năm, các ngành thương mại dịch vụ tiếp tục có sự phục hồi mạnh mẽ do Việt Nam đã chủ động và linh hoạt mở cửa trở lại đối với các hoạt động kinh tế, hoạt động dịch vụ tăng trưởng mạnh mẽ và khách quốc tế đến Việt Nam không ngừng gia tăng.

- Việt Nam được đánh giá là đất nước giàu tiềm năng cho phát triển du lịch sinh thái. Nhiều vườn quốc gia, khu bảo tồn đã được khai thác phục vụ phát triển du lịch và thu hút được rất nhiều khách tham quan du lịch như VQG Tam Đảo, VQG Cúc Phương, VQG Phong Nha – Kẻ Bàng, VQG Cát Tiên, VQG Phú Quốc. Du lịch sinh thái đóng góp vai trò trong phát triển kinh tế xã hội, tác động tích cực trong công tác bảo vệ môi trường, mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương, đóng góp nỗ lực cho bảo tồn tài nguyên du lịch của đất nước. Chính vì vậy, Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 2001-2010 cũng như Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam cho thời kỳ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 luôn xác định du lịch sinh thái là một trong những dòng sản phẩm du lịch chính, có sức cạnh tranh cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới của du lịch Việt Nam.

Sự phát triển của thị trường du lịch nội địa với các chương trình du lịch ngắn ngày, hạn chế tiếp xúc tại các điểm đến an toàn sẽ là những xu hướng phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới. Bên cạnh đó, các xu hướng du lịch thông minh; du lịch sáng tạo; du lịch tại chỗ; du lịch chăm sóc sức khỏe; du lịch xanh; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và du lịch bền vững sẽ lên ngôi trong bối cảnh tình hình mới. Như vậy, việc thực hiện “Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2025 – 2029 của ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa” là phù hợp với xu hướng phát triển du lịch của Việt Nam hiện nay.

Xu hướng chiến lược phát triển du lịch của tỉnh Khánh Hòa

- Nhằm tổ chức triển khai đồng bộ, có hiệu quả Theo Kế hoạch số 12148/KH-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc triển khai thực hiện chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đã đưa ra lộ trình phát triển rõ ràng cụ thể như sau:

Mục tiêu chung: Cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, giải pháp của Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ; xác định các nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình thực hiện, những nhiệm vụ ưu tiên trong giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển Khánh Hòa là một trong những trung tâm du lịch, dịch vụ lớn của cả nước, trong đó thành phố Nha Trang trở thành trung tâm du lịch có sức cạnh tranh trong khu vực và thế giới; vịnh Cam

Ranh và vịnh Vân Phong (nhất là khu vực Bắc Vân Phong) trở thành trung tâm kinh tế biển, trong đó du lịch được đầu tư hiện đại, chất lượng cao.

- Phát triển du lịch Khánh Hòa cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, mang tính chuyên nghiệp, hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, sản phẩm du lịch chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, có sức cạnh tranh, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, thân thiện với môi trường, đưa Khánh Hòa thực sự trở thành Trung tâm du lịch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, là điểm đến du lịch đẳng cấp, hấp dẫn có tính cạnh tranh cao không chỉ trong nước mà còn trong khu vực và quốc tế.

- Tập trung chuyển đổi số hóa trong lĩnh vực du lịch, phát triển hệ thống thông tin, hướng dẫn viên du lịch ảo. Phát triển sản phẩm du lịch đặc thù đặc sắc phù hợp tiềm năng du lịch Khánh Hòa.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, phát triển theo hướng chất lượng cao và bền vững. Du lịch trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh Khánh Hòa. Thành phố Nha Trang - Khánh Hòa là điểm đến an toàn, thân thiện và hấp dẫn đối với du khách trong nước và quốc tế.

- Chỉ tiêu du lịch:

+ Tổng thu từ khách du lịch đạt 200 nghìn tỷ đồng (khoảng 8,8 tỷ USD); (đóng góp vào tỷ trọng GRDP của ngành dịch vụ tỉnh đạt 52,6 %).

+ Về khách du lịch: thu hút được 11 triệu lượt khách lưu trú, trong đó có 05 triệu lượt khách quốc tế.

+ Có 70.000 phòng kinh doanh lưu trú du lịch, trong đó có khoảng 70% phòng có quy mô đạt chuẩn chất lượng từ 3-5 sao.

+ Tạo việc làm cho trên 160.000 lao động trong ngành du lịch.

Mục tiêu phấn đấu đến năm 2030

- Du lịch Khánh Hòa thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển bền vững. Du lịch Khánh Hòa trở thành Trung tâm du lịch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, là điểm đến du lịch đẳng cấp, hấp dẫn có tính cạnh tranh cao trong nước, khu vực và quốc tế.

- Chỉ tiêu về du lịch:

+ Tổng thu từ khách du lịch đạt 350 nghìn tỷ đồng; đóng góp vào tỷ trọng GRDP của ngành dịch vụ tỉnh đạt 55%.

+ Về khách du lịch: thu hút được 15,5 triệu lượt khách lưu trú, trong đó có 8,0 triệu lượt khách quốc tế; duy trì tốc độ tăng trưởng khách du lịch bình quân 05-10%/năm.

+ Có 90.000 phòng kinh doanh lưu trú du lịch, trong đó có khoảng 75% phòng có quy mô đạt chuẩn chất lượng từ 3-5 sao.

+ Tạo việc làm cho trên 250.000 lao động trong ngành du lịch.

Nhu cầu thực tiễn về du lịch sinh thái và tiềm năng du lịch của rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa

- RPH Nam Khánh Hòa có vị trí địa lý thuận lợi, nơi đây có hệ sinh thái rừng phong phú và đa dạng, với nhiều loài động, thực vật rừng quý, hiếm cần được bảo vệ, bảo tồn và phát triển nguồn gen. Nơi đây còn hội tụ nhiều cảnh quan kỳ vĩ, những di sản văn hóa lâu đời của người Raglai, Chăm Hroi. Đặc biệt hơn là giá trị về văn hóa, lịch sử cùng sự tồn tại của căn cứ cách mạng Tô Hạp, di tích khảo cổ địa điểm Dốc Gạo. Sự phong phú đa dạng về tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn chính là tài nguyên du lịch vô cùng quý báu và hấp dẫn bất cứ một du khách hay nhà đầu tư nào khi đến đây. Đây là những lợi thế nhất định đối với RPH Nam Khánh Hòa, cũng như các cộng đồng dân tộc sống trong vùng đệm trong việc thúc đẩy và tổ chức các hoạt động du lịch trải nghiệm thiên nhiên, văn hóa.

- *Nhu cầu phát triển du lịch sinh thái:* Nhu cầu du lịch được hình thành và phát triển trên nền tảng của nhu cầu sinh lý và các nhu cầu tinh thần. Nó được biểu hiện ở ý muốn tạm rời xa khỏi sự ồn ào, sự ô nhiễm ngày càng tăng tại các thành phố để đến với thiên nhiên, để nghỉ ngơi, tăng cường hiểu biết và phục hồi sức khoẻ. Nhu cầu du lịch được khởi dựng và chịu ảnh hưởng đặc biệt của nền văn hoá công nghiệp. Khi trình độ sản xuất nâng cao, các mối quan hệ của xã hội ngày càng hoàn chỉnh thì nhu cầu du lịch của con người ngày càng trở lên cấp thiết. Nhu cầu du lịch ngày càng tăng lên cùng với sự gia tăng phúc lợi vật chất và trình độ văn hoá của người dân, đồng thời có liên quan đến sự gia tăng thời gian nhàn rỗi, sự phát triển dân số và tập trung dân cư, sự phát triển giao thông và an toàn xã hội. Khách du lịch nội địa đến Khánh Hoà từ khắp mọi miền đất nước, khách đi theo chuyến du lịch trên tuyến Bắc - Nam, khách đi theo tuyến du lịch kết nối với các tỉnh Nam Trung Bộ,... Thành phần khách du lịch nội địa rất đa dạng, thuộc nhiều lứa tuổi, nhiều thành phần nghề nghiệp khác nhau, có thể đi lẻ, theo nhóm bạn bè, gia đình, hoặc đi theo đoàn..., với nhiều mục đích khác nhau như tham quan nghiên cứu di sản, sinh thái, nghỉ dưỡng, lịch sử văn hóa, vui chơi cuối tuần, mua sắm... Những thị trường du lịch chính của tỉnh như sau:

+ *Khách du lịch tham quan, nghiên cứu, DLST, nghỉ dưỡng*: Tài nguyên DLST tại RPH Nam Khánh Hoà rất đa dạng và phong phú với 136 loài thuộc 34 họ và có 42, thuộc các lớp thú, chim, bò sát, ếch nhái và cá, với nhiều loài động vật quý hiếm. Ngoài ra RPH Nam Khánh Hoà nhiều suối nước, thác nước đẹp và những ngọn núi cao. Do đó, RPH Nam Khánh Hoà phù hợp cho loại hình du lịch tham quan, nghiên cứu, DLST, nghỉ dưỡng, du lịch trải nghiệm gắn với với hệ sinh thái rừng: ngắm cảnh sông, suối, hệ sinh thái rừng, chinh phục các đỉnh núi cao, quan sát các loại động vật, thực vật...

+ *Khách du lịch tìm hiểu lịch sử cách mạng, di tích khảo cổ, du lịch cộng đồng*: Trong những năm gần đây du lịch tìm hiểu lịch sử cách mạng ở Khánh Hoà nói chung và khu vực RPH Nam Khánh Hoà nói riêng. Đối tượng chính của loại hình du lịch này là những người lớn tuổi, các cựu chiến binh đến từ khắp nơi trên cả nước. Các địa bàn chủ yếu thu hút khách du lịch loại này tập trung tại các điểm di tích như căn cứ địa cách mạng Tô Hạp, di tích khảo cổ địa điểm Dốc Gạo.... Ngoài tham quan, tìm hiểu các khu di tích lịch sử, du khách có thể tham quan và tìm hiểu văn hóa các tộc người Raglai, người Chăm Hroi,... Chính vì thế, trong những năm tới, du lịch tìm hiểu lịch sử cách mạng, văn hóa cộng đồng sẽ tiếp tục phát triển, thu hút khách du lịch nội địa từ khắp mọi miền đất nước.

- *Khách du lịch cuối tuần kết hợp vui chơi*: Hiện nay loại hình du lịch này đang phát triển rất nhanh, nhất là ở các thành phố lớn - nơi mà áp lực của cuộc sống, áp lực của công việc rất lớn, ảnh hưởng đến cường độ và chất lượng lao động của người dân. Do vậy, vào những ngày nghỉ cuối tuần, các tầng lớp lao động thường tập trung vào những điểm du lịch tham quan, nghỉ dưỡng, nghỉ cuối tuần... để thư giãn, tìm cảm giác thoải mái sau mỗi tuần lao động và tái tạo sức lao động.

- *Khách du lịch thương mại, du lịch hội nghị, hội thảo*: Đối tượng chính của loại hình du lịch này là cán bộ công nhân viên trong các cơ quan Nhà nước, các doanh nghiệp... thường kết hợp giữa công tác và du lịch, thăm quan nghỉ dưỡng với hội thảo. Khả năng chi tiêu của các đối tượng du lịch này khá cao, nên họ thường sử dụng các dịch vụ du lịch cao cấp hơn. Loại hình du lịch này thường diễn ra quanh năm, ít chịu ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên.

Kinh nghiệm phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong nước và quốc tế

Kinh nghiệm trong nước: Một số vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên: Ba Bể, Cát Tiên, Bạch Mã, Cúc Phương, Phong Nha-Kẻ Bàng, Hoàng Liên, Tam Đảo... đã tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái, bước đầu mang lại hiệu quả kinh

tế thiết thực, góp phần quản lý rừng có hiệu quả hơn, giảm chi phí bảo vệ và giữ gìn cảnh quan môi trường. Du lịch sinh thái cũng đã thu hút được một lượng không nhỏ du khách nước ngoài đến Việt Nam, tạo thêm việc làm và thu nhập cho người dân địa phương. Ví dụ:

- Vườn quốc gia Tam Đảo, đơn vị đã thực hiện Đề án du lịch sinh thái nghỉ dưỡng giải trí đạt hiệu quả khá cao, bình quân hàng năm đón tiếp khoảng 1.500.000 lượt khách tham quan/năm (3000 lượt khách quốc tế, 1.497.000 lượt khách nội địa). Phần lớn doanh thu từ hoạt động nhà nghỉ tại các khu nghỉ dưỡng 3 sao, 5 sao. Nguồn thu từ các dịch vụ này đã hỗ trợ có hiệu quả cho chức năng, nhiệm vụ của vườn, thực hiện có hiệu quả công tác bảo tồn phát triển bền vững các hệ sinh thái rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Vườn quốc gia Ba Vì là một trong những địa điểm đã thực hiện đề án du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí có hiệu quả, bình quân hàng năm đón tiếp khoảng 80.000 lượt khách tham quan/năm. Phần lớn doanh thu là từ hoạt động bán vé. Trong rừng quốc gia Ba Vì có khu nghỉ dưỡng Melia Ba Vì là niềm tự hào của người dân Ba Vì - Hà Nội. Khu nghỉ dưỡng 5* dưới tán rừng do một công ty Việt Nam làm chủ đầu tư và thuê tập đoàn Melia quản lý, vận hành theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Nhiều khu nghỉ dưỡng khác dưới tán rừng như Amanoi Vĩnh Hy – Ninh Thuận. Six Senses Ninh Vân - Khánh Hòa là những khu nghỉ dưỡng 5 sao dưới tán rừng. Những khu nghỉ này giúp thu hút khách quốc tế thích trải nghiệm tầm nhìn cao thoáng, nghỉ dưỡng tại những căn nhà dưới tán rừng trong triết lý “tắm rừng” mới.

Kinh nghiệm quốc tế: Trên thế giới có rất nhiều mô hình DLST có thể áp dụng được tại VQG Phong Quang như các mô hình trong quản lý khách du lịch, tổ chức các điểm cắm trại dã ngoại, vui chơi giải trí, các đường mòn xuyên rừng, diễn giải môi trường. Trong khu vực Đông Nam Á, cần nghiên cứu kinh nghiệm của Thái Lan, Malaysia trong bảo vệ cảnh quan, xây dựng các sản phẩm ngắm cảnh, thăm động vật hoang dã đầy hấp dẫn, dựa trên nguyên tắc ít tác động vào cảnh quan thiên nhiên và động vật hoang dã.

2.2. Định hướng phát triển

a) Xác định rõ vị trí, vai trò và lợi thế của phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong vùng, địa phương và đơn vị

“Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa, giai đoạn 2025-2029” được xây dựng làm tài liệu hướng dẫn và quản lý phát triển du lịch bền vững trong các khu du lịch sinh thái thuộc RPh Nam

Khánh Hòa. Định hướng của phát triển du lịch bền vững hình thành dựa trên quan điểm quy hoạch tập trung vào phát triển tổng thể theo chủ định ở khu vực rừng phòng hộ và phản ánh lợi ích của tất cả các bên có liên quan và chịu ảnh hưởng.

Từ khắp các tỉnh quanh Khánh Hòa có thể đi tới RPH Nam Khánh Hòa dễ dàng bằng đường bộ qua quốc lộ 1 và đường sắt Bắc - Nam là các tuyến đường huyết mạch quốc gia đi dọc chiều dài của tỉnh (và kết nối với hai tỉnh giáp ranh là Phú Yên và Ninh Thuận). Có Quốc lộ 26 nối Thị xã Ninh Hòa của tỉnh Khánh Hòa với TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk - đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên; Quốc lộ 27C kết nối TP. Nha Trang với TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng - một trung tâm du lịch của quốc gia; Quốc lộ 27B kết nối TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa với huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

b) Định hướng tổ chức không gian và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- Định hướng không gian: trên cơ sở đánh giá hiện trạng, tiềm năng và các điều kiện phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại 10 khu du lịch được quy hoạch theo Phương án QLRBV giai đoạn 2020 – 2029 của BQL RPH Nam Khánh Hòa được phê duyệt tại Quyết định số 3580/QĐ-UBND của UBND tỉnh Khánh Hòa. Và định hướng phát triển 4 tuyến du lịch nhằm kết nối các địa điểm du lịch trong khu vực.

- Định hướng chức năng: bảo vệ, duy trì các giá trị hiện hữu, từng bước cải thiện, nâng cao các giá trị môi trường. Bảo tồn và phát triển ĐDSH các loài động, thực vật rừng quý hiếm. Khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch sinh thái, dịch vụ môi trường rừng.

- Định hướng hoạt động:

+ Phát triển các di sản văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy: lễ hội, nghề thủ công, dân ca - dân vũ - dân nhạc, tiếng nói, chữ viết, ẩm thực, nếp nhà, trang phục, đạo cụ, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh;

+ Phát triển các loại hình du lịch cộng đồng, văn hóa tâm linh, thể thao mạo hiểm, sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí...;

+ Phát huy vai trò kết nối với các khu du lịch của huyện Khánh Sơn, huyện Cam Lâm, thành phố Cam Ranh;

+ Phát triển du lịch sinh thái kết hợp bảo vệ rừng phòng hộ, duy trì bảo tồn hệ sinh thái rừng;

+ Xây dựng chiến lược truyền thông, thông tin, quảng bá hình ảnh các sản phẩm du lịch của văn hoá địa phương.

+ Kết nối các điểm du lịch huyện Khánh Sơn như Khu du lịch Đồi thông – xã Sơn Hiệp, khu Di tích Hang Tinh ủy – xã Sơn Bình, Trekking Tà Giang – xã Thành Sơn, khu du lịch Đồi thông – xã Ba Cùm Nam, Khu du lịch sinh thái sân Golf & Resort Đông Nam Khánh Sơn – xã Ba Cùm Nam tạo thành các điểm du lịch liên kết trong vùng tạo ra nhiều sản phẩm du lịch đa dạng để thu hút khách du lịch đến huyện Khánh Sơn nói chung và RPH Nam Khánh Hòa nói riêng.

- Định hướng sản phẩm:

Trên cơ sở xây dựng các điểm, các loại hình du lịch trong rừng phòng hộ Nam Khánh Hoà, các điểm du lịch phát triển các nhóm sản phẩm sau:

- Các loại sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Du lịch sinh thái gắn liền với tài nguyên rừng; Du lịch nghỉ dưỡng; Du lịch văn hóa gắn liền với Di tích lịch sử cách mạng và văn hóa cộng đồng dân tộc thiểu số; Du lịch sinh thái kết hợp hội nghị, hội thảo (MICE) và nghiên cứu, đào tạo; Du lịch cộng đồng; Du lịch chuyên đề; Dịch vụ du lịch khác.

- Các loại dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí; sản phẩm lưu niệm; dịch vụ dã ngoại; dịch vụ vận chuyển, dịch vụ tham quan,...

- Định hướng các công trình đầu tư xây dựng phục vụ du lịch:

+ Xây dựng các công trình trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng (bao gồm khoảnh đất trống theo bản đồ hiện trạng rừng, các ô đất trống theo thực tế khi tiến hành đo đạc tổ chức thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại mỗi điểm, tuyến du lịch).

+ Xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ dưới tán rừng, nổi trên mặt nước, đảm bảo không tác động tiêu cực đến sinh trưởng, phát triển và phục hồi tự nhiên của cây rừng, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.

+ Quy mô tổng diện tích các công trình không vượt quá 5% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.

+ Tuổi thọ công trình 30 năm và chiều cao công trình tối đa 12m tính từ cốt ±0.00m. Vật liệu xây dựng: Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng.

+ Xây dựng các tuyến đường bê tông, đường tác nghiệp vào khu rừng, đường nội bộ, đường tuần tra bảo vệ và đường mòn để gia tăng trải nghiệm cho du khách cũng như phục vụ công tác tuần tra bảo vệ rừng và công tác phòng cháy chữa cháy. Các tuyến đường bộ phù hợp nhưng tối đa không vượt quá quy mô

đường cấp IV miền núi, phù hợp với thực tế, tận dụng tối đa việc cải tạo và nâng cấp những tuyến đường hiện có (đường mòn, đường tuần tra bảo vệ rừng, đường lâm sinh...) để kết hợp hài hoà với các công trình phục vụ du lịch sinh thái (trạm quan sát cảnh quan, lều trú chân, biển chỉ dẫn, xây dựng các trụ đỡ của đường cáp trên không, đường cáp ngầm dưới mặt đất, cầu dành cho người đi bộ...).

+ Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp điện, nước đi kèm, xử lý nước thải, mạng viễn thông,...).

c) Định hướng phát triển loại hình du lịch, sản phẩm du lịch, thị trường du lịch và phát triển hoạt động du lịch

* Định hướng phát triển loại hình và sản phẩm du lịch

Trên cơ sở tiềm năng về tài nguyên rừng, tài nguyên cảnh quan thiên nhiên, lịch sử văn hóa của khu rừng phòng hộ Nam Khánh Hoà và vùng phụ cận, định hướng các loại hình và sản phẩm du lịch sinh thái chính sau đây:

(i) Du lịch sinh thái gắn liền với tài nguyên rừng

Loại hình này thích hợp cho mọi đối tượng yêu thích thiên nhiên, yêu phong cảnh núi rừng. Đây là loại hình du lịch chủ yếu và quan trọng nhất và là sản phẩm đặc thù tại RPH Nam Khánh Hoà. Các sản phẩm cụ thể gắn với loại hình du lịch này là:

+ Tham quan, nghiên cứu các hệ sinh thái tự nhiên, các kiểu rừng và loài động thực vật quý hiếm. Các chuyến đi theo loại hình du lịch này sẽ dẫn du khách vào các khu rừng, ven suối, thác Tà Gụ, thác Tà Rục, suối Suối Thượng, suối Tà Rục, Suối Hành, suối Tà Gụ, suối Tà Rục, suối Ko Róa, thác Sa Gai... Du khách sẽ khám phá rừng tự nhiên và nghỉ đêm trong rừng, quan sát các loài đặc hữu và một số loài thực vật, côn trùng, các loài bướm, dơi... trong thiên nhiên hoang dã.

+ Xem chim, thú rừng: chương trình giành riêng cho các đối tượng muốn nghiên cứu khoa học, khám phá, đam mê về chim, thú. Các địa điểm sẽ được thiết kế, xây dựng phù hợp với từng khu vực, kèm theo các vật dụng, trang thiết bị thiết yếu hỗ trợ. Tất cả các hoạt động trên đều thông qua Trung tâm là đầu mối, đơn vị tổ chức tại ban quản lý rừng phòng hộ và có thể liên kết với các nhà khoa học tổ chức các chương trình, cuộc thi trong năm nhằm tạo ra sự kích thích và quảng bá rộng rãi đến du khách có nhu cầu.

+ Tham quan và xây dựng các vườn gen về các cây quý hiếm hoặc các loại thuốc quý: chương trình dành cho tất cả đối tượng khách du lịch muốn tìm hiểu về loài cây thuốc, giá trị và công dụng của thuốc nam đối với đời sống con người.

+ Tham quan và xây dựng sản phẩm khu nuôi thú bán hoang dã (Safari) vừa phục vụ cho công tác bảo tồn, vừa là điểm tham quan của khách.

+ Nghiên cứu sưu tầm các loại đặc sản về rau rừng, quả rừng, mật ong rừng... vừa giới thiệu cho khách về đa dạng tài nguyên, vừa là ẩm thực phục vụ khách, vừa là hàng hóa phục vụ mua sắm của khách.

+ Tham quan, diễn giải thiên nhiên, giáo dục môi trường.

(ii) Du lịch nghỉ dưỡng

Các sản phẩm du lịch này gắn liền hệ thống suối nước, thác nước và các đỉnh núi cao có cảnh quan thiên đẹp. Đây là tiềm năng, điều kiện để xây dựng các sản phẩm mang tính thương hiệu như: nghỉ dưỡng tại các khu nghỉ dưỡng ven thác nước, suối nước, trên núi; tham quan, nghiên cứu về hệ sinh thái và đa dạng sinh học. Ngoài ra, còn có thể kết hợp với các hoạt động thể thao và vui chơi giải trí dưới nước như: các trò chơi tập thể, các trò chơi dân gian bản địa,...

Sản phẩm nghỉ dưỡng tại các nhà lều, bungalow và các cơ sở lưu trú cao cấp trong rừng, ven các suối nước, thác nước và trên núi là các sản phẩm du lịch nhằm phục hồi sức khỏe và nâng cao chất lượng cuộc sống. Du khách có thể nghỉ dưỡng từ 5-7 ngày để thưởng thức khí hậu trong lành với cảnh quan thơ mộng, rời xa những thành phố chật chội và náo nhiệt để về với thiên nhiên và cảnh bình minh ven suối nước.

(iii) Du lịch văn hóa gắn liền với Di tích lịch sử cách mạng và văn hóa cộng đồng dân tộc thiểu số

Đây là loại hình du lịch đặc trưng của khu vực rừng phòng hộ với các Di tích văn hóa lịch sử nằm sâu trong rừng, được bao bọc bởi hệ sinh thái tự nhiên vừa tạo điểm nhấn cho du khách vừa mang tính chất giáo dục truyền thống cách mạng, lịch sử hào hùng của cha ông. Các sản phẩm cụ thể như:

- Tham quan, nghiên cứu, tìm hiểu về Di tích lịch sử cách mạng dành cho các đối tượng nghiên cứu, nhà sử học, các cơ quan nghiên cứu lịch sử.

- Tham quan du lịch, dã ngoại kết hợp học tập trau dồi đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên.

- Các hoạt động giúp du khách hoài niệm và trở lại chiến trường xưa, tổ chức cho các cá nhân, tổ chức, gia đình, thân nhân đã có thời gian hoạt động cách mạng tại căn cứ cách mạng Tô Hạp, các căn cứ và cơ sở cách mạng khác trong vùng.

- Các hoạt động giúp du khách trở về với ký ức chiến tranh dành cho các cá nhân, tổ chức đã từng ở, từng tham gia trong thời kỳ chiến tranh hoặc những người lính của bên kia chiến tuyến.

- Các hoạt động tìm hiểu văn hóa của cộng đồng người đồng bào dân tộc Raglai, Chăm Hroi, các sản phẩm du lịch chính: văn hóa Công Chiêng, đan lát, trình diễn nghệ thuật, ẩm thực, lưu trú cộng đồng, homestay, ...

(iv) Du lịch sinh thái kết hợp hội nghị, hội thảo (MICE) và nghiên cứu, đào tạo

- Loại hình du lịch hội nghị, hội thảo, tổ chức sự kiện là loại hình kết hợp giữa khách tham gia hội nghị, hội thảo có nhu cầu đi du lịch. Đây là loại hình đã và đang thu hút được nhiều khách du lịch có mức chi tiêu cao, có trình độ chuyên môn, số lượng người tham gia nhiều trong cùng thời điểm nên tiết kiệm được kinh phí và mang lại hiệu quả trong kinh doanh. Tuy nhiên, hội nghị hội thảo yêu cầu chất lượng và quy trình sản phẩm đúng theo yêu cầu, huy động nhiều người tham gia nên gây áp lực công việc đối với nhân viên. Định hướng sản phẩm gắn với loại hình du lịch hội nghị, hội thảo là: dịch vụ lưu trú, nhà hàng ăn uống đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu của tổ chức hội nghị, hội thảo;

- Các chương trình tham quan du lịch trong rừng phòng hộ phù hợp với từng đối tượng khách tham gia hội nghị, hội thảo.

(v) Du lịch cộng đồng

- Tổ chức các hoạt động sinh hoạt cộng đồng theo các mô hình homestay kết hợp tham quan kiến trúc nhà của đồng bào dân tộc Raglai, Chăm Hroi, các khu vườn trái cây, làng nghề truyền thống.

(vi) Du lịch chuyên đề

- Loại hình du lịch này được tổ chức theo các chủ đề về giáo dục môi trường. Đối tượng hướng đến chủ yếu là học sinh. Tổ chức tham gia các hoạt động tìm hiểu về đa dạng sinh học như cách thu hái, ươm gieo các loại cây rừng bản địa, kỹ năng đi rừng, tìm và nhận biết một số loại cây quý hiếm, có giá trị kinh tế, tìm hiểu sự phát tán và đếm tuổi một số loài cây.

(vii) Dịch vụ du lịch khác

- Tổ chức các dịch vụ ăn uống ẩm thực phục vụ du khách. Với lợi thế về tài nguyên tự nhiên, trong đó một số hệ sinh thái có thể khai thác và chế biến để trở thành các món ăn, đồ uống phục vụ khách du lịch như các loại rau rừng, thảo mộc, các loài cá nước ngọt,...

- Cửa hàng lưu niệm và hàng lưu niệm là dịch vụ mua sắm trong kinh doanh du lịch, thông qua dịch vụ này các khu, điểm du lịch cung cấp các sản phẩm du lịch có trên địa bàn cho khách du lịch.

- Tổ chức các dịch vụ vui chơi, giải trí, vận động ngoài trời, camping, nghệ thuật trình diễn, khu vui chơi cho trẻ em, đạp xe xuyên rừng,... và giải thi đấu các môn thể thao phối hợp.

- Hướng tới các nhóm du khách yêu thích vẻ đẹp hoang sơ, cảnh quan thiên nhiên tự nhiên và không bị đô thị hóa. Những người có sức khỏe tốt, đặc biệt thích hoạt động thể thao kết hợp khám phá tự nhiên. Phương tiện là xe máy, xe đạp hoặc đi bộ. Du khách sẽ được tắm suối, khám phá hệ sinh thái rừng, xem thú, động vật hoang dã ngoài tự nhiên. Với điều kiện về tự nhiên thuận lợi kết hợp với tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng, loại hình du lịch trải nghiệm có thể được khai thác tốt trong tương lai của rừng phòng hộ Nam Khánh Hoà và là một sản phẩm du lịch không thể thiếu đối với các khu rừng. Các sản phẩm được khai thác như: đạp xe, đi bộ, cắm trại, tổ chức các môn thể thao, giải đua marathon, đua xe đạp...

- Từ các bài thuốc của đồng bào dân tộc trong vùng tạo nên các dịch vụ chăm sóc sức khỏe từ các bài thuốc như tắm thuốc, ngâm chân, spa,...

2.3. Mục tiêu và chỉ tiêu phát triển

2.3.1. Mục tiêu

2.3.1.1. Mục tiêu chung

- Bảo tồn hệ sinh thái rừng gắn với việc khai thác tiềm năng môi trường sinh thái tự nhiên của rừng phòng hộ một cách hợp lý để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái và giáo dục môi trường rừng tại RPH Nam Khánh Hòa nhằm phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng tại địa phương. Góp phần tuyên truyền, giáo dục cho người dân địa phương và du khách về các giá trị tài nguyên thiên nhiên và môi trường rừng. Du lịch sinh thái ở RPH Nam Khánh Hòa sẽ trở thành mô hình mẫu về tính bền vững, trách nhiệm, chuyên nghiệp, đem lại nguồn thu ổn định từ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và góp phần phát triển kinh tế địa phương. Huy động nguồn lực trong xã hội để phát triển dịch vụ du lịch tăng nguồn thu để tái đầu tư thực hiện có hiệu quả Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020 – 2029 của Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa.

2.3.1.2. Mục tiêu cụ thể

- Khai thác các tiềm năng tự nhiên về cảnh quan, môi trường và sự đa dạng về tài nguyên tự nhiên của các hệ sinh thái rừng, di tích lịch sử văn hóa để phát

triển DLST, nghỉ dưỡng, giải trí theo hướng phát triển bền vững, bảo tồn nguyên vẹn các giá trị văn hoá, lịch sử.

- Thông qua phát triển DLST, nghỉ dưỡng, giải trí góp phần tuyên truyền, giáo dục cho người dân địa phương và du khách về các giá trị tự nhiên, văn hóa, lịch sử và nhân văn khu vực, từ đó nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

- Phát triển các loại hình và sản phẩm du lịch phục vụ việc nghỉ ngơi, giải trí, tham quan, học tập và nghiên cứu khoa học, làm phong phú thêm các hoạt động du lịch của địa phương.

- Nâng cao nhận thức và hành động của cộng đồng địa phương đối với các tài sản vô giá về du lịch cảnh quan - văn hóa - lịch sử, tạo công ăn việc làm thường xuyên và ổn định nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân sống gần rừng.

- Tạo nguồn thu ổn định, bền vững từ các hoạt động DLST, tăng thu nhập cho cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong BQL RPH Nam Khánh Hòa và hỗ trợ phát triển ở vùng đệm, tạo điều kiện thuận lợi cho BQL RPH Nam Khánh Hòa hướng tới mục tiêu tự chủ tài chính.

- Xây dựng cơ sở pháp lý, xác định rõ trách nhiệm, quyền lợi của các bên, trong khai thác các tiềm năng tự nhiên về cảnh quan, môi trường và sự đa dạng về tài nguyên tự nhiên của hệ sinh thái rừng, văn hóa, di tích lịch sử. Làm cơ sở để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê môi trường rừng của BQL RPH Nam Khánh Hòa lập dự án đầu tư du lịch sinh thái kết hợp với bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên đảm bảo phù hợp các quy định của pháp luật.

- Thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa một cách hiệu quả và đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2.3.2. Các chỉ tiêu phát triển

Giai đoạn 2025-2029:

- Đến năm 2029: Lượt khách đến RPH Nam Khánh Hòa đạt trên 70.000 lượt/năm/các điểm, tuyến du lịch; doanh thu từ dịch vụ du lịch đạt trên 15 tỷ đồng. Thu hút nhà đầu tư có trách nhiệm tham gia đầu tư phát triển trên tất cả các điểm, tuyến du lịch. Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ về ngành du lịch sinh thái khoảng 100 người. Thu hút người dân địa phương tham gia vào các hoạt động du lịch và dịch vụ khác (bán hàng lưu niệm). Tạo việc làm thường xuyên cho 100 lao động trực tiếp và 200 lao động gián tiếp. Hoàn thành 100% các tuyến, điểm du lịch được vận hành và hoạt động hiệu quả về môi trường, kinh tế và xã

hội, góp phần tích cực vào các nỗ lực bảo tồn, nâng cao nhận thức và thu nhập cho BQL và cộng đồng địa phương. Du lịch trở thành một trong các nguồn thu chính cho BQL RPH Nam Khánh Hòa và là nguồn tái đầu tư quan trọng cho các hoạt động quản lý, bảo tồn thiên nhiên và phục hồi các loài, hệ sinh thái bị suy thoái. Xây dựng kế hoạch phát triển mở rộng sản phẩm du lịch (du lịch thể thao, du lịch mạo hiểm), kết nối, hợp tác với các khu du lịch trong tỉnh và ngoài tỉnh.

2.4. Đánh giá các yếu tố tác động đến phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2025-2029

2.4.1. Từ chính sách

- Du lịch được coi là một nhiệm vụ phát triển trọng tâm của quốc gia. Sự quan tâm đối với phát triển du lịch thể hiện qua các Nghị quyết các kỳ Đại hội Đảng lần thứ VII, VIII, IX, X và XI, Chỉ thị của Ban Bí Thư và Nghị quyết của Trung ương.

- Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị “Về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn” có định hướng đến năm 2020, ngành Du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Căn cứ vào các Nghị quyết, Quốc hội đã cụ thể hóa thông qua việc ban hành Luật Du lịch (2017) có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.

- Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại ngành du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn”¹, tiếp tục phát triển mạnh các sản phẩm du lịch chủ đạo có lợi thế về tự nhiên và văn hóa, gắn với các khu vực động lực phát triển của du lịch Việt Nam trong đó có du lịch sinh thái, du lịch văn hóa... Quyết định này nhằm cụ thể hóa các hành động của ngành du lịch trong giai đoạn mới, trong đó nhấn mạnh việc chú trọng phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, cộng đồng. Các hành động đó thể sự quan tâm cũng như các chỉ đạo mạnh mẽ của hệ thống chính trị ở cấp quốc gia đối với việc phát triển du lịch nói chung và du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, cộng đồng nói riêng.

- Luật Lâm nghiệp, nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018, nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/07/2024 và Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 là cơ sở vững chắc để BQL RPH Nam Khánh Hòa phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí giai đoạn 2025-2029. Bên cạnh đó, văn bản số 1183 của Tổng cục Lâm nghiệp quy định hình thức xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí cho các khu rừng đặc dụng/phòng hộ đã khẳng định

¹ Quyết định 1685/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05/12/2018 phê duyệt đề án “Cơ cấu lại ngành du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn”

chắc chắn hơn cơ hội rất lớn cho BQL RPH Nam Khánh Hòa phát triển hoạt động du lịch sinh thái.

- Như vậy, có thể thấy, phần lớn các chính sách từ cấp trung ương đến địa phương đều định hướng rõ nét để phát triển du lịch giai đoạn 2025 - 2029, đặc biệt là các nội dung liên quan đến hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Đây là cơ sở vững chắc để các VQG, KBT, BQL RPH trên địa bàn cả nước nói chung và BQL RPH Nam Khánh Hòa xây dựng và phát triển hoạt động du lịch sinh thái trong thời gian tới.

2.4.2. Từ các cộng đồng và các công ty du lịch

- Từ cộng đồng địa phương: Cộng đồng dân cư trong huyện Khánh Sơn, huyện Cam Lâm, thành phố Cam Ranh có đồng bào dân tộc Raglai, Chăm Hroi chiếm 45,73%. Đây chính là nguồn tài nguyên văn hóa đặc sắc, là lợi thế để BQL RPH Nam Khánh Hòa phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch có sự tham gia của cộng đồng. Bên cạnh đó, sản xuất lâm nghiệp, nông nghiệp, thủy sản trong vùng là chủ yếu, thích hợp cho phát triển các mô hình và sản phẩm du lịch dựa vào thiên nhiên, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng. Cộng đồng địa phương nhận thức được những lợi ích từ hoạt động du lịch và luôn mong muốn được tham gia vào hoạt động du lịch. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, cộng đồng vùng còn nhiều khó khăn như đời sống kinh tế, khó khăn trong việc đầu tư sản xuất phát triển hoạt động du lịch, trình độ và kiến thức về du lịch còn nhiều hạn chế. Do vậy, trong thời gian tới, để phát triển hoạt động du lịch gắn với RPH Nam Khánh Hòa, cần quan tâm đến việc khuyến khích, hỗ trợ cộng đồng tham gia vào phát triển hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí.

- Từ các công ty du lịch: Chiến lược phát triển du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 khuyến khích xã hội hóa hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh. Do vậy, hoạt động đầu tư phát triển du lịch từ khối tư nhân trong 10 năm gần đây rất phát triển, đem lại hiệu quả phát triển lớn cho các khu bảo tồn và rừng phòng hộ trong tỉnh Khánh Hòa. Hiện nay, đã có nhiều công ty du lịch, công ty lữ hành liên kết hợp tác cho thấy những tín hiệu tích cực trong việc khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong phát triển du lịch. Mặt khác, với sự đa dạng về tài nguyên phát triển du lịch (cả tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa), thuận lợi về giao thông, khí hậu là cơ hội rất tốt để BQL RPH Nam Khánh Hòa kêu gọi đầu tư; hợp tác, liên kết và cho thuê môi trường rừng nhằm phát triển du lịch sinh thái trong thời gian tới.

2.4.3. Từ nội tại BQL RPH Nam Khánh Hòa

- RPH Nam Khánh Hòa có nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng, hấp dẫn thuận lợi trong phát triển các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí. BQL RPH Nam Khánh Hòa có định hướng rõ ràng trong việc quy hoạch, thúc đẩy phát triển các hoạt động du lịch sinh thái dựa trên các văn bản pháp luật của Nhà nước. Lực lượng lao động của BQL có kiến thức tốt về đa dạng sinh học, động vật hoang dã, bảo tồn thiên nhiên nhưng cho có kiến thức về quản lý, điều hành du lịch còn nhiều hạn chế, kinh doanh du lịch còn gặp nhiều khó khăn. Chính vì vậy, những tác động từ chính nội tại BQL RPH Nam Khánh Hòa có những tác động tích cực và những khó khăn trong việc thực hiện kinh doanh du lịch sinh thái, cần được nhìn nhận và có những giải pháp, định hướng cụ thể trong thời gian tới để phát triển hiệu quả hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong RPH Nam Khánh Hòa.

2.4.4. Từ các yếu tố khác

- Điều kiện thời tiết là những trong những yếu tố chi phối mạnh mẽ đến hoạt động du lịch tại RPH Nam Khánh Hòa. Thời tiết với hình thái mưa là nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến hoạt động du lịch, khi lượng mưa trong năm. Bên cạnh đó, các hiện tượng do ảnh hưởng của thời tiết gây ra như sạt lở, lũ cũng là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến giao thông, các công trình phụ trợ khác. Do vậy, việc phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cần đặc biệt quan tâm, chú ý đến những ảnh hưởng của thời tiết, cần có những giải pháp trong thiết lập hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất cũng như các giải pháp trong giảm thiểu tính mùa vụ của du lịch, đa dạng hoá sản phẩm và hoạt động trải nghiệm trong RPH Nam Khánh Hòa.

2.5. Nội dung phát triển các địa điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2025-2029 của Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa

2.5.1. Định hướng và thuyết minh phương án lựa chọn các điểm du lịch

2.5.1.1. Nguyên tắc, tiêu chí chung về việc chọn các điểm du lịch

*** Nguyên tắc:**

- Các điểm du lịch được lựa chọn không làm ảnh hưởng tới các chu trình tự nhiên, đa dạng sinh học và không ảnh hưởng tới sự tồn tại, và phát triển của các loài động, thực vật hoang dã.

- Điểm du lịch được lựa chọn là điểm có tài nguyên du lịch đặc biệt, hấp dẫn du khách, cho nhiều trải nghiệm, các chi phí về thời gian và tài chính phù hợp nhất.

- Do vậy, một số nguyên tắc quan trọng trong việc lựa chọn các điểm đến du lịch hấp dẫn để đầu tư và phát triển là:

+ Nhiều – Ít: có nhiều trải nghiệm thiên nhiên nhất và ít gây tác động nhất và có nhiều đóng góp cho thiên nhiên nhất.

+ Cao – Thấp: có sức hấp dẫn và tính độc đáo cao nhất, với chi phí và ảnh hưởng tới thiên nhiên thấp nhất.

+ Nhanh – Chậm: thời gian di chuyển tới các điểm nhanh và thuận tiện nhất, thời gian trải nghiệm lâu nhất.

+ Dài – Ngắn: cho phép khai thác với thời gian dài – ngắn thích hợp, phụ thuộc vào sự hấp dẫn của tài nguyên du lịch, cũng như các sản phẩm du lịch kèm theo.

+ Trong lành – Thư thái: Điểm đến cần có môi trường trong lành và cho người trải nghiệm sự thư thái, tái tạo năng lượng cao nhất.

- Ngoài ra một số nguyên tắc quan trọng khác cũng cần được lưu ý để đảm bảo việc lựa chọn, đầu tư xây dựng các điểm du lịch với sức hút mạnh, đạt được các mục tiêu bền vững, hiệu quả và lâu dài như:

+ Lưu giữ du khách được dài nhất;

+ Cho du khách có được nhiều trải nghiệm và nhiều hiểu biết nhất;

+ Cho du khách có những ấn tượng và cảm xúc cao nhất;

+ Cho du khách có được cảm giác thoải mái và an toàn nhất;

+ Cho du khách có được cảm giác hài lòng nhất;

+ Cho du khách cơ hội tham gia và đóng góp nhiều nhất.

- Đối với việc lựa chọn các điểm du lịch, điểm tham quan trong RPH Nam Khánh Hòa cũng cần tuân thủ các quy định về quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học của quốc gia, tỉnh và của BQL RPH Nam Khánh Hòa; đồng thời lưu ý ở các khía cạnh xã hội, kinh tế, môi trường nhằm đảm bảo sự tham gia của các bên, nhất là cộng đồng địa phương; đảm bảo cân bằng lợi ích giữa BQL, cộng đồng, doanh nghiệp, đảm bảo các nguyên tắc phát triển bền vững, bảo tồn tốt các giá trị thiên nhiên, phát huy các giá trị văn hoá địa phương.

- Công trình xây dựng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ:

+ Được xây dựng các công trình trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng (bao gồm khoảnh đất trống theo bản đồ hiện trạng rừng, các ô đất trống theo thực tế khi tiến hành đo đạc tổ chức

thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại mỗi điểm, tuyến thuê môi trường).

+ Được xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ dưới tán rừng, nổi trên mặt nước, đảm bảo không tác động tiêu cực đến sinh trưởng, phát triển và phục hồi tự nhiên của cây rừng, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.

* **Tiêu chí:** Các điểm tham quan, điểm du lịch ưu tiên lựa chọn để khai thác và phát triển du lịch dựa trên đánh giá các tiêu chí trong bảng dưới đây:

Bảng 15. Tiêu chí đánh giá các điểm tham quan, điểm du lịch tiềm năng

Nhóm	Tiêu chí
Nhóm 1: Giá trị tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> - Có giá trị đa dạng sinh học (đa dạng các loài động, thực vật) - Tài nguyên tự nhiên đặc trưng và có sức hấp dẫn về cảnh quan thiên nhiên (đồi núi, sông, suối, rừng) - Xuất hiện loài đặc hữu hoặc loài trong sách đỏ Việt Nam - Nhu cầu bảo tồn tự nhiên trong khu vực
Nhóm 2: Giá trị văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> - Mức độ hấp dẫn văn hóa các dân tộc đặc trưng trong khu vực (phong tục, tập quán, trang phục, tín ngưỡng, lễ hội, phong cảnh làng bản, cánh đồng, sinh hoạt làng xã...) - Mức độ bảo tồn văn hóa
Nhóm 3: Kết cấu hạ tầng phát triển DLST và các hoạt động du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tối đa cơ sở vật chất kỹ thuật đã có sẵn, có thể cải tạo nâng cấp để khai thác hiệu quả, bền vững và trách nhiệm hơn. - Điểm tổ chức hoạt động du lịch không trong vùng sinh cảnh và xa khu vực sinh sống và phát triển của các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp; - Không làm gián đoạn, thay đổi các hệ sinh thái rừng, cảnh quan thiên nhiên và sinh cảnh của các loài động, thực vật trong RPH Nam Khánh Hòa. - Đánh giá về giới hạn có thể chấp nhận được và đảm bảo về sức sức tải du lịch, nằm trong giới hạn có thể tự phục hồi của thiên nhiên; - Dễ tiếp cận và kết nối với các điểm du lịch khác - Trang thiết bị phục vụ du lịch và hệ thống cung cấp nước sạch - Cơ sở dịch vụ du lịch đảm bảo về an ninh, an toàn cho du khách - Hệ thống xử lý rác thải và nước thải đảm bảo về môi trường sinh thái.
Nhóm 4: Khả năng phát	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể gắn với các hoạt động giáo dục và nâng cao nhận thức về thiên nhiên, về đa dạng sinh học;

Nhóm	Tiêu chí
triển sản phẩm du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng khai thác nhiều nhất trong năm (không bị hạn chế về tính mùa vụ) - Khả năng nuôi trồng và khai thác sản phẩm địa phương để xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch - Có thể tạo ra nhiều sản phẩm du lịch, phù hợp với nhiều đối tượng du khách;
Nhóm 5: Sự tham gia của cộng đồng địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Cộng đồng tham gia tích cực vào dự án - Cộng đồng có thể tham gia vào việc quản lý và phát triển dự án - Mức độ tham gia của doanh nghiệp và nhà cung cấp dịch vụ du lịch địa phương - Mức độ tham gia của các tổ chức xã hội, cơ quan quản lý địa phương
Nhóm 6: Ảnh hưởng của dự án	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng xây dựng thương hiệu DLST của điểm đến - Khả năng đóng góp tích cực của dự án vào kinh tế-xã hội của địa phương - Khả năng kết nối và mở rộng mạng lưới DLST trong và ngoài khu vực với các dự án khác

2.5.1.2. Thuyết minh chi tiết phương án lựa chọn các điểm du lịch

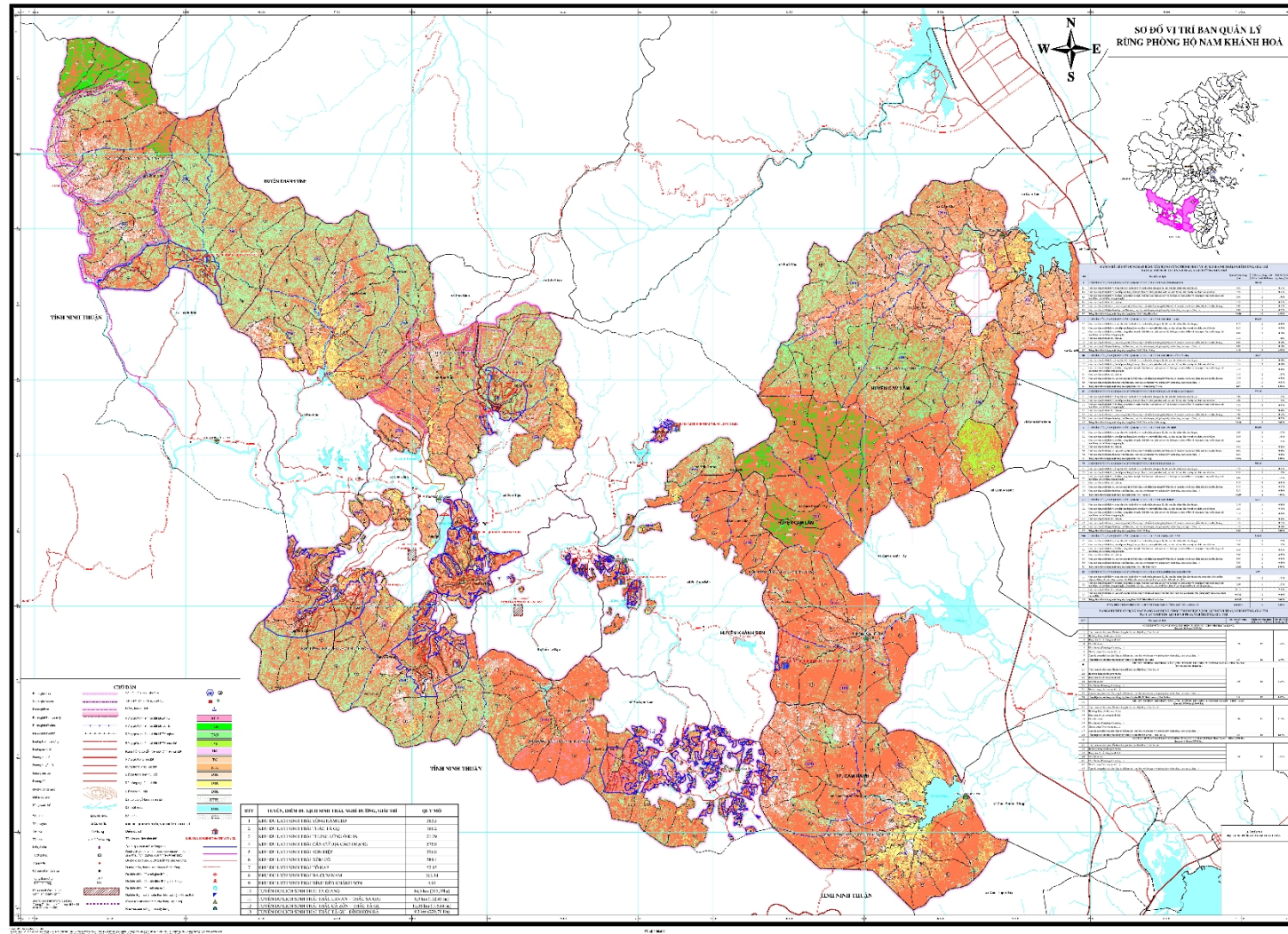
Bên cạnh các nguyên tắc, tiêu chí nêu trên, việc lựa chọn, thuyết minh các điểm, tuyến du lịch căn cứ theo Điều số 23, Điều 24, Điều 32 của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 và khoản 11 Điều 1 nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/07/2024 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Lâm Nghiệp, Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020 – 2029 của Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hoà và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, cụ thể các điểm tham quan du lịch được thể hiện:

Bảng 16. Tổng hợp các điểm tham quan, du lịch ưu tiên phát triển

Thứ tự	Điểm du lịch	Đặc điểm hấp dẫn du khách	Định hướng loại hình du lịch chính	Quy mô quy hoạch (ha)
1	Khu du lịch sinh thái sông Hàm Leo	Khu vực có đỉnh núi cao khoảng 1.000m so với mực nước biển. Từ trên cao ngắm nhìn khung cảnh núi rừng và những ngọn núi trùng trùng điệp điệp. Từ trên cao nhìn xuống ngắm nhìn dòng sông Hàm Leo.	Khu chuyên về các hoạt động dã ngoại, cắm trại và các hoạt động ngoài trời Du lịch nghỉ dưỡng Du lịch vui chơi giải trí	383,50
2	Khu du lịch sinh thái thác Tà Gụ	Từ ngọn núi Chalo đã tích tụ được những giọt nước xanh mát lạnh tạo thành một dòng chảy êm dịu, nhẹ nhàng đầy quyến rũ. Từ trên độ cao 40m, thác nước trắng xóa đổ ào ào xuống hồ, tạo nên làn khói trắng ôm trọn cả lòng hồ như thể cảnh sắc mây mù đang khóa lấp cả núi rừng vậy.	Khu chuyên về các hoạt động tìm hiểu, giao lưu văn hoá địa phương, phong tục, tập quán. Du lịch nghỉ dưỡng Du lịch vui chơi giải trí	166,20
3	Khu du lịch sinh thái thung lũng Ô Kha	Khu vực giáp với suối nước, thảm thực vật 2 bên suối phát triển cây xanh tươi tốt. Dòng suối có những đàn cá bơi trong suối, dòng nước chảy qua khe đá tạo ra âm thanh róc rách mang đến âm thanh thư gian cho những ai đến đây.	Khu chuyên về học tập giáo dục môi trường rừng. Tìm hiểu, nhận biết các loài động vật, thực vật và giá trị bảo tồn. Du lịch nghỉ dưỡng	21,39

Thứ tự	Điểm du lịch	Đặc điểm hấp dẫn du khách	Định hướng loại hình du lịch chính	Quy mô quy hoạch (ha)
4	Khu du lịch sinh thái căn cứ địa cách mạng	Nằm trên sườn núi Ma Rai ở độ cao khoảng 1.200m so với mực nước biển. Trong khu vực có suối nước tự nhiên, suối nước tự nhiên chảy từ núi Ma Rai. Từ trên cao nhìn xuống ngắm nhìn vườn cây sâu riêng, sầu riêng là đặc sản của khu vực	Khu chuyên về các hoạt động tìm hiểu lịch sử là nơi ghi dấu những chiến công oanh liệt, tưởng nhớ sự hy sinh anh dũng của nhiều thế hệ chiến sĩ, đồng bào đã ngã xuống vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Và các hoạt động tham quan, mô hình, mô phỏng 3D tái hiện lịch sử... Du lịch sinh thái Du lịch nghỉ dưỡng	575,80
5	Khu du lịch sinh thái Sơn Hiệp	Thuộc kiểu địa hình núi thấp và đồi có độ cao khoảng từ 300 - 560 m hệ sinh thái rừng đa dạng với nhiều loài cây quý hiếm là nơi sinh sống của nhiều loài động vật. Trục giao thông DT656 chạy qua khu lịch thuận tiện cho du khách tiếp cận	Khu vực chuyên để tập hợp người dân địa phương đến chơi và giao lưu văn hoá với du khách Du lịch nghỉ dưỡng	396,80
6	Khu du lịch sinh thái Xóm Cỏ	Nằm trong núi Nia Ha khu vực đã hình thành nên 2 dòng suối nước tự nhiên. Vào mùa khô dòng suối chảy êm ả, tiếng suối róc rách chảy qua những hòn đá trong lòng suối là thời điểm thích hợp cho du khách đến đây thưởng ngoạn cảnh sắc thiên nhiên núi rừng	Khu chuyên về các hoạt động tổ chức sự kiện âm nhạc, các phim trường để chụp ảnh, các khu tổ chức sự kiện vui chơi Du lịch thể thao Du lịch nghỉ dưỡng	384,40

Thứ tự	Điểm du lịch	Đặc điểm hấp dẫn du khách	Định hướng loại hình du lịch chính	Quy mô quy hoạch (ha)
		nơi đây		
7	Khu du lịch sinh thái Tô Hạp	Được thiên nhiên ưu đãi mảnh đất nơi đây trù phú với nhiều khu vườn trồng trái cây nổi tiếng. Khi vào mùa sầu chín hương thơm toả ra ngào ngạt.	Khu chuyên về du lịch với nhà trên cây, các đường đi bộ trên không Du lịch sinh thái Du lịch nghỉ dưỡng	52,15
8	Khu du lịch sinh thái Ba Cùm Nam	Khí hậu nơi đây mát mẻ, suối nước tự nhiên với nhiều nhánh suối nhỏ phân bố trong khu vực	Khu chuyên về vui chơi trẻ em, các hoạt động dã ngoại nhưng an toàn với trẻ em, học sinh trong tỉnh và ngoại tỉnh Du lịch nghỉ dưỡng	513,34
9	Khu du lịch sinh thái đỉnh đèo Khánh Sơn	Nằm trên đỉnh đèo Khánh Sơn từ trên cao có thể ngắm nhìn huyện Cam Lâm vào ban đêm đèn điện lung linh huyền ảo. Cảnh quan rừng núi phủ một màu xanh của các loài thực vật nơi đây.	Khu chuyên về biểu diễn trưng bày văn hoá, một dạng bảo tàng ngoài trời và trong nhà kết hợp giữa du lịch và tìm hiểu văn hoá. Gian hàng trưng bày sản phẩm nông sản địa phương Du lịch nghỉ dưỡng	4,95
TỔNG DIỆN TÍCH				2.498,53



Hình 17. Sơ đồ bản vẽ tổng mặt bằng các điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch

Bảng 17. Thuyết minh quy hoạch khu du lịch sinh thái sông Hàm Leo

Tên điểm du lịch	Khu du lịch sinh thái sông Hàm Leo
Vị trí, quy mô	Vị trí: khoảnh 5, 6 tiểu khu 258; khoảnh 8, 10, 11, 12 tiểu khu 259; khoảnh 6, 9 tiểu khu 260 thuộc xã Thành Sơn, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hoà. Quy mô quy hoạch: 383,50 ha
Hiện trạng (nếu đã được thiết lập)	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện trạng rừng Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt TXK 359,4 ha Diện tích có cây tái sinh DTTS 20,86 ha Diện tích khác DTK 3,24 ha - Hiện trạng sử dụng đất Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên RPN 359,4 ha Đất núi đồi chưa sử dụng DCS 23,48 ha Đất trồng cây hàng năm CHN 0,62 ha - Tài nguyên đa dạng sinh học, lợi thế về địa hình, cảnh quan: tài nguyên đa dạng phong phú, địa hình núi cao, cảnh quan thiên nhiên hoang sơ kỳ vĩ. - Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
Định hướng loại hình du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Khu chuyên về các hoạt động dã ngoại, cắm trại và các hoạt động ngoài trời - Du lịch nghỉ dưỡng - Du lịch vui chơi giải trí
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ lưu trú, ăn uống - Dịch vụ hàng hóa (sản phẩm địa phương) - Dịch vụ tham quan và chụp ảnh lưu niệm - Dịch vụ vui chơi giải trí, sân thể thao giải trí - Mô hình nông, lâm, ngư nghiệp kết hợp - Mô hình giáo dục môi trường

Định hướng khách hàng	- Khách hàng trong nước và khách quốc tế
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan	<ul style="list-style-type: none"> - Danh lam thắng cảnh thác Tà Gụ - Di tích lịch sử căn cứ cách mạng Tô Hạp - Di tích khảo cổ địa điểm dốc gạo - Khu Di tích Hang Tinh ủy
Phương thức tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> - Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê môi trường rừng
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại và mật độ, tỷ lệ xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu xây dựng: Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng. - Chiều cao công trình tối đa 12m tính từ cốt $\pm 0.00m$. - Thời gian tồn tại: Tuổi thọ công trình 30 năm. - Mật độ, tỷ lệ xây dựng: 4,98% tổng diện tích hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.
Các hạng mục đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, lắp dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại vị trí khoảnh 5, 6 tiểu khu 258; khoảnh 8, 10, 11, 12 tiểu khu 259; khoảnh 6, 9 tiểu khu 260 thuộc xã Thành Sơn, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hoà. - Quy mô xây dựng: 19,10 ha; bao gồm: Các cụm công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (công trình đón tiếp; nhà hàng; công trình dịch vụ; công trình hội nghị, hội thảo; công trình nghỉ dưỡng, lưu trú; các công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy, chữa cháy, nhà lán bảo vệ rừng, trạm sạc xe điện,...);...). <p><i>Chi tiết các cụm công trình xây dựng trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng và các cụm công trình xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ dưới tán rừng, nổi trên mặt nước phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được thiết kế chi tiết tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.</i></p>

Chi phí ước tính	- Tổng nguồn vốn thực hiện được xác định tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2025 - 2029
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	- Lợi ích cho cộng đồng: Tạo thêm công việc cho người dân trong vùng du lịch... - Lợi ích cho bảo tồn: Bảo tồn được nguồn gen động, thực vật; Bảo tồn và quảng bá được nét văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc nơi đây.
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	- Ô nhiễm môi trường; ô nhiễm nguồn nước; phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nguyên trạng...
Ghi chú	

Bảng 18. Thuyết minh quy hoạch khu du lịch sinh thái thác Tà Gụ

Tên điểm du lịch	Khu du lịch sinh thái thác Tà Gụ																															
Vị trí, quy mô	Vị trí: khoảnh 3, 4, 5, 6 tiểu khu 270; khoảnh 2 tiểu khu 276 thuộc xã Sơn Hiệp, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa. Quy mô quy hoạch: 166,20 ha																															
Hiện trạng	<p>- Hiện trạng rừng</p> <table border="1"> <tr> <td>Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt</td> <td>TXK</td> <td>157,65</td> <td>ha</td> </tr> <tr> <td>Rừng hỗn giao núi đất</td> <td>HG</td> <td>8,3</td> <td>ha</td> </tr> <tr> <td>Diện tích có cây tái sinh</td> <td>DTTS</td> <td>0,01</td> <td>ha</td> </tr> <tr> <td>Diện tích khác</td> <td>DTK</td> <td>0,24</td> <td>ha</td> </tr> </table> <p>- Hiện trạng sử dụng đất</p> <table border="1"> <tr> <td>Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên</td> <td>RPN</td> <td>165,95</td> <td>ha</td> </tr> <tr> <td>Đất núi đồi chưa sử dụng</td> <td>DCS</td> <td>0,01</td> <td>ha</td> </tr> <tr> <td>Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối</td> <td>SON</td> <td>0,24</td> <td>ha</td> </tr> </table> <p>- Tài nguyên đa dạng sinh học, lợi thế về địa hình, cảnh quan: tài nguyên đa dạng phong phú, địa hình núi cao, cảnh quan thiên nhiên hoang sơ kỳ vĩ.</p>				Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt	TXK	157,65	ha	Rừng hỗn giao núi đất	HG	8,3	ha	Diện tích có cây tái sinh	DTTS	0,01	ha	Diện tích khác	DTK	0,24	ha	Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên	RPN	165,95	ha	Đất núi đồi chưa sử dụng	DCS	0,01	ha	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,24	ha
Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt	TXK	157,65	ha																													
Rừng hỗn giao núi đất	HG	8,3	ha																													
Diện tích có cây tái sinh	DTTS	0,01	ha																													
Diện tích khác	DTK	0,24	ha																													
Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên	RPN	165,95	ha																													
Đất núi đồi chưa sử dụng	DCS	0,01	ha																													
Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,24	ha																													

	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
Định hướng loại hình du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Khu chuyên về các hoạt động tìm hiểu, giao lưu văn hoá địa phương, phong tục, tập quán. - Du lịch nghỉ dưỡng - Du lịch vui chơi giải trí
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ chăm sóc sức khoẻ - Dịch vụ lưu trú, ăn uống - Dịch vụ hàng hóa (sản phẩm địa phương) - Dịch vụ tham quan và chụp ảnh lưu niệm - Dịch hướng dẫn viên - Dịch vụ vui chơi giải trí, sân thể thao giải trí - Mô hình nông, lâm, ngư nghiệp kết hợp - Mô hình giáo dục môi trường
Định hướng khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng trong nước và khách quốc tế
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan	<ul style="list-style-type: none"> - Di tích lịch sử căn cứ cách mạng Tô Hạp - Di tích khảo cổ địa điểm dốc gạo - Khu Di tích Hang Tinh úy
Phương thức tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> - Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê môi trường rừng
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại và mật độ, tỷ lệ xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu xây dựng: Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng. - Chiều cao công trình tối đa 12m tính từ cốt ±0.00m. - Thời gian tồn tại: Tuổi thọ công trình 30 năm. - Mật độ, tỷ lệ xây dựng: 4,99% tổng diện tích hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng

Các hạng mục đầu tư	<p>- Xây dựng, lắp dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại vị trí khoảnh 3, 4, 5, 6 tiểu khu 270; khoảnh 2 tiểu khu 276 thuộc xã Sơn Hiệp, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hoà.</p> <p>- Quy mô xây dựng: 8,30 ha; bao gồm: Các cụm công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (công trình đón tiếp; nhà hàng; công trình dịch vụ; công trình hội nghị, hội thảo; công trình nghỉ dưỡng, lưu trú; các công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy, chữa cháy, nhà lán bảo vệ rừng, trạm sạc xe điện,...);...).</p> <p><i>Chi tiết các cụm công trình xây dựng trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng và các cụm công trình xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ dưới tán rừng, nổi trên mặt nước phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được thiết kế chi tiết tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.</i></p>
Chi phí ước tính	- Tổng nguồn vốn thực hiện được xác định tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2025 - 2029
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	<p>- Lợi ích cho cộng đồng: Tạo thêm công việc cho người dân trong vùng du lịch...</p> <p>- Lợi ích cho bảo tồn: Bảo tồn được nguồn gen động, thực vật; Bảo tồn và quảng bá được nét văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc nơi đây.</p>
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	- Ô nhiễm môi trường; ô nhiễm nguồn nước; phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nguyên trạng...
Ghi chú	

Bảng 19. Thuyết minh quy hoạch khu du lịch sinh thái thung lũng Ô Kha

Tên điểm du lịch	Khu du lịch sinh thái thung lũng Ô Kha
------------------	--

Vị trí, quy mô	Vị trí: khoảnh 9 tiểu khu 272 xã Sơn Trung, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hoà. Quy mô quy hoạch: 21,39 ha
Hiện trạng (nếu đã được thiết lập)	- Hiện trạng rừng Diện tích có cây tái sinh DTTS 19,69 ha Diện tích khác DTK 1,7 ha - Hiện trạng sử dụng đất Đất trồng cây hàng năm CHN 1,7 ha Đất núi đồi chưa sử dụng DCS 19,69 ha - Tài nguyên đa dạng sinh học, lợi thế về địa hình, cảnh quan: tài nguyên đa dạng phong phú, địa hình núi cao, cảnh quan thiên nhiên hoang sơ kỳ vĩ. - Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
Định hướng loại hình du lịch	- Khu chuyên về học tập giáo dục môi trường rừng. Tìm hiểu, nhận biết các loài động vật, thực vật và giá trị bảo tồn. - Du lịch nghỉ dưỡng
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	- Dịch vụ chăm sóc sức khỏe - Dịch vụ lưu trú, ăn uống - Dịch vụ hàng hóa (sản phẩm địa phương) - Dịch vụ tham quan và chụp ảnh lưu niệm - Dịch vụ hướng dẫn viên - Dịch vụ vui chơi giải trí, sân thể thao giải trí - Mô hình nông, lâm, ngư nghiệp kết hợp - Mô hình giáo dục môi trường, mô hình thực nghiệm
Định hướng khách hàng	- Khách hàng trong nước và khách quốc tế
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan	- Danh lam thắng cảnh thác Tà Gụ - Di tích lịch sử căn cứ cách mạng Tô Hạp - Di tích khảo cổ địa điểm dốc gạo

	- Khu Di tích Hang Tinh ủy
Phương thức tổ chức	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê môi trường rừng
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại và mật độ, tỷ lệ xây dựng	- Vật liệu xây dựng: Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng. - Chiều cao công trình tối đa 12m tính từ cốt ±0.00m. - Thời gian tồn tại: Tuổi thọ công trình 30 năm. - Mật độ, tỷ lệ xây dựng: 5% tổng diện tích hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.
Các hạng mục đầu tư	- Xây dựng, lắp dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại vị trí khoảng 9 tiểu khu 272 xã Sơn Trung, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hoà. - Quy mô xây dựng: 1,07 ha; bao gồm: Các cụm công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (công trình đón tiếp; nhà hàng; công trình dịch vụ; công trình hội nghị, hội thảo; công trình nghỉ dưỡng, lưu trú; các công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy, chữa cháy, nhà lán bảo vệ rừng, trạm sạc xe điện,...);...) <i>Chi tiết các cụm công trình xây dựng trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng và các cụm công trình xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ dưới tán rừng, nổi trên mặt nước phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được thiết kế chi tiết tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.</i>
Chi phí ước tính	- Tổng nguồn vốn thực hiện được xác định tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2025 - 2029

<p>Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích cho cộng đồng: Tạo thêm công việc cho người dân trong vùng du lịch... - Lợi ích cho bảo tồn: Bảo tồn được nguồn gen động, thực vật; Bảo tồn và quảng bá được nét văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc nơi đây. - Lợi ích kinh tế: Tạo thêm nguồn thu nhập cho người dân địa phương...
<p>Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ô nhiễm môi trường; ô nhiễm nguồn nước; phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nguyên trạng...
<p>Ghi chú</p>	

Bảng 20. Thuyết minh quy hoạch khu du lịch sinh thái căn cứ địa cách mạng

Tên điểm du lịch	Khu du lịch sinh thái căn cứ địa cách mạng																														
<p>Vị trí, quy mô</p>	<p>Vị trí: khoảnh 1, 2, 3, 4, 5, 6 tiểu khu 284 xã Sơn Lâm; khoảnh 1 tiểu khu 285 xã Sơn Bình; khoảnh 1, 2, 3 tiểu khu 286 xã Sơn Bình thuộc huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hoà.</p> <p>Quy mô quy hoạch: 575,80 ha</p>																														
<p>Hiện trạng (nếu đã được thiết lập)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện trạng rừng <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="padding: 2px;">Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt</td> <td style="text-align: right; padding: 2px;">TXK</td> <td style="text-align: right; padding: 2px;">281,55 ha</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">Rừng gỗ trồng núi đất</td> <td style="text-align: right; padding: 2px;">TG</td> <td style="text-align: right; padding: 2px;">63,41 ha</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng</td> <td style="text-align: right; padding: 2px;">DTR</td> <td style="text-align: right; padding: 2px;">5,78 ha</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">Diện tích có cây tái sinh</td> <td style="text-align: right; padding: 2px;">DTTS</td> <td style="text-align: right; padding: 2px;">160,13 ha</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">Diện tích khác</td> <td style="text-align: right; padding: 2px;">DTK</td> <td style="text-align: right; padding: 2px;">64,93 ha</td> </tr> </table> - Hiện trạng sử dụng đất <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="padding: 2px;">Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên</td> <td style="text-align: right; padding: 2px;">RPN</td> <td style="text-align: right; padding: 2px;">149,88 ha</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng</td> <td style="text-align: right; padding: 2px;">RPT</td> <td style="text-align: right; padding: 2px;">51,49 ha</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</td> <td style="text-align: right; padding: 2px;">RSN</td> <td style="text-align: right; padding: 2px;">134,56 ha</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">Đất có rừng sản xuất là rừng trồng</td> <td style="text-align: right; padding: 2px;">RST</td> <td style="text-align: right; padding: 2px;">15,41 ha</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">Đất trồng cây hàng năm</td> <td style="text-align: right; padding: 2px;">CHN</td> <td style="text-align: right; padding: 2px;">3,01 ha</td> </tr> </table> 	Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt	TXK	281,55 ha	Rừng gỗ trồng núi đất	TG	63,41 ha	Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng	DTR	5,78 ha	Diện tích có cây tái sinh	DTTS	160,13 ha	Diện tích khác	DTK	64,93 ha	Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên	RPN	149,88 ha	Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng	RPT	51,49 ha	Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	134,56 ha	Đất có rừng sản xuất là rừng trồng	RST	15,41 ha	Đất trồng cây hàng năm	CHN	3,01 ha
Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt	TXK	281,55 ha																													
Rừng gỗ trồng núi đất	TG	63,41 ha																													
Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng	DTR	5,78 ha																													
Diện tích có cây tái sinh	DTTS	160,13 ha																													
Diện tích khác	DTK	64,93 ha																													
Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên	RPN	149,88 ha																													
Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng	RPT	51,49 ha																													
Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	134,56 ha																													
Đất có rừng sản xuất là rừng trồng	RST	15,41 ha																													
Đất trồng cây hàng năm	CHN	3,01 ha																													

	<p>Đất núi đồi chưa sử dụng DCS 221,45 ha</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài nguyên đa dạng sinh học, lợi thế về địa hình, cảnh quan: tài nguyên đa dạng phong phú, địa hình núi cao, cảnh quan thiên nhiên hoang sơ kỳ vĩ. - Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
Định hướng loại hình du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Khu chuyên về các hoạt động tìm hiểu lịch sử là nơi ghi dấu những chiến công oanh liệt, tưởng nhớ sự hy sinh anh dũng của nhiều thế hệ chiến sĩ, đồng bào đã ngã xuống vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Và các hoạt động tham quan, mô hình, mô phỏng 3D tái hiện lịch sử,... - Du lịch sinh thái - Du lịch nghỉ dưỡng
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ chăm sóc sức khỏe - Dịch vụ lưu trú, ăn uống - Dịch vụ hàng hóa (sản phẩm địa phương) - Dịch vụ tham quan và chụp ảnh lưu niệm - Dịch hướng dẫn viên - Dịch vụ vui chơi giải trí, sân thể thao giải trí - Mô hình nông, lâm, ngư nghiệp kết hợp - Mô hình giáo dục môi trường
Định hướng khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng trong nước và khách quốc tế
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan	<ul style="list-style-type: none"> - Danh lam thắng cảnh thác Tà Gụ - Di tích lịch sử căn cứ cách mạng Tô Hạp - Di tích khảo cổ địa điểm đóc Gạo - Khu Di tích Hang Tinh úy
Phương thức tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> - Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê môi trường rừng

<p>Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại và mật độ, tỷ lệ xây dựng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu xây dựng: Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng. - Chiều cao công trình tối đa 12m tính từ cốt ±0.00m. - Thời gian tồn tại: Tuổi thọ công trình 30 năm. - Mật độ, tỷ lệ xây dựng: 5% tổng diện tích hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng
<p>Các hạng mục đầu tư</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, lắp dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại vị trí khoảnh 1, 2, 3, 4, 5, 6 tiểu khu 284 xã Sơn Lâm; khoảnh 1 tiểu khu 285 xã Sơn Bình; khoảnh 1, 2, 3 tiểu khu 286 xã Sơn Bình thuộc huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hoà. - Quy mô xây dựng: 28,80 ha; bao gồm: Các cụm công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (công trình đón tiếp; nhà hàng; công trình dịch vụ; công trình hội nghị, hội thảo; công trình nghỉ dưỡng, lưu trú; các công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy, chữa cháy, nhà lán bảo vệ rừng, trạm sạc xe điện,...);...). <p><i>Chi tiết các cụm công trình xây dựng trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng và các cụm công trình xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ dưới tán rừng, nổi trên mặt nước phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được thiết kế chi tiết tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.</i></p>
<p>Chi phí ước tính</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng nguồn vốn thực hiện được xác định tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
<p>Thời gian thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn: 2025 - 2029
<p>Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích cho cộng đồng: Tạo thêm công việc cho người dân trong vùng du lịch... - Lợi ích cho bảo tồn: Bảo tồn được nguồn gen động, thực vật; Bảo tồn và quảng bá được nét văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc nơi đây.

	- Lợi ích kinh tế: Tạo thêm nguồn thu nhập cho người dân địa phương...
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	- Ô nhiễm môi trường; ô nhiễm nguồn nước; phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nguyên trạng...
Ghi chú	

Bảng 21. Thuyết minh quy hoạch khu du lịch sinh thái Sơn Hiệp

Tên điểm du lịch	Khu du lịch sinh thái Sơn Hiệp
Vị trí, quy mô	Vị trí: khoảnh 3, 5, 6 tiểu khu 281 xã Sơn Bình; khoảnh 1, 2 tiểu khu 282 xã Sơn Hiệp; khoảnh 1 tiểu khu SH290A xã Sơn Hiệp thuộc huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hoà. Quy mô quy hoạch: 396,80 ha
Hiện trạng (nếu đã được thiết lập)	<p>- Hiện trạng rừng</p> <p>Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng TXK 35,87 ha lá rừng nghèo kiệt</p> <p>Rừng gỗ trồng núi đất TG 303,41 ha</p> <p>Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng DTR 8,91 ha</p> <p>Diện tích có cây tái sinh DTTS 29,43 ha</p> <p>Diện tích khác DTK 19,18 ha</p> <p>- Hiện trạng sử dụng đất</p> <p>Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên RPN 21,75 ha</p> <p>Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng RPT 181,11 ha</p> <p>Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên RSN 14,07 ha</p> <p>Đất có rừng sản xuất là rừng trồng RST 131,34 ha</p> <p>Đất trồng cây hàng năm CHN 18,27 ha</p> <p>Đất núi đồi chưa sử dụng DCS 29,43 ha</p> <p>Đất ở tại nông thôn ONT 0,83 ha</p> <p>- Tài nguyên đa dạng sinh học, lợi thế về địa hình, cảnh quan: tài nguyên đa dạng phong phú, địa hình núi cao, cảnh quan thiên nhiên hoang sơ kỳ vĩ.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
Định hướng loại hình du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực chuyên để tập hợp người dân địa phương đến chơi và giao lưu văn hoá với du khách - Du lịch nghỉ dưỡng
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ chăm sóc sức khoẻ - Dịch vụ lưu trú, ăn uống - Dịch vụ hàng hóa (sản phẩm địa phương) - Dịch vụ tham quan và chụp ảnh lưu niệm - Dịch hướng dẫn viên - Dịch vụ vui chơi giải trí, sân thể thao giải trí - Mô hình nông, lâm, ngư nghiệp kết hợp - Mô hình giáo dục môi trường, mô hình thực nghiệm
Định hướng khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng trong nước và khách quốc tế
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan	<ul style="list-style-type: none"> - Danh lam thắng cảnh thác Tà Gụ - Di tích lịch sử căn cứ cách mạng Tô Hạp - Di tích khảo cổ địa điểm dốc Gạo - Khu Di tích Hang Tinh úy
Phương thức tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> - Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê môi trường rừng
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại và mật độ, tỷ lệ xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu xây dựng: Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng. - Chiều cao công trình tối đa 12m tính từ cốt ±0.00m. - Thời gian tồn tại: Tuổi thọ công trình 30 năm. - Mật độ, tỷ lệ xây dựng: 5% tổng diện tích hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng
Các hạng mục đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, lắp dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại vị trí khoảnh 3, 5, 6 tiểu khu 281 xã Sơn Bình; khoảnh 1, 2 tiểu khu 282 xã Sơn Hiệp;

	<p>khoảnh 1 tiểu khu SH290A xã Sơn Hiệp thuộc huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hoà.</p> <p>- Quy mô xây dựng: 19,85 ha; bao gồm: Các cụm công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (công trình đón tiếp; nhà hàng; công trình dịch vụ; công trình hội nghị, hội thảo; công trình nghỉ dưỡng, lưu trú; các công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy, chữa cháy, nhà lán bảo vệ rừng, trạm sạc xe điện,...);...).</p> <p><i>Chi tiết các cụm công trình xây dựng trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng và các cụm công trình xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ dưới tán rừng, nổi trên mặt nước phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được thiết kế chi tiết tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.</i></p>
Chi phí ước tính	- Tổng nguồn vốn thực hiện được xác định tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2025 - 2029
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	<p>- Lợi ích cho cộng đồng: Tạo thêm công việc cho người dân trong vùng du lịch...</p> <p>- Lợi ích cho bảo tồn: Bảo tồn được nguồn gen động, thực vật; Bảo tồn và quảng bá được nét văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc nơi đây.</p> <p>- Lợi ích kinh tế: Tạo thêm nguồn thu nhập cho người dân địa phương...</p>
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	- Ô nhiễm môi trường; ô nhiễm nguồn nước; phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nguyên trạng...
Ghi chú	

Bảng 22. Thuyết minh quy hoạch khu du lịch sinh thái Xóm Cỏ

Tên điểm du lịch	Khu du lịch sinh thái Xóm Cỏ
Vị trí, quy mô	Vị trí: khoảnh 3 tiểu khu 285 xã Sơn Bình; khoảnh 1, 2, 3, 4 tiểu khu 289 xã Sơn Bình; khoảnh 1, 2 tiểu khu 290 xã

	<p>Ba Cụm Nam; khoảnh 1 tiểu khu 290A xã Sơn Hiệp thuộc huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hoà.</p> <p>Quy mô quy hoạch: 384,40 ha</p>																																				
Hiện trạng (nếu đã được thiết lập)	<p>- Hiện trạng rừng</p> <table border="0"> <tr> <td>Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt</td> <td>TXK</td> <td>129,59 ha</td> </tr> <tr> <td>Rừng gỗ trồng núi đất</td> <td>TG</td> <td>85,84 ha</td> </tr> <tr> <td>Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng</td> <td>DTR</td> <td>5,48 ha</td> </tr> <tr> <td>Diện tích có cây tái sinh</td> <td>DTTS</td> <td>125,61 ha</td> </tr> <tr> <td>Diện tích khác</td> <td>DTK</td> <td>37,88 ha</td> </tr> </table> <p>- Hiện trạng sử dụng đất</p> <table border="0"> <tr> <td>Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên</td> <td>RPN</td> <td>69,14 ha</td> </tr> <tr> <td>Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng</td> <td>RPT</td> <td>23,95 ha</td> </tr> <tr> <td>Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</td> <td>RSN</td> <td>60,46 ha</td> </tr> <tr> <td>Đất có rừng sản xuất là rừng trồng</td> <td>RST</td> <td>67,43 ha</td> </tr> <tr> <td>Đất trồng cây hàng năm</td> <td>CHN</td> <td>5,77 ha</td> </tr> <tr> <td>Đất núi đồi chưa sử dụng</td> <td>DCS</td> <td>155,73 ha</td> </tr> <tr> <td>Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối</td> <td>SON</td> <td>1,92 ha</td> </tr> </table> <p>- Tài nguyên đa dạng sinh học, lợi thế về địa hình, cảnh quan: tài nguyên đa dạng phong phú, địa hình núi cao, cảnh quan thiên nhiên hoang sơ kỳ vĩ.</p> <p>- Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.</p>	Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt	TXK	129,59 ha	Rừng gỗ trồng núi đất	TG	85,84 ha	Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng	DTR	5,48 ha	Diện tích có cây tái sinh	DTTS	125,61 ha	Diện tích khác	DTK	37,88 ha	Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên	RPN	69,14 ha	Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng	RPT	23,95 ha	Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	60,46 ha	Đất có rừng sản xuất là rừng trồng	RST	67,43 ha	Đất trồng cây hàng năm	CHN	5,77 ha	Đất núi đồi chưa sử dụng	DCS	155,73 ha	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,92 ha
Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt	TXK	129,59 ha																																			
Rừng gỗ trồng núi đất	TG	85,84 ha																																			
Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng	DTR	5,48 ha																																			
Diện tích có cây tái sinh	DTTS	125,61 ha																																			
Diện tích khác	DTK	37,88 ha																																			
Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên	RPN	69,14 ha																																			
Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng	RPT	23,95 ha																																			
Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	60,46 ha																																			
Đất có rừng sản xuất là rừng trồng	RST	67,43 ha																																			
Đất trồng cây hàng năm	CHN	5,77 ha																																			
Đất núi đồi chưa sử dụng	DCS	155,73 ha																																			
Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,92 ha																																			
Định hướng loại hình du lịch	<p>- Khu chuyên về các hoạt động tổ chức sự kiện âm nhạc, các phim trường để chụp ảnh, các khu tổ chức sự kiện vui chơi</p> <p>- Du lịch thể thao</p> <p>- Du lịch nghỉ dưỡng</p>																																				

Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ chăm sóc sức khoẻ - Dịch vụ lưu trú, ăn uống - Dịch vụ hàng hóa (sản phẩm địa phương) - Dịch vụ tham quan và chụp ảnh lưu niệm - Dịch hướng dẫn viên - Dịch vụ vui chơi giải trí, sân thể thao giải trí - Mô hình nông, lâm, ngư nghiệp kết hợp - Mô hình giáo dục môi trường, mô hình thực nghiệm
Định hướng khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng trong nước và khách quốc tế
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan	<ul style="list-style-type: none"> - Danh lam thắng cảnh thác Tà Gụ - Di tích lịch sử căn cứ cách mạng Tô Hạp - Di tích khảo cổ địa điểm dốc Gạo - Khu Di tích Hang Tinh ủy
Phương thức tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> - Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê môi trường rừng
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại và mật độ, tỷ lệ xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu xây dựng: Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng. - Chiều cao công trình tối đa 12m tính từ cốt ±0.00m. - Thời gian tồn tại: Tuổi thọ công trình 30 năm. - Mật độ, tỷ lệ xây dựng: 4,99% tổng diện tích hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng
Các hạng mục đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, lắp dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại vị trí khoảnh 3 tiểu khu 285 xã Sơn Bình; khoảnh 1, 2, 3, 4 tiểu khu 289 xã Sơn Bình; khoảnh 1, 2 tiểu khu 290 xã Ba Cùm Nam; khoảnh 1 tiểu khu 290A xã Sơn Hiệp thuộc huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hoà. - Quy mô xây dựng: 19,20 ha; bao gồm: Các cụm công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (công trình đón tiếp; nhà hàng; công trình dịch vụ; công trình hội nghị,

	<p>hội thảo; công trình nghỉ dưỡng, lưu trú; các công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy, chữa cháy, nhà lán bảo vệ rừng, trạm sạc xe điện,...);...</p> <p><i>Chi tiết các cụm công trình xây dựng trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng và các cụm công trình xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ dưới tán rừng, nổi trên mặt nước phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được thiết kế chi tiết tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.</i></p>
Chi phí ước tính	- Tổng nguồn vốn thực hiện được xác định tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2025 - 2029
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	<p>- Lợi ích cho cộng đồng: Tạo thêm công việc cho người dân trong vùng du lịch...</p> <p>- Lợi ích cho bảo tồn: Bảo tồn được nguồn gen động, thực vật; Bảo tồn và quảng bá được nét văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc nơi đây.</p> <p>- Lợi ích kinh tế: Tạo thêm nguồn thu nhập cho người dân địa phương...</p>
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	- Ô nhiễm môi trường; ô nhiễm nguồn nước; phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nguyên trạng...
Ghi chú	

Bảng 23. Thuyết minh quy hoạch khu du lịch sinh thái Tô Hạp

Tên điểm du lịch	Khu du lịch sinh thái Tô Hạp		
Vị trí, quy mô	Vị trí: khoảnh 1, 2 tiểu khu 283B xã Ba Cùm Bắc; khoảnh 1 tiểu khu 287B thị trấn Tô Hạp thuộc huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hoà. Quy mô quy hoạch: 52,15 ha		
Hiện trạng (nếu đã được thiết lập)	- Hiện trạng rừng Rừng gỗ trồng núi đất	TG	41,40 ha

	<p>Diện tích đã trồng cây rừng nhưng DTR 10,22 ha chưa đạt các tiêu chí thành rừng</p> <p>Diện tích khác DTK 0,53 ha</p> <p>- Hiện trạng sử dụng đất</p> <p>Đất có rừng sản xuất là rừng trồng RST 51,62 ha</p> <p>Đất trồng cây hàng năm CHN 0,53 ha</p> <p>- Tài nguyên đa dạng sinh học, lợi thế về địa hình, cảnh quan: tài nguyên đa dạng phong phú, địa hình núi cao, cảnh quan thiên nhiên hoang sơ kỳ vĩ.</p> <p>- Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.</p>
Định hướng loại hình du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Khu chuyên về du lịch với nhà trên cây, các đường đi bộ trên không - Du lịch sinh thái - Du lịch nghỉ dưỡng
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ chăm sóc sức khỏe - Dịch vụ lưu trú, ăn uống - Dịch vụ hàng hóa (sản phẩm địa phương) - Dịch vụ tham quan và chụp ảnh lưu niệm - Dịch hướng dẫn viên - Dịch vụ vui chơi giải trí, sân thể thao giải trí - Mô hình nông, lâm, ngư nghiệp kết hợp - Mô hình giáo dục môi trường, mô hình thực nghiệm
Định hướng khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng trong nước và khách quốc tế
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan	<ul style="list-style-type: none"> - Danh lam thắng cảnh thác Tà Gụ - Di tích lịch sử căn cứ cách mạng Tô Hạp - Di tích khảo cổ địa điểm dộc Gạo - Khu Di tích Hang Tinh ủy
Phương thức tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> - Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết

	- Cho thuê môi trường rừng
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại và mật độ, tỷ lệ xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu xây dựng: Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng. - Chiều cao công trình tối đa 12m tính từ cốt $\pm 0.00m$. - Thời gian tồn tại: Tuổi thọ công trình 30 năm. - Mật độ, tỷ lệ xây dựng: 5% tổng diện tích hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.
Các hạng mục đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, lắp dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại vị trí khoảnh 1, 2 tiểu khu 283B xã Ba Cùm Bắc; khoảnh 1 tiểu khu 287B thị trấn Tô Hạp thuộc huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hoà. - Quy mô xây dựng: 2,61 ha; bao gồm: Các cụm công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (công trình đón tiếp; nhà hàng; công trình dịch vụ; công trình hội nghị, hội thảo; công trình nghỉ dưỡng, lưu trú; các công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy, chữa cháy, nhà lán bảo vệ rừng, trạm sạc xe điện,...);...). <p><i>Chi tiết các cụm công trình xây dựng trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng và các cụm công trình xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ dưới tán rừng, nổi trên mặt nước phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được thiết kế chi tiết tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.</i></p>
Chi phí ước tính	- Tổng nguồn vốn thực hiện được xác định tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2025 - 2029
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích cho cộng đồng: Tạo thêm công việc cho người dân trong vùng du lịch... - Lợi ích cho bảo tồn: Bảo tồn được nguồn gen động, thực vật; Bảo tồn và quảng bá được nét văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc nơi đây. - Lợi ích kinh tế: Tạo thêm nguồn thu nhập cho người dân địa phương...

Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	- Ô nhiễm môi trường; ô nhiễm nguồn nước; phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nguyên trạng...
Ghi chú	

Bảng 24. Thuyết minh quy hoạch khu du lịch sinh thái Ba Cùm Nam

Tên điểm du lịch	Khu du lịch sinh thái Ba Cùm Nam																										
Vị trí, quy mô	Vị trí: khoảnh 5, 7 tiểu khu 288 xã Ba Cùm Nam; khoảnh 2, 4 tiểu khu 291 xã Ba Cùm Nam; 2, 3, 4, 5, 6 tiểu khu 293 xã Ba Cùm Nam; khoảnh 1, 2, 3, 4, 5 tiểu khu 294 xã Ba Cùm Nam; khoảnh 1, 2, 3 tiểu khu 295 xã Ba Cùm Nam, huyện Khánh Sơn; khoảnh 4, 7 tiểu khu 324 xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà. Quy mô quy hoạch: 513,34 ha.																										
Hiện trạng (nếu đã được thiết lập)	<p>- Hiện trạng rừng</p> <table border="0"> <tr> <td>Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng TXK</td> <td>30,29 ha</td> </tr> <tr> <td>lá rừng nghèo kiệt</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Rừng hỗn giao cây lá rộng và cây lá kim RKB</td> <td>181,67 ha</td> </tr> <tr> <td>rừng trung bình</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Rừng gỗ trồng núi đất</td> <td>TG 272,45 ha</td> </tr> <tr> <td>Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng</td> <td>DTR 8,31 ha</td> </tr> <tr> <td>Diện tích có cây tái sinh</td> <td>DTTS 8,23 ha</td> </tr> <tr> <td>Diện tích khác</td> <td>DTK 12,39 ha</td> </tr> </table> <p>- Hiện trạng sử dụng đất</p> <table border="0"> <tr> <td>Đất có rừng sản xuất là rừng trồng</td> <td>RST 281,96 ha</td> </tr> <tr> <td>Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</td> <td>RSN 92,65 ha</td> </tr> <tr> <td>Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên</td> <td>RPN 119,36 ha</td> </tr> <tr> <td>Đất núi đồi chưa sử dụng</td> <td>DCS 17,28 ha</td> </tr> <tr> <td>Đất trồng cây hàng năm</td> <td>CHN 2,09 ha</td> </tr> </table> <p>- Tài nguyên đa dạng sinh học, lợi thế về địa hình, cảnh quan: tài nguyên đa dạng phong phú, địa hình núi cao, cảnh quan thiên nhiên hoang sơ kỳ vĩ.</p>	Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng TXK	30,29 ha	lá rừng nghèo kiệt		Rừng hỗn giao cây lá rộng và cây lá kim RKB	181,67 ha	rừng trung bình		Rừng gỗ trồng núi đất	TG 272,45 ha	Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng	DTR 8,31 ha	Diện tích có cây tái sinh	DTTS 8,23 ha	Diện tích khác	DTK 12,39 ha	Đất có rừng sản xuất là rừng trồng	RST 281,96 ha	Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN 92,65 ha	Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên	RPN 119,36 ha	Đất núi đồi chưa sử dụng	DCS 17,28 ha	Đất trồng cây hàng năm	CHN 2,09 ha
Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng TXK	30,29 ha																										
lá rừng nghèo kiệt																											
Rừng hỗn giao cây lá rộng và cây lá kim RKB	181,67 ha																										
rừng trung bình																											
Rừng gỗ trồng núi đất	TG 272,45 ha																										
Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng	DTR 8,31 ha																										
Diện tích có cây tái sinh	DTTS 8,23 ha																										
Diện tích khác	DTK 12,39 ha																										
Đất có rừng sản xuất là rừng trồng	RST 281,96 ha																										
Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN 92,65 ha																										
Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên	RPN 119,36 ha																										
Đất núi đồi chưa sử dụng	DCS 17,28 ha																										
Đất trồng cây hàng năm	CHN 2,09 ha																										

	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
Định hướng loại hình du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Khu chuyên về vui chơi trẻ em, các hoạt động dã ngoại nhưng an toàn với trẻ em, học sinh trong tỉnh và ngoại tỉnh - Du lịch nghỉ dưỡng
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ chăm sóc sức khỏe - Dịch vụ lưu trú, ăn uống - Dịch vụ hàng hóa (sản phẩm địa phương) - Dịch vụ tham quan và chụp ảnh lưu niệm - Dịch hướng dẫn viên - Dịch vụ vui chơi giải trí, sân thể thao giải trí - Mô hình nông, lâm, ngư nghiệp kết hợp - Mô hình giáo dục môi trường, mô hình thực nghiệm
Định hướng khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng trong nước và khách quốc tế
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan	<ul style="list-style-type: none"> - Danh lam thắng cảnh thác Tà Gụ - Di tích lịch sử căn cứ cách mạng Tô Hạp - Di tích khảo cổ địa điểm dốc Gạo - Khu Di tích Hang Tinh úy
Phương thức tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> - Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê môi trường rừng
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại và mật độ, tỷ lệ xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu xây dựng: Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng. - Chiều cao công trình tối đa 12m tính từ cốt ±0.00m. - Thời gian tồn tại: Tuổi thọ công trình 30 năm. - Mật độ, tỷ lệ xây dựng: 5% tổng diện tích hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.
Các hạng mục đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, lắp dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại vị trí khoảnh 5, 7 tiểu khu 288 xã Ba Cùm Nam; khoảnh 2, 4 tiểu khu 291 xã Ba Cùm

	<p>Nam; 2, 3, 4, 5, 6 tiểu khu 293 xã Ba Cùm Nam; khoảnh 1, 2, 3, 4, 5 tiểu khu 294 xã Ba Cùm Nam; khoảnh 1, 2, 3 tiểu khu 295 xã Ba Cùm Nam, huyện Khánh Sơn; khoảnh 4, 7 tiểu khu 324 xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà.</p> <p>- Quy mô xây dựng: 25,65 ha; bao gồm: Các cụm công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (công trình đón tiếp; nhà hàng; công trình dịch vụ; công trình hội nghị, hội thảo; công trình nghỉ dưỡng, lưu trú; các công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy, chữa cháy, nhà lán bảo vệ rừng, trạm sạc xe điện,...);...).</p> <p><i>Chi tiết các cụm công trình xây dựng trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng và các cụm công trình xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ dưới tán rừng, nổi trên mặt nước phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được thiết kế chi tiết tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.</i></p>
Chi phí ước tính	- Tổng nguồn vốn thực hiện được xác định tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2025 - 2029
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	<p>- Lợi ích cho cộng đồng: Tạo thêm công việc cho người dân trong vùng du lịch...</p> <p>- Lợi ích cho bảo tồn: Bảo tồn được nguồn gen động, thực vật; Bảo tồn và quảng bá được nét văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc nơi đây.</p> <p>- Lợi ích kinh tế: Tạo thêm nguồn thu nhập cho người dân địa phương...</p>
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	- Ô nhiễm môi trường; ô nhiễm nguồn nước; phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nguyên trạng...
Ghi chú	

Bảng 25. Thuyết minh quy hoạch khu du lịch sinh thái đỉnh đèo Khánh Sơn

Tên điểm du lịch	Khu du lịch sinh thái đỉnh đèo Khánh Sơn
Vị trí, quy mô	Vị trí: khoảng 6 tiểu khu 314 xã Cam Phước Tây huyện Cam Lâm tỉnh Khánh Hoà Quy mô quy hoạch: 4,95 ha
Hiện trạng (nếu đã được thiết lập)	- Hiện trạng rừng Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa DTR 0,72 ha đạt các tiêu chí thành rừng Diện tích khác DTK 4,23 ha - Hiện trạng sử dụng đất Đất mục đích công cộng (Giao CCC 0,31 ha thông) Đất núi đồi chưa sử dụng DCS 4,64 ha - Tài nguyên đa dạng sinh học, lợi thế về địa hình, cảnh quan: tài nguyên đa dạng phong phú, địa hình núi cao, cảnh quan thiên nhiên hoang sơ kỳ vĩ. - Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
Định hướng loại hình du lịch	- Khu chuyên về biểu diễn trưng bày văn hoá, một dạng bảo tàng ngoài trời và trong nhà kết hợp giữa du lịch và tìm hiểu văn hoá. Gian hàng trưng bày sản phẩm nông sản địa phương - Du lịch nghỉ dưỡng
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	- Dịch vụ chăm sóc sức khoẻ - Dịch vụ lưu trú, ăn uống - Dịch vụ hàng hóa (sản phẩm địa phương) - Dịch vụ tham quan và chụp ảnh lưu niệm - Dịch vụ vui chơi giải trí, sân thể thao giải trí - Mô hình nông, lâm, ngư nghiệp kết hợp - Mô hình giáo dục môi trường, mô hình thực nghiệm - Dịch hướng dẫn viên
Định hướng khách hàng	- Khách hàng trong nước và khách quốc tế

Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan	<ul style="list-style-type: none"> - Danh lam thắng cảnh thác Tà Gụ - Di tích lịch sử căn cứ cách mạng Tô Hạp - Di tích khảo cổ địa điểm dốc Gạo - Khu Di tích Hang Tinh úy
Phương thức tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> - Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê môi trường rừng
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại và mật độ, tỷ lệ xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu xây dựng: Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng. - Chiều cao công trình tối đa 12m tính từ cốt $\pm 0.00m$. - Thời gian tồn tại: Tuổi thọ công trình 30 năm. - Mật độ, tỷ lệ xây dựng: 5% tổng diện tích hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng
Các hạng mục đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, lắp dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại vị trí khoảng 6 tiểu khu 314 xã Cam Phước Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà. - Quy mô xây dựng: 0,2475 ha; bao gồm: Các cụm công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (công trình đón tiếp; nhà hàng; công trình dịch vụ; công trình hội nghị, hội thảo; công trình nghỉ dưỡng, lưu trú; các công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy, chữa cháy, nhà lán bảo vệ rừng, trạm sạc xe điện,...);...). <p><i>Chi tiết các cụm công trình xây dựng trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng và các cụm công trình xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ dưới tán rừng, nổi trên mặt nước phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được thiết kế chi tiết tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.</i></p>
Chi phí ước tính	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng nguồn vốn thực hiện được xác định tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
Thời gian thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn: 2025 - 2029

<p>Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế</p>	<p>- Lợi ích cho cộng đồng: Tạo thêm công việc cho người dân trong vùng du lịch...</p> <p>- Lợi ích cho bảo tồn: Bảo tồn được nguồn gen động, thực vật; Bảo tồn và quảng bá được nét văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc nơi đây.</p> <p>- Lợi ích kinh tế: Tạo thêm nguồn thu nhập cho người dân địa phương...</p>
<p>Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý</p>	<p>- Ô nhiễm môi trường; ô nhiễm nguồn nước; phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nguyên trạng...</p>
<p>Ghi chú</p>	

2.5.2. Định hướng và thuyết minh phương án lựa chọn các tuyến du lịch

2.5.2.1. Nguyên tắc, tiêu chí chung về việc lựa chọn cá tuyến du lịch

- Tuyến du lịch là lộ trình liên kết các khu du lịch, điểm du lịch, điểm tham quan, cơ sở cung cấp các dịch vụ du lịch, gắn với các tuyến giao thông đường mòn. Các tuyến du lịch được xem là những sản phẩm du lịch đặc biệt, việc xác định các tuyến du lịch phải dựa vào một số tiêu chí nhất định để đảm bảo được tính hấp dẫn cao của sản phẩm du lịch. Cũng như việc lựa chọn và xây dựng các điểm, việc lựa chọn và phát triển các tuyến du lịch cũng cần tuân thủ các nguyên tắc và có tiêu chí lựa chọn nhất định.

- Tuyến du lịch được lựa chọn là tuyến có khả năng kết nối ít nhất 2 điểm du lịch hoặc 2 điểm tham quan trở lên; có khả năng hấp dẫn khách du lịch; mang lại lợi ích hài hòa và lâu dài đối với các các bên tham gia hoạt động du lịch. Việc xây dựng tuyến du lịch cho RPH Nam Khánh Hòa dựa vào các tiêu chí sau:

- Có sức hấp dẫn và có điểm nhấn nổi bật về cảnh quan thiên nhiên, các đặc điểm văn hóa - xã hội, tâm linh và lịch sử;
- Có khả năng kết nối các điểm du lịch và điểm tham quan;
- Có điều kiện về cơ sở hạ tầng tốt, dễ tiếp cận tới các điểm tham quan trên tuyến;
- Có nhiều hoạt động trải nghiệm các giá trị tự nhiên, giá trị sinh thái;
- Có thể cung ứng nhiều vụ chất lượng với giá cả phù hợp;
- Có thể gắn với các hoạt động giáo dục và nâng cao nhận thức về thiên nhiên, về đa dạng sinh học;
- Không khí trong lành, cảnh quan tự nhiên đẹp và gắn với văn hóa dân tộc;
- Đạt hiệu quả tối ưu trong quá trình xây dựng và khai thác;

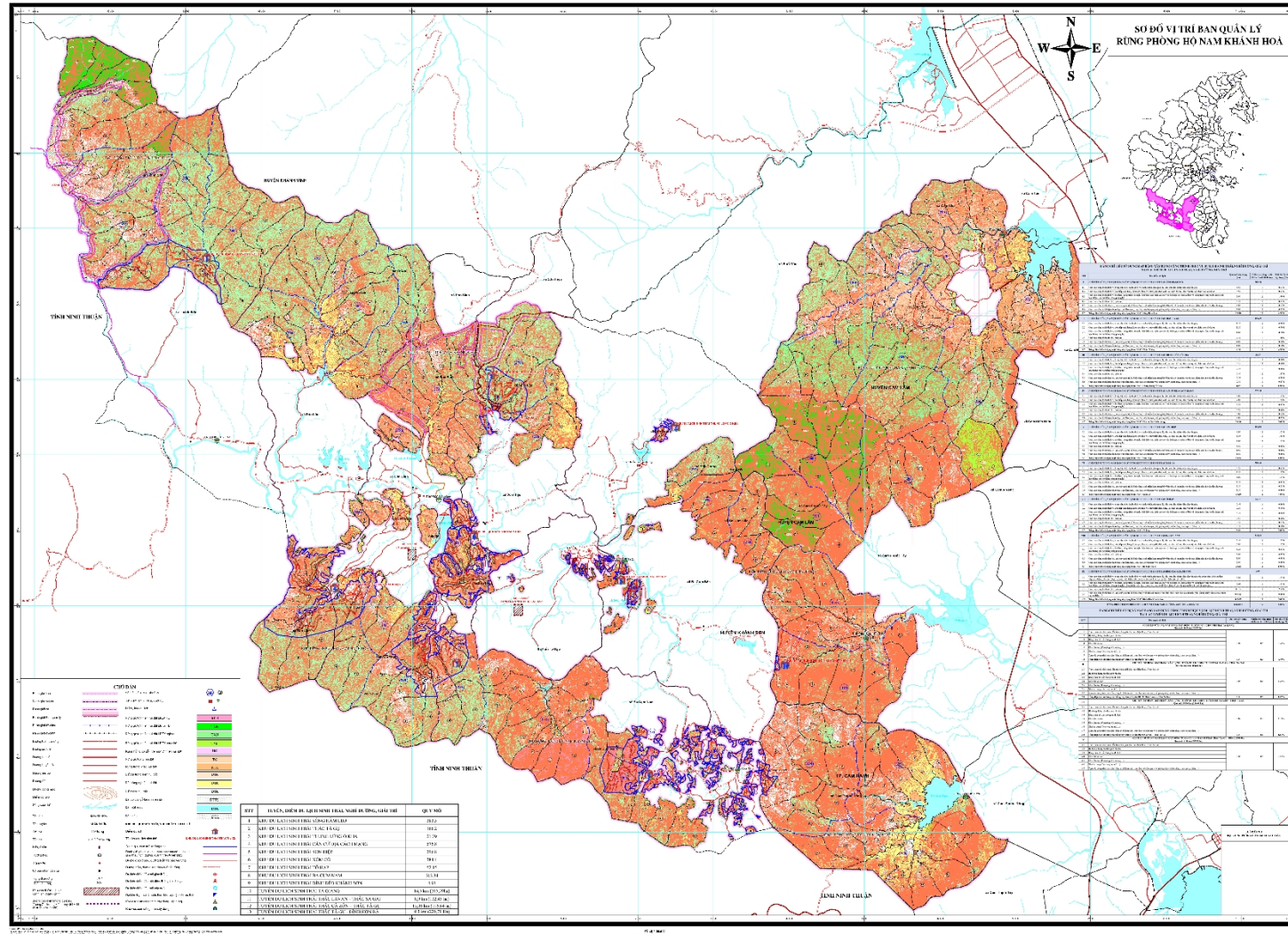
- Có khả năng khai thác với khoảng thời gian thích hợp;
- Đảm bảo về an ninh, an toàn cho du khách.

- Các công trình trạm quan sát cảnh quan, lều trú chân giải khát, sạc điện thoại, khu nhà vệ sinh,... được xây dựng trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng (bao gồm khoảnh đất trống theo bản đồ hiện trạng rừng, các ô đất trống theo thực tế khi tiến hành đo đạc tổ chức thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại mỗi tuyến du lịch). Tuyến du lịch được xác định bởi các điểm được nêu ra trên tuyến, phạm vi khai thác các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong ranh giới tuyến du lịch sinh thái được thể hiện tại bản đồ tuyến du lịch sinh thái.

- Tuyến du lịch được xác định bởi các điểm được nêu ra trên tuyến, phạm vi khai thác các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong ranh giới tuyến du lịch sinh thái được thể hiện tại bản đồ tuyến du lịch sinh thái.

- Dựa trên nguyên tắc và tiêu chí lựa chọn tuyến du lịch kết hợp qua điều tra khảo sát tình hình thực tế BQL RPH Nam Khánh Hòa quy hoạch phát triển 4 tuyến du lịch như sau:

- + Tuyến du lịch sinh thái Tà Giang
- + Tuyến du lịch sinh thái thác LaVan – thác Sa Gai
- + Tuyến du lịch sinh thái thác Cà Zôn – thác Tà Gụ
- + Tuyến du lịch sinh thái thác Tà Gụ - đỉnh Hòn Bà



Hình 18. Sơ đồ bản vẽ tổng mặt bằng các tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch

2.5.2.2. Thuyết minh chi tiết các tuyến du lịch

Bảng 26. Thuyết minh tuyến du lịch sinh thái Tà Giang

Tên tuyến	Tuyến du lịch sinh thái Tà Giang
Loại hình du lịch trên tuyến	- Giáo dục môi trường rừng - Du lịch trải nghiệm - Du lịch sinh thái - Du lịch nghỉ dưỡng, lưu trú, ăn uống
Các điểm tham quan, trải nghiệm trên tuyến	- Sông Hàm Leo - Hệ sinh thái rừng tự nhiên
Phương tiện sử dụng du lịch trên tuyến	- Đi bộ, leo núi - Đạp xe - Xe địa hình
Nhóm khách hàng ưu tiên	- Khách hàng trong nước và quốc tế
Vị trí, quy mô và chiều dài tuyến	- Vị trí: khoảnh 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9 tiểu khu 257 và khoảnh 2, 4, 6, 7, 9, 11, 12 tiểu khu 259 xã Thành Sơn, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa. - Quy mô: 265,79 ha - Chiều dài tuyến: 16,5 km
Hiện trạng	- Hiện trạng rừng Rừng lá rộng thường xanh và nửa TXB 4,65 ha rừng lá rừng trung bình Rừng lá rộng thường xanh và nửa TXK 75,92 ha rừng lá rừng nghèo kiệt Diện tích có cây tái sinh DTTS 91,34 ha Diện tích khác DTK 93,88 ha - Hiện trạng sử dụng đất Đất có rừng PH là rừng tự nhiên RPN 80,57 ha Đất đồi núi chưa sử dụng DCS 144,37 ha Núi đá không có cây rừng NCS 19,26 ha Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối SON 21,59 ha

Thời gian	- Trong ngày hoặc 2 ngày 1 đêm
Mô tả chi tiết về lịch trình	- Buổi sáng du khách chuẩn bị đồ, dụng cụ phục vụ cho chuyến đi và đến điểm xuất phát tại khu vực cầu Hàm Leo đi dọc theo bên bờ sông Tà Giang tìm hiểu các loài thực vật sống ở 2 bên bờ sông và các loài động vật sống dưới nước đến trưa di chuyển khoảng được 8km du khách dừng nghỉ ngơi, cắm trại, ăn uống và câu cá bên bờ sông. Đến đầu giờ chiều du khách bắt đầu cuộc hành trình tiếp theo khoảng 8,5 km đến nơi thượng nguồn của dòng sông Tà Giang du khách nghỉ ngơi, cắm trại qua đêm đến hôm sau quay trở lại điểm xuất phát hoặc quay lại trong ngày.
Phương thức tổ chức	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê môi trường rừng
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại và mật độ, tỷ lệ xây dựng	- Vật liệu xây dựng: Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng. - Chiều cao công trình tối đa 12m tính từ cốt ±0.00m. - Thời gian tồn tại: Tuổi thọ công trình 30 năm. - Mật độ, tỷ lệ xây dựng: 0,49%
Các hạng mục dự kiến đầu tư	- Xây dựng, lắp dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại vị trí khoảnh 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9 tiểu khu 257 và khoảnh 2, 4, 6, 7, 9, 11, 12 tiểu khu 259 xã Thành Sơn, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa. - Quy mô xây dựng: 1,3 ha; bao gồm: Các cụm công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí ((Trạm quan sát cảnh quan; lều trú chân; giải khát; trạm bảo vệ; khu nhà vệ sinh; khu cắm trại (Camping, glamping,...); nhà lắp dựng (Dịch vụ, lưu trú,...); các công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy, chữa cháy, nhà lán bảo vệ rừng, trạm sạc xe điện,...);...)). <i>Chi tiết các cụm công trình xây dựng trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng và các cụm công trình xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp</i>

	<i>ghép, dễ tháo dỡ dưới tán rừng, nổi trên mặt nước phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được thiết kế chi tiết tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.</i>
Chi phí ước tính	- Tổng nguồn vốn thực hiện được xác định tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2025 - 2029
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo ra nguồn thu đóng góp cho công tác bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học - Nhân lực tham gia hoạt động hướng dẫn, diễn giải từ 2-4 người khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương. - Tạo cơ hội việc làm cho cộng đồng, cán bộ BQL RPH Nam Khánh Hòa trong việc tham gia các hoạt động diễn giải môi trường, hướng dẫn, thuyết minh; góp phần tạo ra thu nhập, gia tăng nguồn thu của BQL thông qua các dịch vụ bán vé, phục vụ ăn uống, trông giữ xe, dịch vụ xe nổi tuyền. Góp phần nâng cao nhận thức về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học thông qua các hoạt động giáo dục và diễn giải môi trường.
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát lượng khách tiếp cận khu vực du lịch, số lượng khách du lịch quá đông hoặc vượt ngưỡng chịu tải sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường, hệ sinh thái trên tuyến và điểm du lịch. - Vấn đề rác thải và thu gom xử lý rác thải tại khu vực tuyền, điểm du lịch là vấn đề cần quan tâm, lượng khách du lịch đông khả năng phát thải rác là rất lớn, gây ảnh hưởng đến môi trường và cảnh quan BQL.
Ghi chú	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát lượng khách, đánh giá sức tải về môi trường tại các điểm tham quan trên khu vực trên tuyến và điểm du lịch. - Kiểm soát vấn đề về rác thải, chất thải từ hoạt động du lịch tại khu vực trên tuyến và điểm du lịch.

Bảng 27. Thuyết minh tuyến du lịch sinh thái thác Lavan – thác Sa Gai

Tên tuyến	Tuyến du lịch sinh thái thác Lavan – thác Sa Gai
Loại hình du lịch trên tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Du lịch sinh thái - Giáo dục môi trường rừng - Du lịch trải nghiệm - Du lịch thể thao - Du lịch nghỉ dưỡng, lưu trú, ăn uống
Các điểm tham quan, trải nghiệm trên tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Thác Lavan - Thác Sa Gai - Sông Hàm Leo
Phương tiện sử dụng du lịch trên tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Đi bộ, leo núi - Xe đạp - Xe địa hình
Nhóm khách hàng ưu tiên	- Khách hàng trong nước và quốc tế
Chiều dài tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí: khoảng 3, 5 tiểu khu 258 và khoảng 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12 tiểu khu 259 xã Thành Sơn, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa. - Quy mô: 102,45 ha - Chiều dài tuyến: 8,9 km
Hiện trạng	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện trạng rừng <ul style="list-style-type: none"> Rừng lá rộng thường xanh và nửa TXK 71,62 ha rừng lá rừng nghèo kiệt Diện tích có cây tái sinh DTTS 22,2 ha Diện tích khác DTK 8,63 ha - Hiện trạng sử dụng đất <ul style="list-style-type: none"> Đất có rừng PH là rừng tự nhiên RPN 71,62 ha Đất đồi núi chưa sử dụng DCS 30,2 ha Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối SON 0,63 ha
Thời gian	- Trong ngày hoặc 2 ngày 1 đêm

<p>Mô tả chi tiết về lịch trình</p>	<p>- Buổi sáng khoảng 7h00 du khách chuẩn bị đồ, dụng cụ phục vụ cho chuyến đi và đến điểm xuất phát tại khu vực cầu Hàm Leo đi dọc theo bên bờ sông Hàm Leo tìm hiểu các loài thực vật sống ở 2 bên bờ sông và các loài động vật sống dưới nước. Khoảng 10h00 trưa du khách đến thác Lavan dừng chân cắm trại nghỉ ngơi, tắm suối, nướng đồ ăn và chiêm ngưỡng thác nước hùng vĩ. Sau khi dừng chân nghỉ ngơi đến khoảng 13h00 du khách tiếp tục di chuyển dưới tán rừng, nghe tiếng chim hót, tìm hiểu các loài thực vật, trên đường đi du khách có thể bắt gặp các loài động vật như chim, chà vá chân đen,... sau khoảng 2 tiếng di chuyển du khách đến thác Sa Gai du khách nghỉ ngơi, chiêm ngưỡng cảnh thác nước hùng vĩ, tắm suối, cắm trại tại nơi đây du khách có thể cắm trại lưu trú qua đêm với các hoạt động giải trí như câu cá, lội suối, đốt lửa trại,... Hoặc có thể về trong ngày</p>
<p>Phương thức tổ chức</p>	<p>- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê môi trường rừng</p>
<p>Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại và mật độ, tỷ lệ xây dựng</p>	<p>- Vật liệu xây dựng: Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng. - Chiều cao công trình tối đa 12m tính từ cốt ±0.00m. - Thời gian tồn tại: Tuổi thọ công trình 30 năm. - Mật độ, tỷ lệ xây dựng: 1,27%</p>
<p>Các hạng mục dự kiến đầu tư</p>	<p>- Xây dựng, lắp dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại vị trí khoảnh 3, 5 tiểu khu 258 và khoảnh 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12 tiểu khu 259 xã Thành Sơn, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa. - Quy mô xây dựng: 1,3 ha; bao gồm: Các cụm công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí ((Trạm quan sát cảnh quan; lều trú chân; giải khát; trạm bảo vệ; khu nhà vệ sinh; khu cắm trại (Camping, glamping,...); nhà lắp dựng (Dịch vụ, lưu trú,...); các công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy, chữa cháy, nhà lán bảo vệ rừng,</p>

	<p>trạm sạc xe điện,...);...).</p> <p><i>Chi tiết các cụm công trình xây dựng trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng và các cụm công trình xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ dưới tán rừng, nổi trên mặt nước phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được thiết kế chi tiết tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.</i></p>
Chi phí ước tính	- Tổng nguồn vốn thực hiện được xác định tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2025 - 2029
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo ra nguồn thu đóng góp cho công tác bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học - Nhân lực tham gia hoạt động hướng dẫn, diễn giải từ 2-4 người khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương. - Tạo cơ hội việc làm cho cộng đồng, cán bộ BQL RPH Nam Khánh Hòa trong việc tham gia các hoạt động diễn giải môi trường, hướng dẫn, thuyết minh; góp phần tạo ra thu nhập, gia tăng nguồn thu của BQL thông qua các dịch vụ bán vé, phục vụ ăn uống, trông giữ xe, dịch vụ xe nối tuyến. Góp phần nâng cao nhận thức về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học thông qua các hoạt động giáo dục và diễn giải môi trường.
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát lượng khách tiếp cận khu vực du lịch, số lượng khách du lịch quá đông hoặc vượt ngưỡng chịu tải sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường, hệ sinh thái trên tuyến và điểm du lịch. - Vấn đề rác thải và thu gom xử lý rác thải tại khu vực tuyến, điểm du lịch là vấn đề cần quan tâm, lượng khách du lịch đông khả năng phát thải rác là rất lớn, gây ảnh hưởng đến môi trường và cảnh quan BQL.
Ghi chú	- Kiểm soát lượng khách, đánh giá sức tải về môi trường tại các điểm tham quan trên khu vực trên tuyến và điểm du lịch.

	- Kiểm soát vấn đề về rác thải, chất thải từ hoạt động du lịch tại khu vực trên tuyến và điểm du lịch.
--	--

Bảng 28. Thuyết minh tuyến du lịch sinh thái thác Cà Zôn – thác Tà Gụ

Tên tuyến	Tuyến du lịch sinh thái thác Cà Zôn – thác Tà Gụ																				
Loại hình du lịch trên tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Du lịch sinh thái - Giáo dục môi trường rừng - Du lịch trải nghiệm - Du lịch thể thao - Du lịch nghỉ dưỡng, lưu trú, ăn uống 																				
Các điểm tham quan, trải nghiệm trên tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Trạm quản lý bảo vệ rừng Sơn Bình - Thác Cà Zôn - Thác Tà Gụ 																				
Phương tiện sử dụng du lịch trên tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Đi bộ, leo núi - Xe đạp - Xe địa hình 																				
Nhóm khách hàng ưu tiên	- Khách hàng trong nước và quốc tế																				
Vị trí, quy mô và chiều dài tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí: khoảng 3, 4, 5, 6, 7, 8 tiểu khu 265 xã Sơn Lâm và khoảng 1, 2, 3, 4, 5, 6 tiểu khu 273 xã Sơn Bình, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa - Quy mô: 116,64 ha - Chiều dài tuyến: 15,06 km 																				
Hiện trạng	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện trạng rừng <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="padding-left: 20px;">Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt</td> <td style="text-align: right; padding-right: 20px;">TXK</td> <td style="text-align: right; padding-right: 20px;">77,24</td> <td>ha</td> </tr> <tr> <td style="padding-left: 20px;">Rừng gỗ trồng núi đất</td> <td style="text-align: right; padding-right: 20px;">TG</td> <td style="text-align: right; padding-right: 20px;">21,42</td> <td>ha</td> </tr> <tr> <td style="padding-left: 20px;">Diện tích có cây tái sinh</td> <td style="text-align: right; padding-right: 20px;">DTTS</td> <td style="text-align: right; padding-right: 20px;">12,57</td> <td>ha</td> </tr> <tr> <td style="padding-left: 20px;">Diện tích khác</td> <td style="text-align: right; padding-right: 20px;">DTK</td> <td style="text-align: right; padding-right: 20px;">5,41</td> <td>ha</td> </tr> </table> - Hiện trạng sử dụng đất <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="padding-left: 20px;">Đất có rừng PH là rừng tự nhiên</td> <td style="text-align: right; padding-right: 20px;">RPN</td> <td style="text-align: right; padding-right: 20px;">77,24</td> <td>ha</td> </tr> </table> 	Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt	TXK	77,24	ha	Rừng gỗ trồng núi đất	TG	21,42	ha	Diện tích có cây tái sinh	DTTS	12,57	ha	Diện tích khác	DTK	5,41	ha	Đất có rừng PH là rừng tự nhiên	RPN	77,24	ha
Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt	TXK	77,24	ha																		
Rừng gỗ trồng núi đất	TG	21,42	ha																		
Diện tích có cây tái sinh	DTTS	12,57	ha																		
Diện tích khác	DTK	5,41	ha																		
Đất có rừng PH là rừng tự nhiên	RPN	77,24	ha																		

	Đất có rừng PH là rừng trồng RPT 21,42 ha Đất trồng cây hàng năm CHN 3,81 ha Đất đồi núi chưa sử dụng DCS 14,17 ha
Thời gian	- Trong ngày hoặc 2 ngày 1 đêm
Mô tả chi tiết về lịch trình	<p>- Buổi sáng khoảng 7h00 du khách chuẩn bị đồ, dụng cụ phục vụ cho chuyến đi và đến điểm xuất phát tại Trạm quản lý bảo vệ rừng Sơn Bình tại đây du khách được cán bộ kiểm lâm diễn thuyết về hệ sinh thái rừng, các tiêu bản thực vật,...sau đó du khách di chuyển dọc theo bờ suối khoảng 10h00 du khách đến thác Cà Zôn du khách dừng chân chiêm ngưỡng cảnh quan thác nước nước hùng vĩ nằm sâu trong rừng đại ngàn tại đây du khách nghỉ ngơi, tắm suối, ăn uống sau khi nghỉ ngơi sau chặng đường dài đến 13h00 du khách tiếp tục cuộc hành trình di chuyển dưới tán rừng ngắm nhìn hệ sinh thái rừng tự nhiên, những đỉnh núi cao đến khoảng 15h00 đến thác Tà Gụ du khách nghỉ ngơi chiêm ngưỡng cảnh quan núi rừng, thác nước tự nhiên, cắm trại, tổ chức các hoạt động ngoài trời như các trò chơi tập thể, cắm trại, giao lưu văn hoá địa phương, đốt lửa trại, câu cá, tắm suối,... Du khách có thể lưu trú qua đêm tại thác Tà Gụ hoặc có thể về điểm xuất phát kết thúc chuyến hành trình.</p>
Phương thức tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> - Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê môi trường rừng
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại và mật độ, tỷ lệ xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu xây dựng: Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng. - Chiều cao công trình tối đa 12m tính từ cốt ±0.00m. - Thời gian tồn tại: Tuổi thọ công trình 30 năm. - Mật độ, tỷ lệ xây dựng: 1,11%
Các hạng mục dự kiến đầu tư	- Xây dựng, lắp dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại vị trí khoảnh 3, 4, 5, 6, 7, 8 tiểu khu 265 xã Sơn Lâm và khoảnh 1, 2, 3, 4, 5, 6 tiểu khu 273 xã Sơn Bình, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa.

	<p>- Quy mô xây dựng: 1,3 ha; bao gồm: Các cụm công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí ((Trạm quan sát cảnh quan; lều trú chân; giải khát; trạm bảo vệ; khu nhà vệ sinh; khu cắm trại (Camping, glamping,...); nhà lắp dựng (Dịch vụ, lưu trú,...); các công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy, chữa cháy, nhà lán bảo vệ rừng, trạm sạc xe điện,...);...).</p> <p><i>Chi tiết các cụm công trình xây dựng trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trồng được tính theo độ tàn che của cây rừng và các cụm công trình xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ dưới tán rừng, nổi trên mặt nước phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được thiết kế chi tiết tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.</i></p>
Chi phí ước tính	- Tổng nguồn vốn thực hiện được xác định tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2025 - 2029
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	<p>- Tạo ra nguồn thu đóng góp cho công tác bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học</p> <p>- Nhân lực tham gia hoạt động hướng dẫn, diễn giải từ 2-4 người khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương.</p> <p>- Tạo cơ hội việc làm cho cộng đồng, cán bộ BQL RPH Nam Khánh Hòa trong việc tham gia các hoạt động diễn giải môi trường, hướng dẫn, thuyết minh; góp phần tạo ra thu nhập, gia tăng nguồn thu của BQL thông qua các dịch vụ bán vé, phục vụ ăn uống, trông giữ xe, dịch vụ xe nội tuyến. Góp phần nâng cao nhận thức về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học thông qua các hoạt động giáo dục và diễn giải môi trường.</p>
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	- Kiểm soát lượng khách tiếp cận khu vực du lịch, số lượng khách du lịch quá đông hoặc vượt ngưỡng chịu tải sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường, hệ sinh thái trên tuyến và điểm du lịch.

	- Vấn đề rác thải và thu gom xử lý rác thải tại khu vực tuyến, điểm du lịch là vấn đề cần quan tâm, lượng khách du lịch đông khả năng phát thải rác là rất lớn, gây ảnh hưởng đến môi trường và cảnh quan BQL.
Ghi chú	- Kiểm soát lượng khách, đánh giá sức tải về môi trường tại các điểm tham quan trên khu vực trên tuyến và điểm du lịch. - Kiểm soát vấn đề về rác thải, chất thải từ hoạt động du lịch tại khu vực trên tuyến và điểm du lịch.

Bảng 29. Thuyết minh tuyến du lịch sinh thái thác Tà Gụ - đỉnh Hòn Bà

Tên tuyến	Tuyến du lịch sinh thái thác Tà Gụ - đỉnh Hòn Bà
Loại hình du lịch trên tuyến	- Giáo dục môi trường rừng - Du lịch trải nghiệm - Du lịch sinh thái - Du lịch nghỉ dưỡng, lưu trú, ăn uống
Các điểm tham quan, trải nghiệm trên tuyến	- Thác Tà Gụ - Đỉnh Hòn Bà
Phương tiện sử dụng du lịch trên tuyến	- Đi bộ, leo núi - Đạp xe - Xe địa hình
Nhóm khách hàng ưu tiên	- Khách hàng trong nước và quốc tế
Vị trí, quy mô và chiều dài tuyến	- Vị trí: khoảnh 1, 2, 3, 6 tiểu khu 270 và khoảnh 1, 2 tiểu khu 273 xã Sơn Bình, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa - Quy mô: 229,71 ha - Chiều dài tuyến: 9,3 km
Hiện trạng	- Hiện trạng rừng Rừng lá rộng thường xanh và nửa TXK 218,72 ha rừng lá rừng nghèo kiệt Rừng gỗ trồng núi đất TG 4,07 ha

	<p>- Quy mô xây dựng: 1,3 ha; bao gồm: Các cụm công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí ((Trạm quan sát cảnh quan; lều trú chân; giải khát; trạm bảo vệ; khu nhà vệ sinh; khu cắm trại (Camping, glamping,...); nhà lắp dựng (Dịch vụ, lưu trú,...); các công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy, chữa cháy, nhà lán bảo vệ rừng, trạm sạc xe điện,...);...).</p> <p><i>Chi tiết các cụm công trình xây dựng trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng và các cụm công trình xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ dưới tán rừng, nổi trên mặt nước phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được thiết kế chi tiết tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.</i></p>
Chi phí ước tính	- Tổng nguồn vốn thực hiện được xác định tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2025 - 2029
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	<p>- Tạo ra nguồn thu đóng góp cho công tác bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học</p> <p>- Nhân lực tham gia hoạt động hướng dẫn, diễn giải từ 2-4 người khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương.</p> <p>- Tạo cơ hội việc làm cho cộng đồng, cán bộ BQL RPH Nam Khánh Hòa trong việc tham gia các hoạt động diễn giải môi trường, hướng dẫn, thuyết minh; góp phần tạo ra thu nhập, gia tăng nguồn thu của BQL thông qua các dịch vụ bán vé, phục vụ ăn uống, trông giữ xe, dịch vụ xe nối tuyến. Góp phần nâng cao nhận thức về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học thông qua các hoạt động giáo dục và diễn giải môi trường.</p>
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	<p>- Kiểm soát lượng khách tiếp cận khu vực du lịch, số lượng khách du lịch quá đông hoặc vượt ngưỡng chịu tải sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường, hệ sinh thái trên tuyến và điểm du lịch.</p> <p>- Vấn đề rác thải và thu gom xử lý rác thải tại khu vực tuyến, điểm du lịch là vấn đề cần quan tâm, lượng khách du lịch</p>

	đồng khả năng phát thải rác là rất lớn, gây ảnh hưởng đến môi trường và cảnh quan BQL.
Ghi chú	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát lượng khách, đánh giá sức tải về môi trường tại các điểm tham quan trên khu vực trên tuyến và điểm du lịch. - Kiểm soát vấn đề về rác thải, chất thải từ hoạt động du lịch tại khu vực trên tuyến và điểm du lịch.

2.5.3. Các phương thức tổ chức thực hiện

2.5.3.1. Phương thức tổ chức thực hiện

Phương thức tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Lâm nghiệp, gồm

- + Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa tự tổ chức;
- + Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa hợp tác, liên kết với tổ chức, cá nhân;
- + Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng.

- Đối với các điểm du lịch trong đề án được phê duyệt có bị chồng lấn với các diện tích của tổ chức, hộ gia đình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ranh giới diện tích chồng lấn trên bản đồ, QBL RPH Nam Khánh Hòa không đưa diện tích này vào cho thuê môi trường rừng, báo cáo cấp có thẩm quyền để xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

2.5.3.2. Giá cho thuê môi trường rừng

- Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 23 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ:

+ Chủ rừng được cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng phòng hộ thông qua hợp đồng cho thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

+ Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí lập hồ sơ đăng ký theo các yêu cầu của chủ rừng được quy định tại điểm b khoản 6 Điều 23 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và nộp cho chủ rừng.

+ Chủ rừng căn cứ hồ sơ đăng ký của tổ chức, cá nhân, tổ chức đánh giá để lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng bảo đảm theo tiêu chí của hồ sơ kỹ thuật và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn của mình. Trường hợp chỉ có

một tổ chức, cá nhân đủ điều kiện, chủ rừng tiến hành đàm phán, ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng, bảo đảm giá thuê môi trường rừng không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm, thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng. Trường hợp có hai tổ chức, cá nhân trở lên đủ điều kiện thì chủ rừng lựa chọn tổ chức, cá nhân có số điểm đánh giá hồ sơ cao nhất; trong đó, yếu tố giá là một tiêu chí trong hồ sơ kỹ thuật, bảo đảm không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm, thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng.

+ Trường hợp sau khi ký hợp đồng, tỷ lệ phần trăm trên tổng doanh thu theo thực tế được quy ra giá trị tuyệt đối thấp hơn mức giá trị tuyệt đối ghi trong hợp đồng ký kết thì số tiền tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng nộp cho chủ rừng tối thiểu bằng số tiền ghi trong hợp đồng.

+ Giá cho thuê môi trường rừng trong hồ sơ đăng ký của tổ chức, cá nhân được tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng doanh thu và phải quy ra giá trị tuyệt đối để chủ rừng đánh giá, được ghi rõ trong hợp đồng cho thuê môi trường rừng.

+ Thời gian thuê môi trường rừng không quá 30 năm, định kỳ 05 năm đánh giá việc thực hiện hợp đồng, hết thời gian cho thuê nếu bên thuê thực hiện đúng hợp đồng và có nhu cầu gia hạn thì chủ rừng xem xét kéo dài thời gian cho thuê không quá hai phần ba thời gian thuê lần đầu.

+ Trước khi ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng theo mẫu tại Phụ lục IA kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/07/2024, chủ rừng phải thực hiện kiểm kê, thống kê hiện trạng rừng theo trạng thái trên diện tích cho thuê môi trường rừng để làm căn cứ bàn giao mốc giới, hiện trạng và quản lý, giám sát, đánh giá việc thực hiện hợp đồng.

2.6. Đề xuất các danh mục dự án ưu tiên đầu tư, kinh phí thực hiện

2.6.1. Khái toán đầu tư, nguồn vốn, phân kỳ đầu tư và phương án huy động vốn

- Tổng nguồn vốn thực hiện được xác định tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Phân kỳ đầu tư được xác định tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Phương án huy động vốn:

+ Kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa): Chủ yếu từ hình thức cho thuê môi trường rừng, hợp tác liên kết để phát triển DLST. Đây là phương thức huy động chính từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư phát triển DLST RPH Nam Khánh Hòa giai đoạn 2025 - 2029;

- Sau khi đề án được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt BQL RPH Nam Khánh Hòa xây dựng hồ sơ kỹ thuật để tổ chức lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng, hợp tác liên kết đảm bảo công bằng, khách quan, công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật hiện hành; Tổng vốn của các phân khu được tạm xác định theo quy hoạch tổng mặt bằng bố trí công trình. Trong quá trình triển khai từng dự án cụ thể nhà đầu tư có thể nâng hoặc giảm tổng mức theo kế hoạch kinh doanh của công ty để đảm bảo hiệu quả đầu tư cao nhất. Nhà đầu tư được điều giá trị vốn đầu tư nhưng không được xây dựng vượt quá các chỉ tiêu diện tích xây dựng đã phê duyệt trong đề án.

- Đề án xác định tối ưu nguồn lực kêu gọi đầu tư bằng hình thức cho thuê môi trường và hợp tác liên kết để phát triển DLST trong RPH Nam Khánh Hòa giai đoạn 2025 - 2029 nhằm đạt được mục tiêu chung của đề án và hiệu quả kinh tế cao nhất.

2.6.2. Các dự án ưu tiên phát triển

* Tiêu chí lựa chọn các dự án ưu tiên đầu tư:

- Việc lựa chọn các dự án ưu tiên đầu tư cần thiết phải xem xét đến nhiều yếu tố đảm bảo tính hiệu quả trong thực hiện đầu tư phát triển du lịch sinh thái vừa đạt hiệu quả kinh tế, đảm bảo gìn giữ các yếu tố về môi trường, văn hoá xã hội, cân bằng lợi ích giữa phát triển kinh tế và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường. Do đó, việc lựa chọn các dự án ưu tiên đầu tư phát triển du lịch sinh thái trong RPH Nam Khánh Hòa được xem xét dựa trên một số tiêu chí và nguyên tắc sau đây:

- Có nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên hấp dẫn
- Dễ dàng tiếp cận (hệ thống giao thông thuận lợi, các điều kiện về hạ tầng như điện, nước, viễn thông thuận lợi cho phát triển du lịch)
- Có mặt bằng và diện tích đất trống phù hợp để triển khai dự án
- Không phá vỡ cấu trúc hệ sinh thái rừng
- Có giá trị về giáo dục môi trường
- Dễ dàng thu hút đầu tư phát triển du lịch sinh thái
- Dễ dàng trong thực hiện công tác quản lý, giám sát hoạt động du lịch sinh thái
- Khả năng thu hồi vốn nhanh

* Các dự án ưu tiên đầu tư: Việc lựa chọn các dự án ưu tiên đầu tư cần thiết phải xem xét đến nhiều yếu tố đảm bảo tính hiệu quả trong thực hiện đầu tư phát triển du lịch sinh thái vừa đạt hiệu quả kinh tế, đảm bảo gìn giữ các yếu tố về môi trường,

văn hoá xã hội, cân bằng lợi ích giữa phát triển kinh tế và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường. Do đó, việc lựa chọn các dự án ưu tiên đầu tư phát triển du lịch sinh thái trong RPH Nam Khánh Hòa được sắp xếp theo thứ tự:

Bảng 30. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, nguồn vốn và phương thức thực hiện

TT	Tên dự án	Nội dung các công việc	Giai đoạn triển khai	Nguồn vốn	Phương thức thực hiện
1	Khu du lịch sinh thái sông Hàm Leo	Tổ chức thực hiện lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại khu du lịch sinh thái sông Hàm Leo. Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh. Tổ chức vận hành.	2025 - 2029	Kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa)	Tự tổ chức Hợp tác - liên kết Cho thuê môi trường rừng
2	Khu du lịch sinh thái thác Tà Gụ	Tổ chức thực hiện lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại khu du lịch sinh thái thác Tà Gụ. Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh. Tổ chức vận hành.	2025 - 2029	Kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa)	Tự tổ chức Hợp tác - liên kết Cho thuê môi trường rừng
3	Khu du lịch sinh thái thung lũng Ô Kha	Tổ chức thực hiện lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại khu du lịch sinh thái thung lũng Ô Kha. Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh. Tổ chức vận hành.	2025 - 2029	Kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa)	Tự tổ chức Hợp tác - liên kết Cho thuê môi trường rừng
4	Khu du lịch sinh thái căn cứ địa cách mạng	Tổ chức thực hiện lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại khu du lịch sinh thái căn cứ địa cách mạng. Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh.	2025 - 2029	Kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa)	Tự tổ chức Hợp tác - liên kết Cho thuê môi trường rừng

TT	Tên dự án	Nội dung các công việc	Giai đoạn triển khai	Nguồn vốn	Phương thức thực hiện
		Tổ chức vận hành.			
5	Khu du lịch sinh thái Sơn Hiệp	Tổ chức thực hiện lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại khu du lịch sinh thái Sơn Hiệp. Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh. Tổ chức vận hành.	2025 - 2029	Kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa)	Tự tổ chức Hợp tác - liên kết Cho thuê môi trường rừng
6	Khu du lịch sinh thái Xóm Cỏ	Tổ chức thực hiện lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại khu du lịch sinh thái Xóm Cỏ. Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh. Tổ chức vận hành.	2025 - 2029	Kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa)	Tự tổ chức Hợp tác - liên kết Cho thuê môi trường rừng
7	Khu du lịch sinh thái Tô Hạp	Tổ chức thực hiện lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại khu du lịch sinh thái Tô Hạp. Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh. Tổ chức vận hành.	2025 - 2029	Kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa)	Tự tổ chức Hợp tác - liên kết Cho thuê môi trường rừng
8	Khu du lịch sinh thái Ba Cùm Nam	Tổ chức thực hiện lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại khu du lịch sinh thái Ba Cùm Nam. Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh.	2025 - 2029	Kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa)	Tự tổ chức Hợp tác - liên kết Cho thuê môi trường rừng

TT	Tên dự án	Nội dung các công việc	Giai đoạn triển khai	Nguồn vốn	Phương thức thực hiện
		Tổ chức vận hành.			
9	Khu du lịch sinh thái đỉnh đèo Khánh Sơn	<p>Tổ chức thực hiện lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại khu du lịch sinh thái đỉnh đèo Khánh Sơn.</p> <p>Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phân thuyết minh.</p> <p>Tổ chức vận hành.</p>	2025 - 2029	Kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa)	<p>Tự tổ chức</p> <p>Hợp tác - liên kết</p> <p>Cho thuê môi trường rừng</p>

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ GIAI ĐOẠN 2025 – 2029 CỦA BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ NAM KHÁNH HÒA

3.1. Nhóm giải pháp về bảo vệ môi trường du lịch, bảo vệ phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và phòng cháy chữa cháy

3.1.1. Giải pháp bảo vệ môi trường du lịch

- Thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về Bảo vệ môi trường.
- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư, khách du lịch, các đơn vị kinh doanh trên địa bàn.
- Tổ chức theo dõi thường xuyên những biến động để có những giải pháp kịp thời khắc phục sự cố, tình trạng xuống cấp về tài nguyên thiên nhiên và môi trường du lịch.
- Chủ thể có liên quan khi triển khai thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải tuân thủ theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và hồ sơ môi trường được phê duyệt.
- Tăng cường biện pháp quản lý trong hoạt động xây dựng, vận hành và kinh doanh du lịch, khuyến khích các chủ thể tham gia hoạt động du lịch áp dụng các công nghệ thân thiện môi trường.
- Xử lý kịp thời, đúng quy định đối với tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường.
- Có phương án quản lý rác thải và nước thải cho tất cả các điểm, tuyến du lịch và có biện pháp thu gom và xử lý theo đúng quy định. Quản lý rác thải chú trọng phân loại từ nguồn dựa trên nguyên tắc giảm thải, tái sử dụng, tái chế nếu có thể. Bố trí linh hoạt các điểm thu gom rác ở những vị trí hợp lý để du khách và nhân viên có thể vứt rác đúng chỗ tạo thuận lợi cho quá trình thu gom và phân loại rác được dễ dàng hơn.
- Ban quản lý có kế hoạch giám sát và đánh giá dài hạn để đảm bảo giám sát và giảm thiểu được các tác động tới môi trường từ khi lập kế hoạch, đầu tư và khai thác.
- Xây dựng hệ thống biển báo, tờ rơi... nhằm tuyên truyền cho du khách chấp hành nghiêm chỉnh Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật có liên quan và nội quy, quy chế của Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hoà khi tham gia du lịch.

3.1.2. Giải pháp bảo vệ rừng, phát triển rừng

- Tổ chức thực hiện nghiêm các biện pháp tuần tra, kiểm soát, ngăn chặn triệt để tình trạng phá rừng; khai thác, vận chuyển, buôn bán lâm sản và các động vật thực hoang dã. Hàng năm xây dựng kế hoạch phối hợp với chính quyền địa phương, công an, quân đội, Hạt kiểm lâm địa phương tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái phép, phòng cháy chữa cháy rừng và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực lâm nghiệp theo quy định.

- Xác định rõ ranh giới, diện tích các tuyến, điểm tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trên bản đồ và ngoài thực địa bằng hệ thống biển báo.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; bảo tồn đa dạng sinh học, ưu tiên các loài nguy cấp, quý, hiếm; cập nhật thông tin diễn biến tài nguyên rừng cho từng lô trạng thái, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng và đất rừng cho các tuyến, địa điểm tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Xây dựng phương án tổ chức bảo vệ, thường xuyên tuần tra, phát hiện sâu bệnh hại rừng; ngăn chặn kịp thời các hành vi chặt phá cây rừng, chăn thả gia súc, săn bắn bẫy bắt động vật hoang dã và các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng; hướng dẫn khách du lịch thực hiện các nội quy của Ban Quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hoà và tại các điểm, tuyến du lịch.

- Kết hợp giữa các dự án trồng rừng với mô hình phát triển dược liệu, phát triển kinh tế dưới tán rừng.

- Đối với rừng tái sinh: Lập phương án trồng bổ sung cây bản địa và quản lý bảo vệ, không để sâu bệnh hại, cháy rừng, tăng cường các biện pháp kỹ thuật lâm sinh để rừng sinh trưởng và phát triển, tăng nhanh độ che phủ của rừng.

- Đối với rừng tự nhiên và rừng trồng: Thực hiện các biện pháp lâm sinh để làm giàu rừng bằng các cây bản địa, loài cây quý, hiếm để nâng cao độ che phủ của rừng và chất lượng rừng, phục hồi lại những diện tích rừng bị suy thoái; Bảo vệ diện tích rừng hiện có.

- Thực hiện mô hình trồng dược liệu dưới tán rừng, mô hình nông, lâm, ngư nghiệp kết hợp đối với các tổ chức cá nhân đã hợp tác, ký hợp đồng thuê môi trường rừng tại các điểm, tuyến du lịch được phép tổ chức trồng dược liệu dưới tán rừng và nông, lâm, ngư nghiệp kết hợp khi pháp luật cho phép. Các trình tự thủ tục sẽ tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành.

- Tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Tăng cường trồng cây xanh bản địa trong các khu vực diễn ra hoạt động phát triển du lịch và trong khu vực trung tâm dịch vụ du lịch, khu nhà nghỉ để tạo và khôi phục cảnh quan và cần có biện pháp để tránh việc du nhập các loài thực vật ngoại lai vào lấn át loài cây bản địa theo Luật Đa dạng sinh học năm 2028 và Thông tư số 35/2018/TT-BTMMT ngày 28/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các luật khác có liên quan.

3.1.3. Giải pháp bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học

- Xây dựng kế hoạch và bảo tồn toàn vẹn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và tài nguyên du lịch từng khu vực; xác định danh mục các tài nguyên có tính đa dạng sinh học cao để tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, bảo tồn.

- Xây dựng mạng lưới giám sát, đánh giá tài nguyên rừng, thường xuyên đánh giá về chất lượng tài nguyên rừng.

- Điều tra, giám sát các loài động, thực vật rừng, đặc biệt là các loài nguy cấp, quý, hiếm, đặc hữu.

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo tồn đa dạng sinh học cho cộng đồng dân cư, khách du lịch; ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi gây tổn hại tới đa dạng sinh học trong hoạt động du lịch.

- Xử lý nghiêm khắc các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học nói chung, vi phạm pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học trong lĩnh vực du lịch nói riêng để bảo đảm tính răn đe, ngăn chặn kịp thời các hành vi gây tổn hại tới đa dạng sinh học trong hoạt động du lịch, đồng thời buộc người vi phạm phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả bảo đảm khôi phục lại hiện trạng đa dạng sinh học đã bị xâm hại.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, cam kết không thực hiện các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 7 Luật Đa dạng sinh học 2008.

3.1.4. Giải pháp phòng cháy, chữa cháy

- Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Thường xuyên cập nhật thông tin thời tiết, nguy cơ và cấp cháy rừng, thông báo rộng rãi đến người dân khu vực lân cận và các tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng hoặc hợp tác liên kết tại các điểm, tuyến du lịch.

- Lắp đặt các biển báo tại khu vực có nguy cơ cao về cháy rừng, các địa điểm không được sử dụng lửa để du khách nhận biết.

- Thực hiện hiệu quả công tác phòng cháy chữa cháy rừng; xây dựng Phương án PCCCR theo từng giai đoạn, trong đó xác định các khu vực trọng điểm dễ cháy trong mùa khô hàng năm, xây dựng các giải pháp PCCCR như: Làm giảm vật liệu cháy, kiện toàn ban chỉ đạo, chuẩn bị các trang thiết bị phục vụ PCCCR và kích bản chữa cháy rừng theo phương châm 4 tại chỗ; tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về công tác PCCCR và các quy định trong công tác PCCCR tại các tuyến, điểm du lịch cho nhà đầu tư thuê môi trường rừng, hợp tác, liên kết và các công ty lữ hành biết đề thực hiện.

- Thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm soát; xây dựng các nhà, chòi canh lửa kết hợp với bảo vệ rừng; nhà, chòi canh lửa dự kiến xây mới tại các tuyến đường mòn, tuyến, điểm tổ chức hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí để kịp thời nắm bắt tình hình, phát hiện, ngăn chặn và thực hiện chữa cháy, hạn chế đến mức thấp nhất về thiệt hại khi có cháy xảy ra; tại các khu vực tiếp giáp với vị trí giao thông, khu dân cư, các khu tụ tập đông người cần ưu tiên phát triển các đường băng cản lửa để chống cháy lan.

- Tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng hoặc hợp tác liên kết tại các điểm, tuyến du lịch phải lập Phương án phòng cháy chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm quản lý đối với diện tích thuê môi trường rừng hoặc hợp tác liên kết điểm, tuyến du lịch, xây dựng hạ tầng PCCCR (Chòi canh lửa, bể nước,...). trong trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm, thực hiện báo cáo ngay cho Ban quản lý hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật.

3.2. Nhóm các giải pháp về cơ chế, chính sách và quản lý

- Chủ động đề xuất với UBND tỉnh trong việc xây dựng cơ chế chính sách sách khuyến khích nhà đầu tư tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái trong rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa theo hướng hợp tác liên kết, cho thuê môi trường rừng tại một số điểm, tuyến có tiềm năng phát triển DLST.

- Cần đề xuất chính sách nhằm khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái trong rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa, đặc biệt khuyến khích cộng đồng người dân tham gia vào các hoạt động DLST.

- Tham mưu cho chính quyền địa phương ban hành các chính sách khuyến khích phát triển du lịch cộng đồng, khuyến khích bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc tại địa phương, ưu đãi cho doanh nghiệp du lịch khi tiêu thụ sản phẩm trực tiếp từ cộng đồng hoặc liên kết du lịch với rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa.

- Ưu tiên các dự án đầu tư phát triển hạ tầng kết nối với các tuyến, điểm du lịch của khu rừng phòng hộ và các khu vực lân cận nhằm tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư liên doanh liên kết hoặc thuê môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái. Chủ động tháo gỡ các vướng mắc về mặt chính sách liên quan đến việc thực hiện các hoạt động DLST và nghỉ dưỡng trong rừng phòng hộ sao cho phù hợp với các quy định tại Điều 24 Nghị định 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 11 Điều 1 Nghị định 91/2024/NĐ-CP về Quản lý xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ.

- Đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính; ưu tiên hỗ trợ về đầu tư, thuế, lãi suất tín dụng, tiền thuê đất; hỗ trợ các nhà đầu tư trong công tác giải phóng mặt bằng.

3.3. Nhóm giải pháp nâng cao nhận thức và phát triển nguồn nhân lực du lịch

- Nâng cao nhận thức: Thông qua phát triển du lịch góp phần tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân địa phương và du khách về các giá trị tự nhiên đa dạng sinh học, văn hóa, lịch sử của vùng Đề án, từ đó nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Thông qua các hoạt động trong chuỗi lao động dịch vụ hoặc cung cấp sản phẩm sẽ thúc đẩy nhân dân địa phương tích cực tham gia vào các hoạt động bảo vệ rừng.

- Đối với phát triển nguồn nhân lực tại chỗ trong cộng đồng: cần đánh giá nguồn nhân lực địa phương tham gia trực tiếp và gián tiếp vào hoạt động du lịch. Trên cơ sở đó xây dựng lực lượng lao động du lịch đáp ứng yêu cầu về chất lượng, hợp lý về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo để đảm bảo tính chuyên nghiệp, đủ sức cạnh tranh, hội nhập khu vực. Góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, đáp ứng nhu cầu xã hội. Tập trung đào tạo nhân lực chuyên nghiệp, được đào tạo chính quy về du lịch.

- Nhân sự: Để đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch sinh thái và mục tiêu bảo tồn và phát triển bền vững tại khu vực rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa, BQL RPH Nam Khánh Hòa cần thành lập thêm một bộ phận chuyên môn về du lịch gồm những cán bộ chuyên môn hoặc cử các cán bộ chuyên trách có khả năng để đi đào tạo và quản lý và giám sát hoạt động du lịch.

- Khuyến khích các chủ đầu tư chú trọng thu hút và sử dụng nguồn nhân lực địa phương vào các hoạt động phục vụ khách du lịch như hướng dẫn du lịch, biểu diễn văn hóa nghệ thuật, cung ứng dịch vụ ẩm thực, lưu trú, gia công và bán đồ thủ công mỹ nghệ làm quà lưu niệm...

- Tuyển mới hoặc đào tạo về chuyên môn du lịch cho cán bộ được cử phụ trách hoạt động quản lý và giám sát về du lịch của Rừng phòng hộ.

3.4. Nhóm giải pháp về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất kỹ thuật

- Lập kế hoạch tổng thể đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật tại các điểm du lịch theo các hạng mục được đề xuất trong đề án.

- Gắn kết việc phát triển cơ sở hạ tầng du lịch với việc phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng.

- Trên cơ sở đề án, khuyến khích các cá nhân, tổ chức lập dự án thuê môi trường rừng, liên kết, nhận khoán kinh doanh dịch vụ du lịch để đầu tư các công trình phục vụ du lịch tại rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa.

- Huy động nguồn vốn xã hội hóa cho việc phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch: nhà nghỉ dưỡng trung và cao cấp, nhà nghỉ dạng lều hoặc Bungalow, trung tâm hội nghị, nhà hàng, phương tiện vận chuyển khách, quầy lưu niệm, quầy Café, các tuyến đường liên kết nội khu.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đảm bảo tuân thủ quy định theo phân khu chức năng quản lý và phân khu phát triển du lịch, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường, giảm thiểu tối đa tác động môi trường tự nhiên. Thiết lập các phân khu nhỏ nằm trong phân khu lớn để chia nhỏ và dễ quản lý tác động của các tuyến, điểm du lịch.

- Khi xây dựng phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về xây dựng hạ tầng hạ tầng trong RPH Nam Khánh Hòa, đặc biệt là xây dựng hệ thống đường, các khu nhà nghỉ, hệ thống cấp thoát nước, khu vui chơi giải trí, bãi đỗ xe.

- Quy hoạch giao thông:

+ Thiết kế quy hoạch mạng lưới đường đảm bảo liên hệ giữa các khu chức năng trong khu vực, phục vụ thuận tiện nhu cầu giao thông giữa các điểm tuyến du lịch sinh thái, đảm bảo mỹ quan và phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn về kinh tế, kỹ thuật.

+ Ưu tiên tận dụng tối đa các tuyến đường hiện trạng đã có trong khu vực các tuyến đường mòn, đường tuần tra bảo vệ, đường băng cản lửa kết hợp du lịch sinh thái trong khu vực nghiên cứu.

+ Đối với khu vực đỉnh đồi núi hạn chế các phương tiện giao thông xe cơ giới, ưu tiên sử dụng các tuyến xe thân thiện môi trường. Hệ thống giao thông bao gồm các tuyến đường giao thông nội bộ, tuyến đường mòn, đường sàn đạo dưới tán rừng, các điểm dừng đỗ và tránh xe, các tuyến giao thông được bố trí sát địa

hình để độ dốc dọc không vượt quá quy định theo quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành đảm bảo lưu thông thuận tiện, các tuyến giao thông được bố trí hài hòa, kết nối các khu vực có địa hình không quá dốc, nhằm tạo điều kiện cho việc bố trí các công trình tại các khu vực có khoảng đất trống, khu vực dưới tán rừng có thể xây dựng, lắp dựng các công trình phục vụ hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

+ Tuyến đường được lập các tuyến đường bộ phù hợp tối đa không vượt quá quy mô đường cấp IV miền núi và bám theo đường địa hình của khu vực. Đường cáp trên không (Zipline) định hướng trên bản đồ sẽ được thiết kế chi tiết tại bước lập dự án được thay đổi vị trí, chiều dài tuyến đường cáp theo ý tưởng đầu tư của nhà đầu tư tại từng tuyến điểm.

+ Tùy thuộc vào điều kiện hiện trạng để khoanh vùng giải pháp san nền, kết hợp giữa hiện trạng và thiết kế mới tổ chức hài hòa giữa nền và thoát nước hợp lý đảm bảo khu vực không bị ngập úng, đồng thời đảm bảo độ dốc tối thiểu. Cao độ nền giao thông đảm bảo bám sát đường đồng mức tự nhiên cố gắng sử dụng đến mức tối đa những mặt tốt của điều kiện tự nhiên, tận dụng hình dáng địa hình sẵn có, giữ những vùng cây xanh hiện trạng và các lớp đất màu nhằm mang hiệu về kiến trúc cảnh quan và không ảnh hưởng. Việc thiết kế, xây dựng nút giao điểm đầu nối phải tuân thủ theo yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn và yêu cầu thiết kế của ô tô hiện hành, đảm bảo khả năng thông hành và an toàn giao thông.

+ Tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng lập và gửi hồ sơ đến cơ quan đường bộ có thẩm quyền xem xét, chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của điểm đầu nối.

- Quy hoạch thoát nước mưa: Mạng lưới thoát nước mưa khu vực được vạch tuyến dựa trên nguyên tắc sao cho nước mưa thoát một cách nhanh nhất và hoàn toàn độc lập với hệ thống thoát nước thải. Hướng thoát nước toàn khu vực về các suối tự nhiên trong khu vực và đổ ra các khe tự thủy, sông, suối. Tạo hồ cảnh quan, điều tiết mặt nước và cải tạo vi khí hậu cho toàn khu vực. Thiết kế hệ thống kè dọc bờ suối, chống sạt lở và bảo vệ dòng chảy. Khơi thông và bảo vệ các cống hiện trạng. Hệ thống thoát nước mới đảm bảo vệ sinh môi trường. Tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng thiết kế các cống, bậc giảm tốc dòng chảy được tính toán phù hợp với lưu lượng và tuân thủ theo vận tốc tối đa và tối thiểu của tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.

- Quy hoạch cấp điện:

+ Các chủ thể có nhu cầu cấp điện xây dựng hệ thống cấp điện hoàn chỉnh riêng biệt, bao gồm hệ thống cấp điện trung thế 35KV, hệ thống hạ thế 0,4KV và

hệ thống chiếu sáng công cộng. Nguồn điện lấy từ hệ thống đường điện hiện trạng có tại lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa và các vùng phụ cận.

+ Các điểm du lịch, tuyến du lịch không có đường điện hiện trạng, chủ thể dựa vào Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là QH318); Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Khánh Hòa và mặt bằng quy hoạch dự kiến điểm đầu nối điện, tính toán công suất phụ tải điện của điểm thuê môi trường rừng, lập bộ hồ sơ xin thỏa thuận đầu nối điện với đơn vị quản lý điện tại địa bàn, bảo đảm phù hợp theo quy định.

+ Trên cơ sở Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020 – 2029 của Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa và Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được duyệt, Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa đề xuất nâng cấp hoặc bố trí mới các trạm biến áp hiện có nhằm đảm bảo công suất trạm do gia tăng phụ tải sử dụng (nếu có) với các cơ quan chức năng có liên quan tại địa phương. Chủ thể có liên quan chủ động thiết kế công trình điện đủ điều kiện để đầu nối vào mạng lưới điện của ngành điện theo đúng quy định.

- Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc: Hệ thống thông tin liên lạc dựa vào bản đồ vị trí đầu nối thông tin liên lạc. Tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng chủ động làm việc với nhà cung cấp để đầu nối đảm bảo đáp ứng thông tin liên lạc. Tổ chức, cá nhân thuê môi trường xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm viễn thông (hầm, hào, tuynel, cống, bể, ống) trên trục đường chính trong khu vực, đảm bảo hiệu quả đầu tư và các chỉ tiêu kỹ thuật. Phát triển tuyến truyền dẫn đến tất cả các khu vực dịch vụ, lưu trú đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng. Hoàn thiện hệ thống điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng phục vụ phát triển kinh tế - văn hóa – xã hội. Cấp quang hóa hệ thống mạng ngoại vụ khu vực đến tủ chia cáp và đến từng đường dây thuê bao. Ngầm hóa mạng ngoại vụ diện rộng trên địa bàn, Cột ăng ten phát triển theo hướng sử dụng chung, phát triển mạng hạ tầng cột ăng ten thu phát sóng ngụy trang đảm bảo mỹ quan cho khu vực thuê môi trường rừng.

- Quy hoạch cấp nước:

+ Cấp nước: Hệ thống cấp nước được khai thác từ nguồn nước mặt tại các con suối, khe nước, mố nước,... trong khu vực, nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ các hoạt động du lịch tại các điểm tham quan.

+ Đối với các điểm du lịch nằm phân tán, giải pháp cấp nước cho điểm là xây dựng các trạm xử lý nước riêng biệt tại từng điểm, sau khi xử lý đạt yêu cầu, nước sạch được bơm vào bể chứa sau đó sử dụng cho hoạt động du lịch.

+ Đối với các điểm không có nguồn nước mặt, sử dụng khoan thăm dò các mạch nước ngầm khai thác sử dụng, đảm bảo theo đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

+ Việc sử dụng tài nguyên nước mặt, nước ngầm phải tuân thủ theo quy định của Luật tài nguyên nước năm 2023 và các Nghị định hướng dẫn thi hành theo quy định.

- Quy hoạch thoát nước thải:

+ Thoát nước và xử lý nước thải, chỉ tiêu thoát nước thải bằng 100% lưu lượng cấp nước theo quy định hiện hành.

+ Tổ chức, cá nhân có liên quan khi triển khai thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí sẽ thực hiện hồ sơ môi trường theo quy định hiện hành.

+ Tổ chức, cá nhân có liên quan đầu tư xây dựng hệ thống đường ống gom nước thải về bể chứa của trạm xử lý nước thải theo dạng mô-dun tại từng điểm du lịch, nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

- Phòng cháy chữa cháy:

+ Trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án, đầu tư xây dựng, vận hành các dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, các quy chuẩn, tiêu chuẩn về giải pháp phòng cháy, chữa cháy.

+ Tổ chức lực lượng phòng cháy, chữa cháy theo phương châm 4 tại chỗ; xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy ở từng tuyến, điểm tổ chức du lịch; hoàn thiện các công trình phòng cháy, chữa cháy nói chung và phòng cháy, chữa cháy rừng nhằm phát hiện sớm cháy rừng, huy động lực lượng chữa cháy kịp thời.

+ Thường xuyên tuyên truyền, tập huấn, nâng cao nhận thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy cho cộng đồng dân cư, khách du lịch, các đơn vị kinh doanh dịch vụ.

3.5. Nhóm giải pháp về phát triển loại hình, sản phẩm du lịch

- Thực hiện việc nghiên cứu thị trường (thu thập phản hồi của khách du lịch thường xuyên), làm việc với các bên liên quan, nhất là các công ty lữ hành để xác định đặc điểm nhu cầu và trải nghiệm của các đối tượng khách du lịch với các loại hình du lịch, sản phẩm du lịch trong rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa.

- Phối hợp với doanh nghiệp du lịch lữ hành và các bên liên quan trong việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ du lịch như các sản phẩm nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp, sản phẩm du lịch mạo hiểm, sản phẩm du lịch hội nghị, hội thảo, hay các sản phẩm du lịch sự kiện như sự kiện, lễ hội văn hoá.

- Hàng năm tổ chức hội nghị khách hàng với những công ty du lịch và khách hàng chính để lấy ý kiến phản hồi về các tuyến, điểm, dịch vụ du lịch để phát triển, cải thiện và hoàn thiện các sản phẩm du lịch.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động du lịch làm quen (famtrip) với các công ty du lịch, các đối tác chính để phát triển ý tưởng và xây dựng các loại hình du lịch, sản phẩm du lịch mới, cũng như để hoàn thiện các loại hình, sản phẩm du lịch hiện có.

- Đầu tư kinh phí cho nhiệm vụ phát triển và hoàn thiện các loại hình du lịch, các tuyến, điểm du lịch.

- Xây dựng thêm các tuyến đi bộ trong rừng, có các biển báo chỉ dẫn, diễn giải môi trường dọc tuyến để du khách có thể trải nghiệm, khám phá các hệ sinh thái rừng, hang động, thác nước, các di tích và phế tích lịch sử, các điểm quan sát, bãi cắm trại.

- Xây dựng các sản phẩm kết nối với các điểm trong RPH Nam Khánh Hòa với các điểm tham quan, du lịch tại các xã vùng đệm RPH.

3.6. Nhóm giải pháp vốn và đầu tư du lịch

3.6.1. Nhóm giải pháp vốn

- Tổng nguồn vốn thực hiện được xác định tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Phân kỳ đầu tư được xác định tại bước lập Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Đề án xác định tối ưu nguồn lực kêu gọi đầu tư bằng hình thức cho thuê môi trường và hợp tác liên kết để phát triển du lịch sinh thái trong rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa giai đoạn 2025 - 2029 nhằm đạt được mục tiêu chung của Đề án và hiệu quả kinh tế cao nhất. Qua đó, nguồn vốn thực hiện Đề án chủ yếu kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa) từ hình thức cho thuê môi trường rừng, hợp tác liên kết để phát triển du lịch sinh thái. Đây là phương thức huy động chính từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư phát triển du lịch sinh thái trong rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa giai đoạn 2025 – 2029.

- Ban Quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa xây dựng kế hoạch thu hút vốn đầu tư đối với từng điểm, tăng cường hỗ trợ, trao đổi, hợp tác với các đơn vị,

tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có năng lực, thế mạnh về đầu tư phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; xây dựng cơ sở hành lang pháp lý thuận lợi cho hoạt động của nhà đầu tư trong phát triển du lịch sinh thái kết hợp với bảo tồn thiên nhiên đa dạng sinh học.

- Phối hợp với các Sở, ban ngành, địa phương tổ chức các buổi tọa đàm, xúc tiến đầu tư kết nối với các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong việc phát triển du lịch tại rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa.

- Thu hút đầu tư phát triển du lịch, khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tham gia phát triển du lịch sinh thái tại rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa. Tiếp tục hợp tác và cho thuê môi trường rừng trong việc đầu tư phát triển du lịch.

- Chủ động tham gia các hội nghị xúc tiến đầu tư, liên kết du lịch được tổ chức tại tỉnh Khánh Hòa và các địa phương với mục tiêu kết nối và tìm kiếm các nhà đầu tư tiềm năng, đầu tư vào hoạt động du lịch tại rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa.

- Ban Quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa xây dựng bộ hồ sơ kỹ thuật với các tiêu chí chọn nhà đầu tư nhằm chọn lọc các nhà đầu tư định hướng phát triển du lịch phù hợp với rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa và cộng đồng địa phương, đặc biệt quan tâm đến phát triển bền vững gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa bản sắc của các đồng bào dân tộc trong khu vực.

- Khuyến khích đầu tư phát triển du lịch sinh thái, đơn giản hóa các thủ tục hành chính để thu hút được các nhà đầu tư tham gia hoạt động du lịch sinh thái.

- Tổ chức, cá nhân hợp tác liên kết, thuê môi trường rừng triển khai dự án du lịch sinh thái tự chủ động tổ chức phương tiện sử dụng vận hành du lịch theo kế hoạch kinh doanh của công ty mình để đảm bảo hiệu quả đầu tư cao nhất. Khách du lịch được lựa chọn các phương tiện di chuyển để đảm bảo thuận tiện, an toàn và phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của chủ rừng tại mỗi thời điểm.

3.6.2. Nhóm giải pháp đầu tư du lịch

- Phối hợp với các phối hợp với các Sở, ban ngành, địa phương tổ chức các buổi tọa đàm, xúc tiến đầu tư kết nối với các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong việc phát triển du lịch tại rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa.

- Thu hút đầu tư phát triển du lịch, khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tham gia phát triển du lịch sinh thái tại rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa. Tiếp tục hợp tác và cho thuê MTR trong việc đầu tư phát triển du lịch.

- Chủ động tham gia các hội nghị xúc tiến đầu tư, liên kết du lịch được tổ chức tại tỉnh Khánh Hòa và các địa phương với mục tiêu kết nối và tìm kiếm các nhà đầu tư tiềm năng, đầu tư vào hoạt động du lịch tại rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa.

- Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa xây dựng bộ hồ sơ kỹ thuật với các tiêu chí chọn nhà đầu tư nhằm chọn lọc các nhà đầu tư định hướng phát triển phù hợp với rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa và cộng đồng địa phương, đặc biệt quan tâm đến phát triển bền vững gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa.

- Khuyến khích đầu tư phát triển du lịch sinh thái, đơn giản hóa các thủ tục hành chính để thu hút được các nhà đầu tư tham gia hoạt động du lịch sinh thái.

- Tổ chức, cá nhân hợp tác liên kết, thuê môi trường rừng các điểm, tuyến du lịch tại BQL RPH Nam Khánh Hoà triển khai dự án DLST tự chủ động tổ chức phương tiện sử dụng vận hành du lịch theo kế hoạch kinh doanh của công ty mình để đảm bảo hiệu quả đầu tư cao nhất. Khách du lịch được lựa chọn các phương tiện di chuyển để đảm bảo thuận tiện, an toàn và phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của chủ rừng tại mỗi thời điểm.

- Sau khi phê duyệt đề án; để đảm bảo tính kế thừa, sự thống nhất, đảm bảo an sinh bền vững, các nhà đầu tư đăng ký thuê môi trường rừng cần gặp gỡ, thỏa thuận với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đã được giao khoán bảo vệ rừng như một điều kiện để tham gia đầu tư.

3.7. Nhóm giải pháp liên kết phát triển du lịch

- Phối hợp đưa nội dung Đề án vào kế hoạch phát triển du lịch của tỉnh Khánh Hòa.

- Phối hợp với chính quyền tỉnh Khánh Hòa, các huyện và các xã lân cận phát triển mạng lưới sản phẩm trong khu vực lấy rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa làm trung tâm, phát triển các dịch vụ du lịch tại các khu vực xã lân cận.

- Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch khu vực ven rừng (mở rộng hệ thống giao thông kết nối với rừng phòng hộ, mở rộng mạng lưới giao thông trong khu vực để tăng khả năng tiếp cận của khách).

- Phối hợp nâng cao nhận thức và phát triển nguồn nhân lực của địa phương cho hoạt động du lịch sinh thái; xây dựng các chương trình đào tạo kiến thức và kỹ năng hoạt động du lịch tại Ban.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức trong nước và quốc tế, các trường học tổ chức chương trình du lịch, ngoại khoá, chương trình tình nguyện tại

ban quản lý và kết nối các địa phương lân cận để đẩy mạnh tính liên kết và tạo hiệu ứng truyền thông cho phát triển du lịch.

- Xây dựng các tour, tuyến du lịch đặc sắc để kết nối các điểm tham quan, du lịch trọng điểm của ban quản lý với các điểm đến du lịch trọng điểm của tỉnh Khánh Hòa.

- Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp du lịch thông qua các hình thức như: tổ chức các hoạt động giới thiệu sản phẩm hàng năm tới các công ty lữ hành, phối hợp trong bán và quảng bá sản phẩm du lịch với công ty lữ hành.

- Xây dựng cơ chế phối hợp thường xuyên với các doanh nghiệp, hộ dân kinh doanh du lịch trên địa bàn thông qua ký kết hợp tác giữa hai bên trong đó ban quản lý ưu tiên cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp, hộ dân thực hiện nghiêm túc chủ trương, định hướng phát triển du lịch.

- Phối hợp với các hợp tác xã, ban quản lý du lịch địa phương trong việc phối hợp cung cấp các sản phẩm du lịch; phối hợp cung cấp thông tin, hướng dẫn về hoạt động và các quy tắc hoạt động du lịch tại ban quản lý.

- Tăng tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của cộng đồng người dân địa phương tại các dịch vụ, điểm bán hàng trong rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa. Làm việc với chính quyền địa phương để định hướng sản xuất, xây dựng thương hiệu, quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa địa phương đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

- Khuyến khích cộng đồng địa phương liên kết, hợp tác với các đại lý du lịch trực tuyến như: Booking, Agoda, Airbnb, Tripadvisor; đồng thời kết nối các đại lý với từng điểm du lịch, điểm tham quan trong rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa.

3.8. Nhóm giải pháp xúc tiến quảng bá và phát triển thị trường du lịch

Đối với các hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong thời đại kỹ thuật số, công nghệ 4.0 thì quảng bá là yếu tố quyết định sự thành công. Đối với hoạt động du lịch cũng tương tự như vậy, chiến lược quảng bá tốt sẽ giúp khách hàng biết đến sản phẩm và tham gia hoạt động du lịch. Do vậy, đối với BQL việc quảng bá về du lịch sẽ được thực hiện thông qua các hình thức:

- Xây dựng riêng trang web của BQL RPH Nam Khánh Hòa nhằm cung cấp thông tin và thu hút người tìm kiếm thông tin về rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa; kết hợp với quảng bá thông tin về sản phẩm du lịch của các cộng đồng, của các đơn vị, doanh nghiệp vận hành dịch vụ du lịch trong rừng phòng hộ.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin xây dựng chiến lược thương hiệu, điểm nhấn của BQL RPH Nam Khánh Hòa làm cơ sở cho các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch của khu rừng phòng hộ.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động xúc tiến quảng bá cho các giai đoạn 2025 - 2029.

- Có các hoạt động nghiên cứu, điều tra thị trường du lịch định kỳ để có được thông tin về diễn biến thị trường làm cơ sở cho cách hoạt động xúc tiến quảng bá, xây dựng hình ảnh, thương hiệu, phát triển sản phẩm du lịch.

- Xã hội hóa hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch thông qua việc huy động các nguồn vốn, trí thức của tập thể và cá nhân trong việc tổ chức và thực hiện các hoạt động xúc tiến quảng bá. Ví dụ, thông qua trang thông tin cá nhân, các diễn đàn du lịch trên Facebook, Intagram, Zalo và các diễn đàn du lịch chính thống khác.

- Tổ chức thực hiện các chiến dịch truyền thông, tuyên truyền về du lịch ở RPH Nam Khánh Hòa thông qua các báo, đài, trang thông tin điện tử và hoạt động quảng bá ở các hội chợ du lịch hay hội nghị xúc tiến du lịch.

3.9. Nhóm giải pháp phát triển cộng đồng và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá bản địa

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình du lịch cộng đồng thành công của tỉnh ra địa bàn. Phối hợp với chính quyền địa phương hỗ trợ các hộ tham gia phát triển DLST về thủ tục pháp lý, phương thức tiếp cận nguồn vốn từ các tổ chức xã hội, ngân hàng ...

- Xây dựng tuyến du lịch kết nối những điểm du lịch của BQL Nam Khánh Hòa với những bản làng, khu vực dự kiến phát triển du lịch cộng đồng.

- Kết hợp với chính quyền địa phương tổ chức những đợt tập huấn về phát triển du lịch sinh thái, chuyên đi khảo sát học tập kinh nghiệm ở những địa phương làm du lịch sinh thái thành công (Quảng Ninh, Thanh Hóa, Phong Nha Kẻ Bàng) cho các hộ tham gia chủ động vào hoạt động DLST. Để có thể thực hiện được các hoạt động du lịch bền vững cần hỗ trợ người dân gìn giữ và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống mang bản sắc của từng dân tộc nhằm mang lại các sản phẩm du lịch văn hóa truyền thống đặc sắc bao gồm văn hóa ẩm thực, trang phục, phong tục tập quán, lễ hội, kiến trúc nhà ở và kiến trúc bản làng.

- Ưu tiên mua nông sản, thực phẩm do cộng đồng địa phương sản xuất để chế biến những món ăn đặc sản dân tộc phục vụ du khách, tạo tính bền vững cho hoạt động du lịch sinh thái của rừng phòng hộ.

- Các hoạt động DLST diễn ra trong rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa, cần ưu tiên tuyển dụng người dân địa phương nhằm phát huy lợi thế và giúp cộng đồng người dân địa phương có công ăn việc làm và thêm thu nhập.

3.10. Nhóm giải pháp về diễn giải, giáo dục

3.10.1. Giải pháp về biển báo và diễn giải

- Xây dựng hệ thống sa bàn và hệ thống phòng chiếu phim tái hiện lại hiện trạng tài nguyên rừng trước khi có BQL RPH Nam Khánh Hòa và sau khi có BQL RPH Nam Khánh Hòa nhằm mục đích phục vụ cho hoạt động diễn giải môi trường.

- Thiết lập số liệu thống kê cần có về số lượng biển báo/biển cảnh báo/biển cấm và bảng thông tin diễn giải hiện có theo từng phân khu và đường mòn.

- Lập bản đồ chi tiết tích hợp các biển báo và bảng thông tin diễn giải tại các điểm và tuyến du lịch sinh thái.

- Lập thiết kế đồng bộ cho tất cả các loại biển báo và thông tin diễn giải rõ ràng, dễ hiểu và hấp dẫn khách du lịch thăm quan tìm hiểu.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn diễn giải chuẩn để chuẩn bị cho các hoạt động du lịch sinh thái diễn ra trong BQL RPH.

- Có hướng đào tạo cán bộ nhân viên của BQL RPH Nam Khánh Hòa tiếp cận với hoạt động du lịch sinh thái theo hướng đảm bảo cả về số lượng và chất lượng.

3.10.2. Giải pháp về chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường

- Thiết kế các chương trình diễn giải môi trường chung cho BQL RPH Nam Khánh Hòa, các chương trình diễn giải theo chuyên đề kết hợp với chuyên gia về đa dạng sinh học/các nhà hoạt động vì môi trường có tầm ảnh hưởng. Chương trình tổ chức theo dạng phòng chiếu phim phục vụ nhu cầu của các đoàn khách trong và ngoài nước, đặc biệt nhóm khách hàng hướng tới đó là các đoàn học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông trong tỉnh và các vùng lân cận. Nội dung chương trình theo chủ đề chuyên biệt nhằm giới thiệu các giá trị về đa dạng sinh học của BQL RPH Nam Khánh Hòa, các chương trình này sẽ được đăng tải trên Website và trên các kênh truyền thông của các công ty du lịch.

- Thiết kế hoạt động tương tác cho khách cùng trải nghiệm những giá trị về đa dạng sinh học phong phú của RPH Nam Khánh Hòa.

3.11. Nhóm giải pháp về an ninh, an toàn trong tổ chức hoạt động du lịch

- Các doanh nghiệp kinh doanh du lịch phải quan tâm đến an toàn, an ninh cho du khách. Có phương án phòng chống thiên tai, hoả hoạn và các sự cố môi trường khác, giảm tới mức thấp nhất hậu quả. Các cơ sở lưu trú, ăn uống, vận chuyển và vui chơi giải trí phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn, vệ sinh, phòng chống cháy nổ và phòng ngừa tai nạn, tệ nạn xã hội, đảm bảo cho du khách được hưởng chất lượng dịch vụ tốt nhất.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng tại địa phương thực hiện tốt và tăng cường kiểm tra, công tác giữ gìn trật tự, an ninh, vệ sinh môi trường tại các điểm tham quan du lịch; lập lại trật tự, vệ sinh, an ninh, an toàn; phòng và chống các tệ nạn xã hội; xóa bỏ các hành động “chặt chém”, ăn xin, chèo kéo khách ở các điểm du lịch. UBND địa phương tiếp tục ra tay chỉ đạo có biện pháp xử lý nghiêm các hành động gây phiền hà, làm mất an toàn cho người và tài sản của khách du lịch.

3.12. Nhóm giải pháp chuyển đổi số hướng đến du lịch thông minh

- Xây dựng hệ thống diễn giải mã hóa (QR code) để diễn giải đọc các tuyến đi bộ trong RPH và tại các điểm du lịch.

- Xây dựng hệ thống giám sát bằng camera tại các điểm, tuyến du lịch, đảm bảo việc giám sát thường xuyên khách du lịch.

- Phát triển các giải pháp thuyết minh điện tử, các công nghệ thực tế ảo, thực tế tăng cường... tại Trung tâm du khách làm gia tăng tính hấp dẫn, cung cấp nhiều thông tin cho khách du lịch.

- Bổ sung thông tin trên Google map, từng bước thiết lập hệ thống wifi miễn phí trong vườn, nhất là những khu vực cho nhiều khách tiếp cận.

- Xây dựng cơ chế hợp tác chuyển đổi số trong du lịch, huy động sự tham gia của các nhà đầu tư trong hoạt động chuyển đổi số.

CHƯƠNG 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN, QUẢN LÝ GIÁM SÁT VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

4.1. Tổ chức thực hiện

4.1.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra BQL RPH Nam Khánh Hòa trong suốt quá trình triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động của Đề án khi được phê duyệt, đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định về đầu tư, đất đai, lâm nghiệp, du lịch, bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học liên quan đến hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật; hướng dẫn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng lập, thực hiện phương án, thủ tục bảo vệ môi trường trong thực hiện các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Phối hợp với các sở, ban ngành, đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh quản lý, trình, thẩm định các dự án đầu tư phát triển tại các khu du lịch theo quy định; hỗ trợ BQL RPH Nam Khánh Hòa trong việc thu hút, kêu gọi các nguồn vốn đầu tư thực hiện hiệu quả các nội dung, hoạt động của Đề án được phê duyệt.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đảm bảo các quy định về quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và các quy định khác có liên quan.

- Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền đối với chủ rừng trong việc quản lý, sử dụng kinh phí cho thuê môi trường rừng, các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và các nguồn thu khác.

4.1.2. BQL RPH Nam Khánh Hòa

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai đề án theo quy định; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ rừng để đảm bảo việc tổ chức triển khai thực hiện đề án đạt hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành, nâng cao năng lực, hiệu quả trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các nội dung, hoạt động của đề án được phê duyệt; đề xuất xây dựng các chương trình, dự án, nhiệm vụ cụ thể trình cấp thẩm

quyền xem xét, phê duyệt; tổ chức xúc tiến, kêu gọi các dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và tranh thủ sự chỉ đạo, hỗ trợ của các cơ quan có thẩm quyền cũng như có các giải pháp huy động nguồn vốn đầu tư hợp pháp nhằm triển khai đạt các mục tiêu đề ra của đề án và phù hợp với Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020-2029 của BQL RPH Nam Khánh Hòa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Xây dựng hồ sơ kỹ thuật để tổ chức lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, công bằng và đúng quy định của pháp luật hiện hành; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các điểm du lịch trong đề án được phê duyệt có bị chồng lấn với các diện tích của tổ chức, hộ gia đình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ranh giới diện tích chồng lấn trên bản đồ, QBL RPH Nam Khánh Hòa không đưa diện tích này vào cho thuê môi trường rừng, báo cáo cấp có thẩm quyền để xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng kinh phí cho thuê môi trường rừng, kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng, các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và các nguồn thu khác cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng, mua sắm các trang thiết bị, sửa chữa phương tiện, hỗ trợ kinh phí cho lực lượng tham gia bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng của đơn vị đảm bảo hiệu quả.

- Xây dựng cơ chế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để tổ chức giám sát các hoạt động du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong lâm phần đơn vị quản lý đảm bảo thường xuyên, liên tục và đánh giá theo định kỳ hàng năm, giai đoạn theo quy định của pháp luật. Các tiêu chí giám sát bao gồm: Bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn và sử dụng hợp lý cảnh quan thiên nhiên, bảo vệ môi trường, số lượng khách du lịch...

- Hàng năm lập báo cáo thu, chi gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, quản lý, kiểm tra và thực hiện quyết toán các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và các nguồn thu khác đảm bảo hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Đề án cho Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan để tổng hợp, báo cáo, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các vấn đề liên quan theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất.

- Sau khi Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Ban Quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa sẽ phối hợp với

các chủ đầu tư triển khai dự án du lịch sinh thái theo nội dung đề án được phê duyệt và theo quy định pháp luật; đồng thời, thực hiện các trình tự thủ tục về đất đai, sử dụng đất kết hợp đa mục đích (nếu có) theo quy định tại Luật Đất đai 2024 và Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

4.1.3. Các cơ quan ban, ngành địa phương liên quan

4.1.3.1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, thực hiện quản lý nhà nước về du lịch; chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện, và các đơn vị có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra BQL RPH Nam Khánh Hòa, các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức quản lý các hoạt động du lịch sinh thái, bảo tồn di sản văn hóa, lịch sử trong rừng; phối hợp quản lý, bảo vệ và khai thác sử dụng hiệu quả tài nguyên du lịch sinh thái rừng phòng hộ; đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến du lịch.

- Hỗ trợ công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư và liên kết, hợp tác phát triển du lịch sinh thái tại BQL RPH Nam Khánh Hòa với các khu, điểm du lịch trong và ngoài tỉnh gắn với nghiên cứu, định hướng phát triển sản phẩm du lịch, phát triển thị trường khách du lịch.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực du lịch theo giai đoạn và hàng năm đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch sinh thái tại BQL RPH Nam Khánh Hòa.

4.1.3.2. Sở Xây dựng

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực xây dựng, quy hoạch xây dựng, kiến trúc trong việc triển khai thực hiện Đề án.

4.1.3.3. Sở Tài chính

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan trong việc hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định. Hỗ trợ kêu gọi, thu hút các dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và huy động các nguồn vốn đầu tư hợp pháp nhằm triển khai đạt các mục tiêu của Đề án.

4.1.3.4. Sở Khoa học và Công nghệ, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tăng cường công tác truyền thông, quảng bá tiềm năng, lợi thế về du lịch sinh thái tại BQL RPH Nam Khánh Hòa, khu vực tỉnh Khánh Hòa nói chung và RPH Nam Khánh Hòa nói riêng để kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư và truyền tải thông tin đến khách du lịch.

4.1.4. Trách nhiệm của cộng đồng địa phương

- Cộng đồng địa phương là đội ngũ tuyên truyền, quảng bá du lịch, đại diện cho hình ảnh, nét đẹp của từng địa phương, điểm đến. Thực hiện quyền kiểm soát, quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, cũng như giám sát các vấn đề liên quan đến hoạt động phát triển du lịch du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của chủ rừng, tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng, nhất là việc bảo vệ rừng, giữ gìn bản sắc văn hóa, khai thác và sử dụng hợp lý, bền vững các loại tài nguyên thiên nhiên trong khu vực.

4.1.5. Trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển DLST

- Thực hiện các dự án đầu tư theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, phát triển du lịch sinh thái trong rừng phòng hộ.

- Thực hiện đúng các yêu cầu của BQL trong công tác quản lý các hoạt động du lịch.

- Phối hợp với BQL trong các hoạt động giới thiệu, quảng bá, xúc tiến, phát triển các sản phẩm du lịch trong RPH.

- Tôn trọng các cộng đồng địa phương và văn hóa truyền thống của người dân bản địa, góp phần tích cực vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng, tôn tạo các di tích văn hóa, lịch sử, các công trình phúc lợi trên địa bàn.

- Hợp tác với BQL trong thực hiện các hoạt động du lịch có sự tham gia của cộng đồng địa phương, khuyến khích ưu tiên sử dụng và đào tạo lao động địa phương. Tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân nêu cao ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái và truyền thống văn hóa của địa phương, giúp đồng bào phát triển kinh tế, tăng thu nhập.

- Tham gia giám sát hoạt động phát triển du lịch trong RPH Nam Khánh Hòa.

- Thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của bên thuê môi trường rừng trong hợp đồng thuê môi trường rừng đã ký với BQL RPH Nam Khánh Hòa; sử dụng diện tích được thuê môi trường rừng đúng mục đích và tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Cam kết chi trả giá cho thuê môi trường rừng theo hợp đồng đã ký với chủ rừng nhưng không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm của bên thuê môi trường rừng trong phạm vi diện tích thuê môi trường rừng và phải quy

ra giá trị tuyệt đối để chủ rừng đánh giá, được ghi rõ trong hợp đồng cho thuê môi trường rừng.

4.2. Trách nhiệm tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

4.2.1. Trách nhiệm tổ chức giám sát của BQL RPH Nam Khánh Hoà

BQL RPH Nam Khánh Hoà có trách nhiệm phối hợp với các chủ đầu tư, chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên đánh giá và giám sát đảm bảo hạn chế những tác động tiêu cực của hoạt động du lịch tới bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học, cảnh quan môi trường và các chức năng khác của khu rừng, như:

- Các hoạt động làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái tự nhiên, cảnh quan môi trường;
- Các hoạt động ảnh hưởng đến bảo vệ các loài động, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;
- Hoạt động bảo vệ nguồn gen sinh vật rừng, nghiên cứu khoa học;
- Hoạt động thi công xây dựng, quản lý và vận hành các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định của Luật Lâm nghiệp, Luật Xây dựng và pháp luật liên quan;
- Hoạt động liên quan đến xử lý nước thải, chất thải, bụi, tiếng ồn và bảo vệ môi trường nói chung;
- Hoạt động ảnh hưởng đến văn hóa địa phương, những di tích, di sản của RPH Nam Khánh Hoà và địa phương.

4.2.2. Vai trò giám sát của các bên liên quan

Các bên liên quan trong hoạt động du lịch có tham gia hoạt động giám sát bao gồm:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: là cơ quan chủ quản, giám sát việc thực hiện hoạt động du lịch sinh thái theo các yêu cầu của Luật Lâm nghiệp.
- Chính quyền địa phương: UBND huyện Khánh Sơn, huyện Cam Lâm và UBND các xã giám sát các hoạt động của ban quản lý RPH Nam Khánh Hòa nói chung và hoạt động DLST nói riêng.
- Cộng đồng địa phương: tham gia các hoạt động du lịch sinh thái trong rừng phòng hộ, phát hiện và giám sát các vấn đề phát sinh trong hoạt động du lịch sinh thái của rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa.

- Các doanh nghiệp tham gia kinh doanh du lịch: Tham gia đấu thầu, cung cấp các dịch vụ, phối hợp với Ban quản lý RPH Nam Khánh Hòa trong các hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái, phát hiện và giám sát các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức kinh doanh, phục vụ khách du lịch trong rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa.

- Các tổ chức quốc tế, các tổ chức có liên quan: Hỗ trợ ban quản lý RPH Nam Khánh Hòa trong các hoạt động quản lý phát triển bền vững và du lịch sinh thái tại ban, giám sát việc hoạt động du lịch sinh thái đảm bảo các yêu cầu bảo tồn và phát triển bền vững.

- Khách du lịch: là những người tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch, phát hiện, thông báo những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

4.2.3. Tổ chức giám sát của các bên liên quan

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa thực hiện việc giám sát định kỳ và đột xuất hoạt động du lịch sinh thái.

- Giám sát hàng năm: Thực hiện giám sát thông qua báo cáo công tác của BQL hàng năm với các nội dung báo cáo về du lịch sinh thái bao gồm kết quả phát triển về du lịch (số lượng khách, doanh thu, lao động, đầu tư và đóng góp của hoạt động du lịch); mức độ thực hiện so với Đề án; những vấn đề phát sinh và đề xuất giải pháp.

- Sơ kết công tác 5 năm thực hiện đề án: BQL RPH Nam Khánh Hòa tổ chức sơ kết và báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường về kết quả thực hiện đề án trong giai đoạn năm 2025-2029 đề xuất kiến nghị những giải pháp thực hiện và điều chỉnh đề án.

- Giám sát đột xuất: được thực hiện khi có những vấn đề đột xuất phát sinh trong phát triển du lịch sinh thái có thể ảnh hưởng đến công tác quản lý và phát triển bền vững của BQL RPH Nam Khánh Hòa.

- Chính quyền địa phương (UBND huyện Khánh Sơn, huyện Cam Lâm và UBND các xã): thực hiện công tác giám sát thông qua các cuộc họp, trao đổi thường xuyên với BQL RPH Nam Khánh Hòa.

- Định kỳ hàng năm tổ chức tổng kết hoạt động du lịch của BQL RPH Nam Khánh Hòa với sự tham gia của chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư để thu nhận các ý kiến giám sát về phát triển du lịch sinh thái của BQL RPH Nam Khánh Hòa.

- Duy trì đầu mối liên lạc thường xuyên của lãnh đạo BQL RPH Nam Khánh Hòa để tiếp nhận những phản ánh, góp ý, chỉ đạo phối hợp của chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư.

- Các tổ chức có liên quan:

+ Công bố công khai, rộng rãi các hoạt động du lịch sinh thái của BQL RPH Nam Khánh Hòa (thông qua các thông tin, báo cáo) để các tổ chức có thể cập nhật thông tin và thực hiện giám sát.

+ Phối hợp với các tổ chức trong các hoạt động nghiên cứu, đánh giá, từ đó xác định những vấn đề phát sinh trong hoạt động du lịch sinh thái.

- Đối với hoạt động giám sát của khách du lịch:

+ Công khai số điện thoại email của lãnh đạo để có thể trực tiếp liên hệ phản ánh về những vấn đề phát sinh trong hoạt động du lịch.

+ Cử cán bộ thường xuyên thu thập thông tin phản ánh trên các mạng xã hội diễn đàn du lịch (TripAdvisor...), báo cáo với cấp lãnh đạo, từ đó tổ chức các hoạt động khắc phục.

4.3. Hiệu quả của đề án

Hiệu quả về kinh tế

- Tạo nguồn thu tài chính bền vững cho BQL RPH Nam Khánh Hòa để tái đầu tư vào công tác quản lý bảo vệ rừng, đa dạng sinh học. Từng bước giảm nguồn chi từ ngân sách và tăng nguồn chi từ các hoạt động du lịch, cho thuê MTR.

- Góp phần tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng địa phương thông qua tham gia các hoạt động dịch vụ du lịch do chủ đầu tư tổ chức hoặc tham gia dưới hình thức là nhân viên dịch vụ của chủ đầu tư. Từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang dịch vụ, thương mại... thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế khác như: giao thông vận tải, thương mại, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, sản xuất sản phẩm thực phẩm hữu cơ...

- Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa trên địa bàn huyện rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa nói riêng và tỉnh Khánh Hòa nói chung.

Hiệu quả về văn hóa xã hội và môi trường

- Thông qua các hoạt động du lịch sinh thái sẽ thúc đẩy người dân địa phương tích cực tham gia vào các hoạt động bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học tại BQL RPH Nam Khánh Hòa.

- Góp phần phục hồi và phát triển các giá trị văn hóa và nghề truyền thống đồng thời mang lại nguồn thu nhập cho cộng đồng địa phương.

- Góp phần tích cực vào việc nâng cao sức khỏe cộng đồng, nâng cao chất lượng cuộc sống ...

- Góp phần tích cực vào việc xóa đói, giảm nghèo hiệu quả...

- Thu hút được công nghệ, nguồn vốn, kinh nghiệm kinh doanh, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Phát triển du lịch khu vực RPH Nam Khánh Hòa là phương tiện tuyên truyền, lan truyền ý tưởng, diễn giải quảng cáo cho hàng ngàn lượt du khách đến tham quan về con người, phong tục tập quán, các tài nguyên thiên nhiên, các di tích văn hoá lịch sử... qua đó nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, văn hóa cho người dân và du khách. Giúp du khách tham quan có cái nhìn tích cực đối với thiên nhiên, môi trường sống... với công tác bảo vệ rừng bảo tồn đa dạng sinh học.

- Các hoạt động bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo tồn thiên nhiên được quan tâm đầu tư, phát huy, tỷ lệ che phủ của rừng được nâng cao sẽ cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái hiệu quả hơn (giữ nước tốt hơn, điều hòa được dòng chảy, hạn chế xói mòn, cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt cho cộng đồng).

Hiệu quả an ninh quốc phòng

- Hoạt động du lịch, tăng cường tiếp xúc, giao lưu với khách giúp nâng cao dân trí của nhân dân trong vùng, góp phần nâng cao nếp sống văn minh, lành mạnh. Các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc được gìn giữ và phát triển thông qua các hoạt động du lịch văn hóa, lịch sử.

- Góp phần tích cực vào việc nâng cao nhận thức về chủ quyền lãnh thổ, an ninh trật tự xã hội của địa phương.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong RPH Nam Khánh Hòa được xây dựng dựa trên cơ sở điều tra, phân tích và đánh giá trên thực tế đảm bảo tính khoa học và thực tế ở RPH Nam Khánh Hòa;

- Việc lựa chọn các tuyến, khu tổ chức du lịch sinh thái, trải nghiệm, khám phá thiên nhiên, văn hóa, lịch sử trong RPH Nam Khánh Hòa và các hạng mục đầu tư cũng như việc đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện được dựa trên kết quả khảo sát thực địa để đánh giá, phân tích, lựa chọn phù hợp với thực tế tài nguyên du lịch ở các tuyến, điểm du lịch và phù hợp với phương án, các quy định khác của pháp luật.

- Đề án được phê duyệt, sẽ giúp nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng nguồn thu cho BQL RPH Nam Khánh Hòa, trên địa bàn rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa nói riêng và cho tỉnh Khánh Hòa nói chung. Khi được phê duyệt và thực hiện, đề án sẽ phát huy lợi thế về các điều kiện thiên nhiên và xã hội nhằm thu hút được các nguồn đầu tư của xã hội để phát triển du lịch, tạo việc làm và tăng nguồn thu cho ngân sách, tăng thu nhập cho cộng đồng vùng đệm;

- Đề án được phê duyệt, thực hiện sẽ giúp nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng đối với việc bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học ở RPH Nam Khánh Hòa nói riêng và ở tỉnh Khánh Hòa nói chung;

- Đề án là cơ sở quan trọng để BQL RPH Nam Khánh Hòa cùng các bên liên quan thực hiện thành công hoạt động du lịch sinh thái trên cơ sở khai thác tiềm năng thế mạnh về du lịch sinh thái, tận dụng tốt những cơ hội phát triển của thị trường, gắn với bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên rừng; phấn đấu phát triển du lịch RPH Nam Khánh Hòa thành một trong những điểm du lịch sinh thái hàng đầu của Việt Nam, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế xã hội địa phương cũng như trong công tác bảo vệ và phát triển rừng.

2. Kiến nghị

- Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường thôn xem xét thẩm định Đề án phát triển Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2025 – 2029 của Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa; trình UBND tỉnh Khánh Hòa xem xét, phê duyệt;

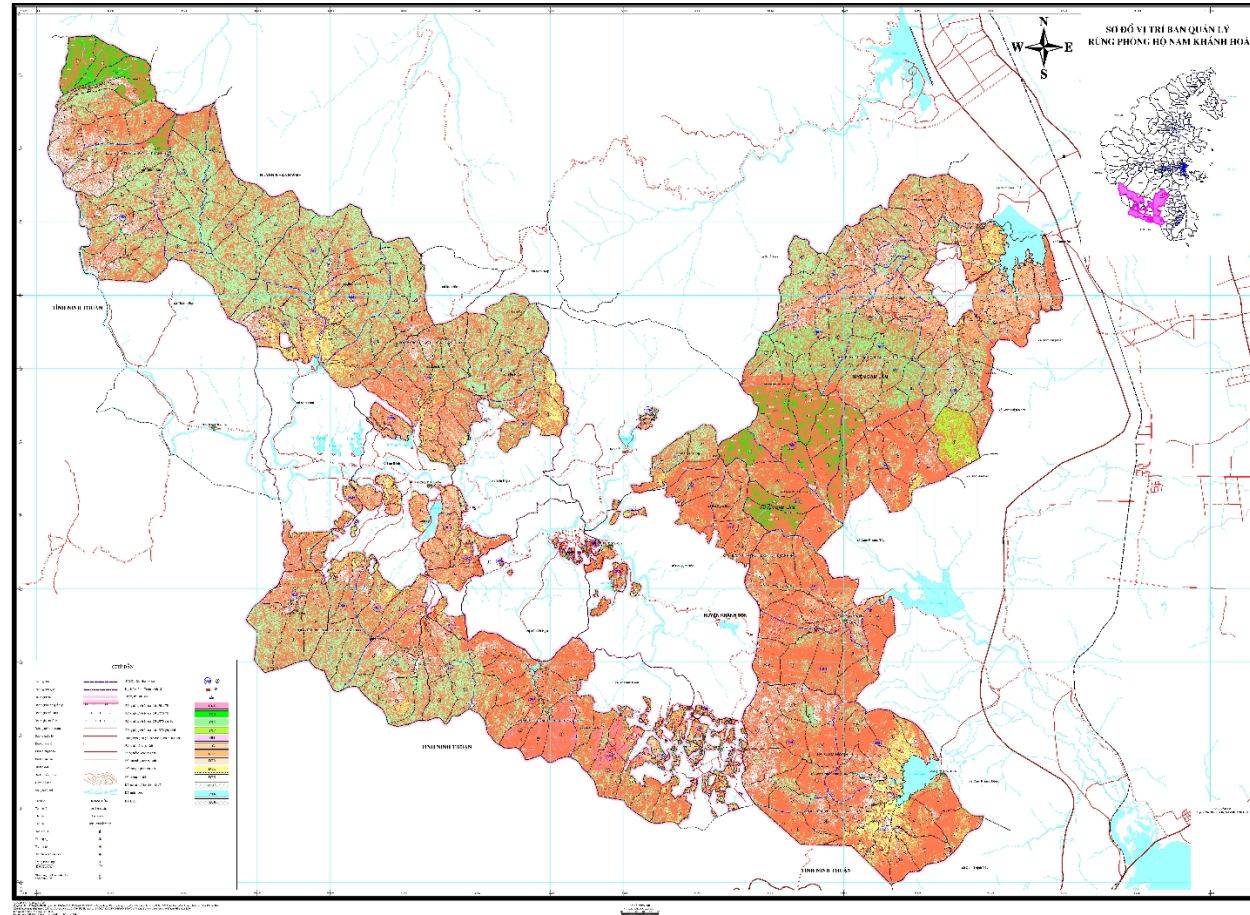
- Kính đề nghị UBND tỉnh Khánh Hòa cùng các sở, ban, ngành có liên quan có những cơ chế, chính sách để hỗ trợ đẩy mạnh đầu tư đối với Đề án phát triển Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2025 – 2029 của Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa./.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC BẢN ĐỒ

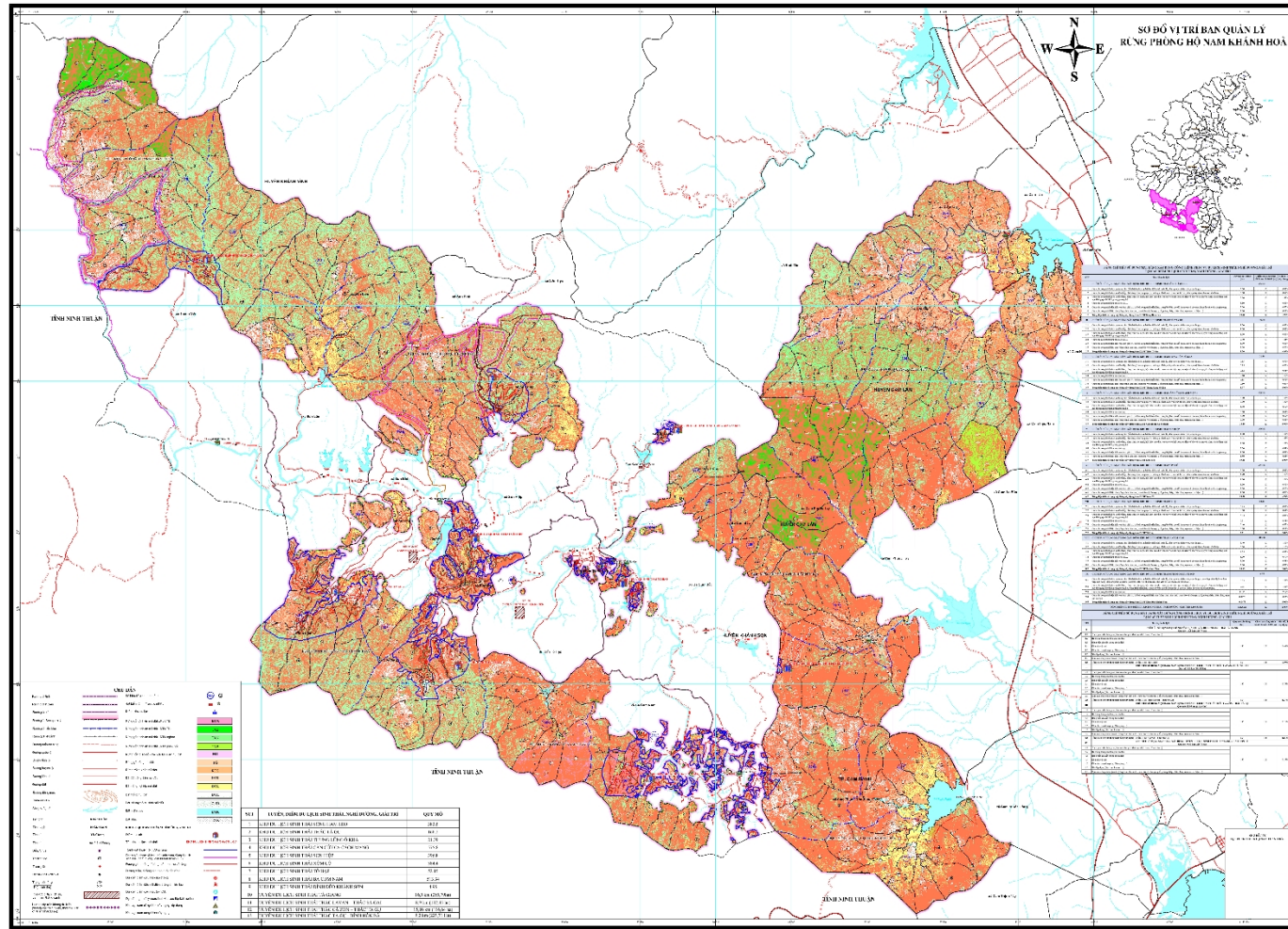
1. Bản đồ hiện trạng rừng

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG RỪNG
BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ NAM KHÁNH HÒA - TỈNH KHÁNH HÒA



2. Bản đồ tổng mặt bằng các tuyến, điểm du lịch, nghỉ dưỡng, giải trí, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch

BẢN VẼ TỔNG MẶT BẰNG CÁC TUYẾN, ĐIỂM DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ, TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC VÀ HẠ TẦNG DU LỊCH
BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ NAM KHÁNH HÒA GIAI ĐOẠN 2025 - 2029



3. Bản đồ quy hoạch định hướng hạ tầng kỹ thuật khu vực dự kiến điểm đầu nối và mạng lưới giao thông, đầu nối điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn, phòng cháy chữa cháy

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU VỰC DỰ KIẾN ĐIỂM ĐẦU NỐI VÀ MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG
ĐẦU NỐI ĐIỆN, CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC, THÔNG TIN LIÊN LẠC, PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY
PHỤC VỤ DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ CỦA BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ NAM KHÁNH HÒA GIAI ĐOẠN 2025 - 2029

